

PHẦN HAI

VÀ ĐỜI

I. HỒI ỨC VỀ XUÂN QUỲNH

XUÂN QUỲNH - MỘT NỬA CUỘC ĐỜI TÔI (Trích)

ĐÔNG MAI

CHƯƠNG I QUÊ HƯƠNG VÀ GIA ĐÌNH

*Mỗi người có một quê
Ngày đại thơ để ở
Tuổi niên thiếu để yêu
Và lớn lên để nhớ*

(Thành phố quê anh)

Quê nội chúng tôi là làng La Khê, cách thị xã Hà Đông khoảng hơn hai cây số, (cách Hà Nội gần 14km), nằm bên bờ sông Nhịê hiền hòa. Đó là một làng quê như bao làng quê khác thuộc vùng đồng bằng Bắc bộ hồi xưa, có những ngôi chùa cổ kính, những con đường lát gạch nghiêng nghiêng bên những bờ ao và xung quanh

làng có lũy tre già bao bọc. Ngày nay, dù làng tôi có thay đổi thế nào, trong ký ức chúng tôi, những hình ảnh đó vẫn còn sâu đậm.

Cùng với các làng Vạn Phúc, La Cỏ, làng La Khê ngày xưa nổi tiếng về nghề dệt the, dệt vân, dệt gấm. Những người dân làng tôi thuở ấy sống cần cù, lặng lẽ sau lũy tre xanh, vừa làm nghề nông, vừa dệt cửi. Một tháng 6 phiên, (ngày 1, 6, 11, 16, 21 và 26 âm lịch) người dân làng tôi đem the, lụa ra chợ Hà Đông bán cho những người từ Hà Nội vào và mua tơ đem về, để lại dệt thành những tấm the, tấm lụa mới.

Gia đình chúng tôi sống trong ngôi nhà cổ năm gian, có sân gạch, vườn cây ở cuối xóm Xơi, một xóm ở gần đầu làng. Ngôi nhà ngói rêu phong này đã có trước khi chúng tôi ra đời hơn nửa thế kỷ. Nó đã chứng kiến bao nhiêu vui buồn, thịnh vượng cũng như thăng trầm của gia đình tôi qua bao nhiêu thế hệ.

Xuân Quỳnh đã gắn bó với ngôi nhà ngói cổ, với cái làng quê hiền hòa và bé nhỏ ấy. Tiếng hát của những người thợ dệt, thợ quay tơ đã in đậm trong tâm hồn Xuân Quỳnh như một khúc nhạc dạo đầu của những ngày thơ ấu. Sau này, khi lớn lên, đi nhiều nơi trên đất nước và trên thế giới, Xuân Quỳnh vẫn nhớ về ngôi nhà ngói cổ, nhớ chốn làng quê, mặc dù Xuân Quỳnh rất ít về thăm. Trong thơ Xuân Quỳnh, hình ảnh làng quê thảnh thơi vẫn hiện ra như những nét chấm phá của một bức

tranh dĩ vãng (*Tiếng gà trưa, Thời gian trắng, Góc cây ngày bé...*)

Quê ngoại chúng tôi là làng La Tinh, bên kia bờ sông Nhụê, cách quê nội tôi mấy cánh đồng và cách làng La Cả. Đó là một làng bé nhỏ, có con đường gạch chạy xuyên qua, một bên là nhà xóm, một bên toàn ao thả cá. Mẹ tôi là con gái nhà giàu, có nhiều anh chị em và là con bà thứ nhất.

Qua bức ảnh duy nhất còn lại, theo lời kể của những người lớn tuổi trong gia đình và làng xóm thì bố mẹ tôi vóc người bé nhỏ nhưng rất xinh. Mắt bồ câu, má lúm đồng tiền, miệng xinh xắn, khi cười hai mắt tít vào, mũi chun lại, rất có duyên. Tính tình mẹ tôi hiền thực, nết na, sống nhân hậu, giàu lòng thương người, luôn quên mình vì người khác. Vì vậy, tuy mẹ tôi là Nguyễn Thị Trích, nhưng cha tôi cứ gọi là Thục Trinh cho hợp với đức độ của Người. Mẹ tôi cũng biết chút Hán học, sau này lại được cha tôi dạy thêm chữ quốc ngữ và bà cũng thường làm thơ. Tiếc rằng những bài thơ ấy nay chẳng còn.

Cuộc hôn nhân giữa cha mẹ chúng tôi là do gia đình xếp đặt. Năm ấy, cha tôi 16 tuổi và mẹ tôi 17 tuổi. Trong tập hồi ký *Vợ tôi* mà cha tôi để lại có viết:

"Nhạc gia tôi, tuy giàu có nhưng không phải là trọc phú, vẫn cẩn niệm trong Nha phong, Trinh luôn được giữ gìn trong nề nếp khuê môn... Phải nói là nàng xinh, 17 tuổi mà bé nhỏ như cô gái 13,

14 tuổi. Khuôn mặt trái xoan, đôi mắt bồ câu, miệng ngậm một ngón sâu... Tôi đã được nhìn thấy người thiếu nữ có vẻ đẹp kín đáo ấy mặc áo đoạn thâm phủ áo hoa cà, đeo hạt vàng, nhẹ gót xuống xe hoa, đi trong trời mưa rả rích giữa một đám con gái phù dâu xúm quanh lấy ô che, bước lên thềm hè vào nhà tôi, làm lễ gia tiên, rồi làm lễ mẹ tôi. Từ đấy, tôi được nhận người thiếu nữ ấy là vợ, là người bạn đường trăm năm"

Bước chân đi lấy chồng, mẹ tôi đã bước vào cuộc đời vừa hạnh phúc vừa đau khổ.

Hạnh phúc vì cha tôi do cảm phục đức hạnh của mẹ tôi mà rất yêu thương vợ. Tình cảm của cha tôi đối với mẹ tôi ngày càng nồng nàn, sâu đậm. Mặt khác, là người lãng mạn, cha tôi có rất nhiều mối tình. Nhưng đó chỉ là chuyện bướm ong, trăng gió, chưa có người phụ nữ nào có thể làm mờ được hình ảnh mẹ tôi trong trái tim. Chẳng có ai có thể thay thế được mẹ tôi trong cuộc sống của Người.

Nhưng niềm hạnh phúc ấy nào có thấm gì so với những đau khổ mẹ tôi phải chịu đựng. Mười bảy tuổi về nhà chồng làm dâu, bà nội tôi lại lắm điều và hà tiện. Mẹ tôi đã phải âm thầm chịu đựng giữ tròn bổn phận người dâu thảo khiến bà tôi dần cũng phải cảm thương quý mến.

Mẹ tôi yêu chồng tha thiết. Khi chưa có con, tất cả tình cảm Người đều dành hết cho chồng. Nhưng thật đáng thương cho mẹ tôi, người chồng mà mẹ

tôi một lòng thờ kính lại chẳng chuyên tâm đến vợ. Khi mẹ tôi ốm đau, như người vô tư, cha tôi dẫn bạn gái về nhà trò chuyện, rồi có hôm dắt nhau đi chơi đến khuya mới về. Mặc dầu vậy, mẹ tôi vẫn dợm cơm và không hề phản nản câu nào. Khi mẹ tôi mất đi, cha tôi vô cùng ân hận, day dứt về điều này. Hai mươi năm sau, Người viết hồi ký về mẹ tôi, đề tựa: "*Vợ tôi*" (hay là *những lời sám hối*).

Người ta bảo mẹ tôi hiền thực, không biết ghen. Sao lại không ghen? Là người yêu chồng tha thiết, muốn sống chết cùng chồng, làm sao mẹ tôi lại không đau khổ khi thấy chồng san sẻ tình cảm với người phụ nữ khác? Chẳng qua, Người nuốt khổ đau trong lòng, âm thầm chịu đựng, không ai nhận thấy, chỉ một mình mình biết, một mình mình hay!

Thế rồi, khi làm mẹ, mẹ tôi phải mang trong lòng những vết thương đau và niềm cay đắng.

Trước khi có tôi, bà sinh được ba người con trai. Cả ba đều lần lượt qua đời khi chưa đầy sáu tháng. Như con chim phải tên sợ cành cây cong, mỗi lần sinh nở là mỗi lần mẹ tôi lo lắng, hồi hộp, không biết có giữ được con trong vòng tay cho đến ngày khôn lớn không? Mẹ tôi đã khóc biết bao nhiêu nước mắt khi ba người con trai lần lượt qua đời! Lúc sinh tôi cũng như sinh Quỳnh, mẹ tôi rất hồi hộp lo âu, khi chúng tôi qua sáu tháng mới tạm yên tâm. Bao nhiêu tình mẫu tử đối với ba người con trai trước, Người dồn hết cho tôi và cho Quỳnh.

Ước mơ làm mẹ của Người tưởng rằng sẽ trọn vẹn thì đau đớn thay, sau khi sinh Quỳnh ít lâu, mẹ tôi lâm trọng bệnh.

Mẹ tôi mắc bệnh lao, một bệnh hay lây mà thời bấy giờ chưa có thuốc nào chữa được. Thương con, không muốn con lây bệnh, mẹ tôi đã tự nguyện sống cách xa con. Người gạt nước mắt, giao Quỳnh cho người khác nuôi và sống lặng lẽ, âm thầm trong căn phòng phía nam ngôi nhà ngói cổ.

Yêu chồng, thương con nhất là thương Quỳnh còn trứng nước, Người cố bầu vịu vào cuộc sống, đấu tranh với tử thần, Người đã tìm mọi cách để tồn tại, ai mách thuốc gì hay, Người cũng uống, ai bảo ăn thứ gì khỏi được bệnh, Người cũng ăn, kể cả ăn nhau người đẻ và nuốt thạch sùng sống mà Người rất ghê sợ. Nhưng cái chết vẫn cứ đến gần mẹ tôi từng ngày.

Những ngày ấy tuy đã xa xôi lắm, nhưng trong tâm trí tôi vẫn còn mãi những kỷ niệm đau lòng của tuổi ấu thơ:

Giường của tôi đặt ở sát căn phòng mẹ tôi, cách một bức vách gỗ có một khe hở khoảng chừng ba đốt ngón tay. Sáng sáng, khi tôi tỉnh dậy, còn nằm trên giường, mẹ tôi thường bảo lách chân qua khe vách ấy, Người nắm lấy chân tôi rồi khóc nức nở, dặn tôi: "Mợ chết, con phải thương em Quỳnh. Tội nghiệp em lắm, con ạ! Con nhớ nhắc cậu dắt con và em ra thăm mộ mợ nhé!"

Trí óc non nớt tuổi thơ của tôi đâu có biết gì đến cái chết, đến nỗi đau của người mẹ sắp phải xa lìa những đứa con thơ lúc thì tôi vâng dạ, lúc thì tôi dấy nẩy lên: "Con chả chịu đâu. Quỳnh hư lắm, hay khóc nhè, hay lầy đồ chơi của con!". Rồi lại hỏi:

- Thế mẹ chết, mẹ thành gì? Có thành ma không?

- Mẹ thành đất.

- Nếu thành ma, mẹ đừng về dọa con nhé!

Tôi không thấy mẹ tôi trả lời, chỉ thấy tiếng sụt sùi và những giọt nước mắt nóng ẩm rơi xuống bàn chân bé nhỏ của tôi.

Tôi không bao giờ quên được cái đêm cuối tháng năm âm lịch ấy. Tôi đang ngủ, chợt nghe tiếng khóc thét của bà ngoại tôi: "Con ơi, sao con bỏ mẹ, bỏ chồng, bỏ hai con thơ dại mà đi, con ơi!". Tôi thấy đèn sáng trưng, cả nhà rộn rịp, tiếng thì thào: "Thế là mẹ cả mất rồi". Nhìn ra ngoài vườn tôi thấy vài con đom đóm lập lòe trong đêm tối, tôi nghĩ có phải hồn mẹ tôi chẳng và tôi cảm thấy một nỗi lo sợ mơ hồ. Tuy vậy, tôi không hề hình dung được cuộc đời của chị em tôi không có mẹ sẽ khổ như thế nào, không thể hiểu được rằng, từ đây cuộc đời bất hạnh của chị em tôi đã bắt đầu.

Sáng hôm sau, đám tang mẹ tôi được tiến hành dưới trời mưa tầm tã. Người ta bảo chết trẻ thì trời mưa to! Trời khóc thương cho cái chết của người mẹ trẻ hay khóc thương cho những đứa trẻ mồ côi non dại như chị em tôi? Cả tôi và Quỳnh còn quá

nhỏ, chưa đội được khăn tang, còn tôi được bế trên tay, gậy cầm lủng lẳng, ra đến ngõ lại được bế quay trở lại vì trời mưa như trút nước.

Cha tôi khóc như mưa như gió vì tiếc thương và vì hối hận. Trong hồi ký "Vợ tôi", cha tôi viết:

"Tôi chỉ nhớ hôm cất đám tang trời mưa rả rích, tôi lội trong bùn bì bõm, nước mắt chảy ròng ròng... Than ôi! Hôm cưới tôi có cái màn hoa đào, cái rương sơn đen, dưới trời mưa lướt thướt. Hôm cất đám tang Trinh thì trời cũng mưa tầm tã. Đời Trinh sống trong đau thương để chết trong thảm cảnh.

Thế là từ đấy trở đi, tôi đã mất Trinh rồi, không được cùng Trinh chung sống nữa...

*Em đi biệt phương trời
Tình xưa đã chia phôi
Hồn em lỏng lẻo sắc
Sầu ta ngát xa xôi
Thuyền đi thăm thăm cánh
Lòng hận hồi thương ôi!"*

Mẹ tôi qua đời ở tuổi ba mươi một, mười lăm năm lấy chồng, mười lăm năm làm dâu, năm lần sinh nở, bao tháng ngày bệnh tật, cố đấu tranh với tử thần để sống với con mà không được. Thế cũng là xong một kiếp người bạc mệnh.

Số phận khắc nghiệt đã cướp đi của Quỳnh người mẹ từ khi còn trứng nước. Hình ảnh người mẹ đối với Quỳnh thật xa xôi, nhưng nỗi đau mất

mẹ đã ám ảnh suốt một đời Quỳnh. Sau này, trên bước đường đời, những lúc vui buồn, đau khổ, Quỳnh vẫn nhớ và khóc về một người mẹ mà Quỳnh tin rằng rất thiêng, lúc nào cũng ở bên Quỳnh. Cuộc đời mồ côi khiến cho Quỳnh hiểu tình mẫu tử thiêng liêng, cần thiết và quý giá như thế nào đối với trẻ thơ, nên khi làm mẹ, Quỳnh đã dồn tất cả tâm hồn và sức lực cho con. Trong thơ Quỳnh, tình mẹ con thật là tha thiết, sâu đậm. Những đứa con là nguồn thi hứng không bao giờ cạn của Quỳnh. Những bài thơ nói về con, viết cho con chiếm một số lượng không nhỏ trong thơ Quỳnh. Và vì vậy, ta cũng hiểu vì sao thơ văn Quỳnh viết cho thiếu nhi, viết về thiếu nhi lại dĩ dõm, nồng ấm tình thương như vậy.

*

* *

Cha tôi là con cầu tự chùa Hương, là niềm mong ước của cha mẹ sau bốn người chị gái. Cha tôi vừa được học chữ Hán, vừa được học tiếng Pháp và trở thành ông giáo trường làng. Tên cha tôi là Nguyễn Quang Thường, nhưng mọi người vẫn gọi cha tôi là ông giáo Lục, vì khi cầu tự chùa Hương, ông tôi nằm mơ thấy có người dẫn sáu con trai đến, ông tôi xoa đầu đứa thứ sáu nên còn gọi là Lục. Khi viết văn, làm báo, cha tôi cũng còn ký tên là Nguyễn Quang Lục.

Cha tôi cao lớn, đẹp trai lại lịch thiệp hào hoa.

Tốt nghiệp Sét-ti-phi-ca, ra Hà Nội học trường Trí Trí của cụ Nguyễn Văn Tố rồi cha tôi tự học, Người đọc sách tiếng Hán, tiếng Pháp rất nhiều nên uyên thâm cả Hán học lẫn Tây học. Tủ sách của ông là một Thư viện nhỏ có đủ loại sách từ nghiên cứu đến tiểu thuyết. Từ sách tiếng Việt đến tiếng Pháp, tiếng Hán; từ *Nam Phong tạp chí*, *Đông dương tạp chí* đến *Tiểu thuyết thứ bảy*, *Ngày nay*, *Phong hóa*, *Phổ thông bán nguyệt san* và các tiểu thuyết, thơ văn của Tự Lực Văn đoàn. Nghề dạy học đối với ông chỉ là phụ. Ông viết báo, viết tiểu thuyết, sách nghiên cứu, dịch sách và làm rất nhiều thơ. Những tác phẩm đã in: *Lịch sử Hà Nội* (1953). *Mổ xẻ nhà văn hiện sinh Jean Paul Sartre* (1970). Và dịch một số sách báo từ chữ Hán, chữ Pháp ra tiếng Việt đăng rải rác trên các báo ở Hà Nội và Sài Gòn sau này. Những tác phẩm chưa in: *Vợ tôi* (Hồi ký), *Lưu Vĩnh Phúc* (tiểu thuyết lịch sử), *Một đời thơ* (thơ). Ông có một tâm hồn lãng mạn, thơ ông thường là thơ tình hoặc nói lên những cảm xúc của mình trước cuộc đời. Ông sáng tác đủ thể loại: Thơ Đường luật, Thơ tự do, Ca trù v.v... Ông có nhiều cuộc phiêu lưu tình ái nhưng sau mỗi cuộc tình, ông lại nhận ra rằng hạnh phúc kẻ bên mà ông lại bỏ qua và xót xa ân hận, thương vợ nhưng rồi lại bắt đầu cuộc phiêu lưu mới...

Đối với mẹ tôi, ông vừa thương yêu vừa cảm phục. Mẹ tôi chết đi. Ông mang một nỗi đau và

niềm ân hận khôn nguôi. Mặc dù vậy, do hoàn cảnh gia đình mẹ già và hai con thơ dại, sáu tháng sau khi mẹ tôi qua đời ông lại lấy vợ. Người vợ sau này do bà nội tôi dạm hỏi và bắt cha tôi phải lấy, để lo liệu gia đình. Cuộc hôn nhân này là điều bất hạnh cho gia đình tôi và cho chính bản thân ông. Rồi mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, cảnh di ghẻ con chồng làm cha tôi vô cùng đau khổ.

Cha tôi là người đa tình, nhưng tình duyên của Người chẳng có gì may mắn. Cũng như vậy về sự nghiệp, Người có nhiều hoài bão, lắm ước mơ nhưng không có chí để thực hiện đến cùng, nên suốt đời lận đận.

Trong hoàn cảnh đất nước bị thực dân Pháp đô hộ, trong xã hội thực dân nửa phong kiến bấy giờ, như nhiều thanh niên cùng thế hệ, Người muốn thoát khỏi sự ràng buộc của áo cơm, nhưng không đủ sức để thực hiện. Hầu như trong suốt cuộc đời, ông chẳng làm gì được trọn vẹn! Trước năm 1945, cha tôi cũng có thời gian tham gia Cách mạng, nhưng rồi bỏ dở giữa chừng. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, cha tôi công tác ở Ty Tuyên truyền Hà Đông, cũng vác ba lô đi theo kháng chiến được hai năm, rồi không chịu được gian khổ, lại trở về làng dạy học. Làm ông giáo trường làng những tưởng yên, thì thực dân Pháp tình nghi là Việt Minh hoạt động bí mật nên bắt giam ở Hỏa Lò Hà Nội. Sau khi ra tù được ít lâu, năm 1950, cha

tôi mang dì ghẻ tôi và bốn người con sau này (có với dì ghẻ tôi) vào Sài Gòn làm ăn sinh sống. Chị em tôi không bao giờ oán trách về việc cha tôi để chị em tôi ở lại miền Bắc. Chúng tôi rất hiểu nỗi khổ tâm của ông. Cha tôi thương tôi và Quỳnh, nhưng cũng thương các em tôi. Vì những đứa con, ông không thể bỏ được người vợ sau, mặc dù bà và ông luôn xung khắc. Cha tôi không muốn đau lòng nhìn chúng tôi sống trong cảnh dì ghẻ con chồng. Vả lại, gia đình rất túng thiếu, đồng lương còm cõi của ông nuôi một vợ, bốn con còn chưa đủ làm sao lo được cho chị em tôi! Chúng tôi ở lại miền Bắc còn có bà nội!... Tuy xa, nhưng lúc nào ông cũng thương nhớ chị em tôi, nhất là thương Quỳnh, đứa con gái bé bỏng và bất hạnh của ông.

CHƯƠNG V

HẠNH PHÚC NHỌC NHẢN

*Tôi đã đi đến tận cùng xứ sở
Đến tận cùng đau đớn, đến tình yêu.*

(Thơ tình cho bạn trẻ)

Những năm tháng không yên của đất nước cũng là những năm tháng không bình yên trong cuộc sống tình cảm của Quỳnh. Sau khi sinh cháu Tuấn Anh, hạnh phúc gia đình bắt đầu rạn nứt. Sự rạn nứt này chẳng phải do Tuấn mà cũng chẳng phải do Quỳnh.

Tuấn là người tốt, họ hàng và bạn bè chúng tôi và ngay cả Quỳnh, không ai phủ nhận điều đó. Nhưng với một con người có tâm hồn tế nhị và nhạy cảm, có tình yêu mãnh liệt và sâu sắc như Quỳnh thì đâu đã là đủ.

Trước kia, khi mới lớn lên trong đoàn văn công Trung ương, chưa tiếp xúc nhiều, quan niệm về tình yêu còn đơn giản, so sánh với những người theo đuổi Quỳnh, Quỳnh thấy Tuấn hơn họ ở tính tình hiền lành và tình cảm chân thật, Quỳnh đã xúc động trước tình yêu của Tuấn đối với Quỳnh. Mặc dù nhận rõ hai người tính tình khác biệt nhưng sau nhiều đêm trăn trở Quỳnh vẫn nhận lời yêu Tuấn. Nhưng giờ đây, trong môi trường công tác mới, tiếp xúc với nhiều người trong giới viết văn, làm thơ, tâm hồn ngày càng mở rộng, nhận thức về tình yêu ngày càng sâu sắc, Quỳnh cảm thấy tình yêu của Tuấn không đáp ứng được tình yêu tinh tế và nhạy cảm của mình. Quỳnh khao khát một tình yêu chấp cánh cho thơ, bồi đắp cho tâm hồn thêm phong phú. Còn Tuấn, sau khi lấy Quỳnh, nhất là sau khi có con, Tuấn chủ quan, bằng lòng với cuộc sống hiện tại, chỉ lo chăm chút cho con, ít chú ý đến những suy nghĩ và sáng tác của Quỳnh. Thêm vào đó, do cá tính trái ngược nhau, những va chạm nảy sinh hàng ngày đã làm cho mâu thuẫn hai người thêm sâu sắc.

Tuy vậy, do thương con, Quỳnh cứ dùng dằng mãi chưa dám quyết. Về phía tôi, tôi thương

Quỳnh, thương Tuấn, Thương Tuấn Anh, không muốn gia đình Quỳnh đổ vỡ, tôi phản đối quyết liệt ý định chia tay với Tuấn của Quỳnh.

Nhưng rồi việc gì sẽ đến cũng phải đến: Quỳnh và Tuấn ly hôn. Đó là một quyết định ngoài ý muốn của Tuấn và là quyết định đau lòng nhưng không thể khác được của Quỳnh. Quỳnh không muốn sống giả dối với Tuấn và giả dối chính mình, Quỳnh muốn sống thật như mình vốn sống, Quỳnh lại đi tìm tình yêu, một tình yêu Quỳnh hằng khao khát.

Trong thời gian gia đình Quỳnh rạn nứt, có người bạn thơ theo đuổi Quỳnh. Sau khi chia tay với Tuấn, giữa lúc Quỳnh đang chơi với, đang cần có một tình yêu cao đẹp sưởi ấm cho trái tim cô đơn của mình, thì chính lúc đó, Quỳnh nhận ra rằng người bạn thơ mà Quỳnh vẫn lý tưởng hóa ấy chỉ là một kẻ tầm thường, vị kỷ, sáo rỗng. Thế là Quỳnh thất vọng, cương quyết cắt đứt vĩnh viễn mọi quan hệ với người ấy.

Những ngày này là những ngày vô cùng đau khổ đối với Quỳnh: Gia đình đổ vỡ, có tôi là người thân yêu gần gũi nhất thì lại giận Quỳnh, người bạn Quỳnh hy vọng thì lại làm Quỳnh thất vọng, ai là người hiểu hết nỗi đắng cay của Quỳnh?

Là người không đầu hàng số phận, khát khao hạnh phúc, Quỳnh đã chủ động đi tìm hạnh phúc, đi tìm tình yêu, nhưng hạnh phúc ở đâu? Tình yêu Quỳnh hằng mong ước ở đâu?

*Núi cao biển rộng, sông dài
Tôi đi khắp chốn đi tìm người tôi yêu.*

(Thơ viết tặng anh)

Giữa lúc Quỳnh đang bơ vơ, chới vơi, hụt hẫng, đau khổ, thì Vũ đến.

Vũ đối với Quỳnh chẳng phải là người xa lạ. Hai người từ lâu cùng ở chung ngôi nhà tập thể 96A phố Huế, lại hay bàn bạc với nhau về chuyện văn chương. Quỳnh chẳng quan tâm đến tình cảm đặc biệt Vũ kín đáo dành cho Quỳnh. Quỳnh coi Vũ cũng như những người bạn thơ khác mà Quỳnh quen biết. Quỳnh thương khen thơ Vũ hay một cách vô tư.

Vũ là một thanh niên có tài, làm thơ sớm và thơ lại hay, Vũ đi bộ đội nhưng tính tình phóng khoáng, đôi khi tự do vi phạm kỷ luật, nên bị đưa ra ngoài quân đội. Vũ lấy vợ từ khi còn rất trẻ và có một con trai, nhưng cuộc hôn nhân này nhanh chóng tan vỡ vì khi ra khỏi quân đội, Vũ thất nghiệp, nghèo túng. Người vợ đã dứt khoát bỏ Vũ ra đi. Không gia đình, không tiền bạc, không nghề nghiệp, Vũ lang thang, chán chường, đau khổ, Vũ tìm đến Quỳnh.

Thật ra Vũ đã theo dõi bước đi của Quỳnh từ lâu, Vũ đã chứng kiến cuộc chia tay của Quỳnh với Tuấn cũng như việc Quỳnh cắt đứt mối quan hệ với người bạn thơ. Vũ hiểu niềm khao khát nổi đấng cay mà Quỳnh chịu đựng trên con đường đi

tìm hạnh phúc, đi tìm tình yêu. Vũ thông cảm, an ủi và ngỏ lời yêu Quỳnh. Còn Quỳnh, với con mắt tinh đời, trái tim nhạy cảm đã nhận thấy ở Vũ một tâm hồn đồng điệu, một con người tài hoa, một tình yêu đích thực mà Quỳnh vẫn tìm kiếm bấy lâu nay. Quỳnh đón nhận tình yêu của Vũ như đón nhận cái phao giữa dòng nước xoáy.

Cuộc hôn nhân của Vũ với Quỳnh vấp phải sự phản đối quyết liệt của tôi, của gia đình Vũ, và ít được sự đồng tình của bạn bè. Chưa hết giận Quỳnh về chuyện ly hôn với Tuấn, tôi lại giận Quỳnh vì yêu Vũ. Bởi vì, trong thâm tâm, tôi vẫn hy vọng có một phép mầu nào đó đưa Quỳnh quay trở lại với Tuấn để sống trọn vẹn với cháu Tuấn Anh. Hơn nữa, tôi e rằng sự chênh lệch về tuổi tác, cũng như nghề nghiệp của Vũ không ổn định sẽ khiến cho cuộc đời Quỳnh sau này sẽ khổ.

Lấy Vũ, Quỳnh chấp nhận dán thân vào con đường chông gai để đến với hạnh phúc. Khó khăn gian khổ có sá gì khi Quỳnh đã tìm được một tình yêu mà Quỳnh khao khát từ tuổi thanh xuân. Hình ảnh Vũ đầu tiên hiện ra trong thơ Quỳnh:

Anh, con đường xa ngái

Anh, bức vẽ không màu

Anh, nghìn nỗi lo âu

Anh, dòng thơ nổi gió...

(Anh)

Quỳnh đã đón nhận Vũ với tất cả niềm xót xa và cảm phục.

Thế là hai tâm hồn cô đơn, hai cuộc đời cay đắng gắn bó với nhau trong túng thiếu, nhọc nhằn. Đồng lương ít ỏi của Quỳnh vốn nuôi Quỳnh và góp phần nuôi con còn chưa đủ, bây giờ lại thêm Vũ làm sao có thể sống nổi, Quỳnh bèn lao vào làm đủ mọi việc để kiếm thêm tiền như may vá, đan thuê... Rồi Quỳnh xin việc làm cho Vũ ở *Tạp chí sân khấu*. Hai vợ chồng sống bữa đói bữa no, nhưng rất hạnh phúc. Quỳnh chăm sóc Vũ từng ly, từng tý, mọi việc gia đình mình Quỳnh quán xuyến lo liệu.

Vũ có nhiều tài (vẽ giỏi, nặn tượng chẳng kém mấy ai, thơ hay và viết văn cũng sâu sắc) nhưng tuổi trẻ có phần phóng túng, vì vậy do thành kiến xã hội lúc bấy giờ, một thời gian ít ai tin cậy chú ý sử dụng tài năng ấy. Cảm được tài năng của Vũ, Quỳnh đã động viên, làm hết sức mình để Vũ sáng tác và cũng chính Quỳnh đã kiên trì, quyết tâm tìm mọi cách giới thiệu và gửi đăng báo văn thơ của Vũ.

Như cây trụi lá mùa đông gặp xuân về đâm chồi nảy lộc, từ đây Vũ vươn lên và từ thành công này đến thành công khác, trở thành một kịch tác gia có tên tuổi.

Hơn ai hết, Vũ hiểu được vai trò của Quỳnh quan trọng đến thế nào trong cuộc sống vật chất, tinh thần, tình cảm và sự nghiệp sáng tác của

mình. Quỳnh đón nhận Vũ trong lúc Vũ khó khăn, nghèo túng, trân trọng Vũ trong lúc mọi người chối bỏ, an ủi trong lúc Vũ cô đơn, động viên Vũ làm việc, góp nhiều ý kiến có giá trị trong sáng tác của Vũ, gây dựng bảo vệ sự nghiệp của Vũ và Vũ đã thể hiện lòng biết ơn đối với Quỳnh trong bài thơ *Và anh tồn tại*:

*... Khi tàu đông anh lỡ chuyến đi dài
Chỉ một người ở lại với anh thôi
Khi anh vắng người ấy thường thức đợi
Khi anh khổ chỉ riêng người ấy tới
Anh yên lòng bên lửa ấm yêu thương
Người ấy chỉ vui khi anh hết lo buồn
Anh lạc bước, em đưa anh trở lại
Khi cần cỗi thấy tháng ngày mệt mỏi
Em là sớm mai, là tuổi trẻ của anh
Khi những điều giả dối vây quanh
Bàn tay ấy chở che và gìn giữ
Cám ơn em, em từ miền cát gió
Về với anh, bông cúc nhỏ hoa vàng
Anh thành người có ích cũng nhờ em
Anh biết sống vững vàng không sợ hãi
Như người làm vườn, như người dệt vải
Ngày của đời thường, ngày ở bên em
Anh biết tình yêu không phải vô biên
Như tia nắng chúng mình không sống mãi
Như câu thơ, chắc gì ai đọc lại*

Ai biết ngày mai sẽ có những gì
 Người đổi thay, năm tháng cũng qua đi
 Giữa thế giới mong manh nhiều biến đổi
 "Anh yêu em và anh tồn tại"
 Em của anh ơi, đôi vai ấm dịu dàng
 Người nhóm bếp chiều, người thức dậy lúc
 tình sương
 Em ở đây, đời chẳng còn đáng ngại
 Em ở đây, bàn tay tin cậy
 Bàn tay luôn đỡ lên vì giặt giũ mỗi ngày
 Đôi mắt buồn của xứ sở có nhiều mưa
 Ngọn đèn sáng rụt rè bên cửa sổ
 Đã quen lắm, anh vẫn còn bờ ngõ
 Gọi tên em, môi vẫn lạ lòng sao.

Quỳnh làm thơ ru Vũ "Hát ru chồng những đêm khó ngủ", Vũ lại làm thơ ru Quỳnh "Thơ ru Quỳnh ngủ", rồi mối tình của hai tâm hồn đồng điệu ấy ra hoa, kết trái; năm 1974 Quỳnh có mang, lần này Quỳnh ao ước sinh con gái. Quần áo, tã lót đều nhằm chuẩn bị đón đứa con gái Quỳnh mong ước ra đời, Quỳnh dự định đặt cho nó cái tên Quỳnh Thơ vừa có ý nghĩa (thơ của Quỳnh), vừa thể hiện tình cảm của Quỳnh đối với người thân (tên Quỳnh và tên Thơ - em gái Vũ - ghép lại). Rồi Quỳnh làm thơ nói về Quỳnh Thơ khi Quỳnh Thơ còn nằm trong bụng.

...

Mẹ đan tấm áo nhỏ
Bây giờ đang mùa xuân
Mẹ thêu vào chiếc khăn
Cái hoa và cái lá

...

Mẹ đi trên hè phố
Nghe tiếng con đạp thềm
Mẹ nghĩ đến bàn chân
Và con đường tút tấp

...

(Chùm thơ xuân cho ba con nhỏ)

Tháng 2 năm 1975, Quỳnh vào bệnh viện sinh con. Lần này cũng lại sinh rất khó khăn. Nghe tin, tôi vội đến bệnh viện, Quỳnh đang nằm trên bàn đẻ, mặt tái mét, mồ hôi đầm đìa, thở hổn hển nhìn tôi cố nén tiếng rên. Tôi sờ trán, vuốt tóc Quỳnh, lòng thất lại vì thương và lo sợ. Nhưng rồi nguy hiểm cũng qua đi: Quỳnh sinh con trai. Thật may, đứa trẻ sống trong thiếu thốn bần hàn ngay từ trong bụng ấy lại khỏe mạnh và rất xinh xắn. Vốn khát khao con gái, Quỳnh dứt khoát không chịu đổi tên, cứ gọi là Quỳnh Thơ. Không sinh con gái thì Quỳnh tạo con gái giả. Quỳnh cắt tóc, cho Quỳnh Thơ ăn mặc theo con gái. Được cái Quỳnh Thơ rất xinh, dáng đi giống bố, nhưng nước da trắng mắt đen láy, miệng tươi cười rất giống mẹ,

trông chẳng khác gì con gái thật. Vì yêu quý con, Quỳnh gọi nó bằng thằng Quý nhưng khi nựng con thì gọi chệch là Mi. Thế là ngoài tên Quỳnh Thơ, đứa con trai sau này còn tên là Mi nữa.

Có thêm con, Quỳnh thấy thêm một niềm vui lớn, nhưng gánh nặng gia đình trên vai Quỳnh lại nhân lên gấp bội. Cuộc sống hai vợ chồng vốn thiếu thốn nhọc nhằn, bây giờ có con lại càng thêm túng bấn hơn. Thêm vào đó, cháu Minh Vũ (còn gọi là Kít, con riêng của Vũ) tuy tòa xử ly hôn cháu ở với mẹ, nhưng rất quán quýt với Vũ và Quỳnh đến ở cùng, nên Quỳnh trước kia lo cho hai người bây giờ thành bốn. Cháu Tuấn Anh tuy ở với bố ở tầng trên, nhưng có miếng nào ngon Quỳnh lại gọi con xuống chia xẻ cho con.

Ai đã sống trong những năm tháng ấy mới hiểu hết nỗi khó khăn cực nhọc của Quỳnh. Đó là thời kỳ bao cấp. Cán bộ chỉ sống bằng đồng lương ít ỏi, mọi nhu yếu phẩm đều mua bằng tem phiếu, như Quỳnh đã viết trong *Những năm ấy*:

*Củ thì thiếu và dầu cũng thiếu
Điện tắt ban ngày, điện tắt ban đêm
Nhiều người mua nhưng ít cửa hàng
Những vải gạo, thực phẩm đều bán phiếu
Giờ thì ít, xếp hàng lâu phát cáu
Nhất là ở cửa hàng bánh mì mùa đông.*

Mỗi tháng mỗi người 13 kg gạo, 0,3 kg thịt và 1 kg đậu phụ, 0,5 kg đường..., mặc thì mỗi năm 4

mét vải. Đã thế, Quỳnh lại hay mất cắp. Nhiều lần mất hết tem phiếu phải xin lại bạn bè và tôi. Quỳnh tần tiện nhưng cũng không đủ sống. Ăn cơm dọn mỳ, Quỳnh thường chỉ ăn mỳ để nhường cơm cho chồng và cho các con. Mà mỳ nhiều khi Quỳnh ăn cũng không đủ no, nhiều lần phải nhịn đói. Thức ăn chủ yếu là rau muống, thịt, đậu phụ Quỳnh để dành cho các con, cho Vũ. Ngồi vào mâm cơm Quỳnh thường kêu no và ăn chậm để nhường cơm và thức ăn cho cả nhà.

Ngày nay, đọc lại những lá thư Quỳnh viết cho tôi mà tôi không sao cầm được nước mắt trước cảnh sống túng thiếu cực nhọc của Quỳnh:

Ngày 19-03-1976

Chị Mai nhớ thương

Hôm nay em nhận được thư chị, tưởng đỡ nhớ chị hơn, nhưng càng đọc thư càng thương nhớ chị. Biết được chị có nhà mới em cũng mừng và cũng như chị em vẫn mong có ngày chị lại trở về đây. Bây giờ thật em không bao giờ có ý định chuyển vào trong đó nữa.

Em ở đây đang làm ăn được thuận lợi, viết được. Các báo đều tin nhiệm vụ chồng em. Họ thường đến đặt bài cả hai người một lúc. Bọn em thức khuya dậy sớm nhọc nhằn lắm, nhưng cũng đủ nuôi các cháu, cho nên em cũng vui. Ngoài làm thơ, chúng em còn làm nhiều việc khác. Viết truyện, kịch, vẽ

tranh, làm đồ gốm. Tuy vậy, nhiều khi cũng ăn cơm rau dưa hàng tháng...! Em rất lo thiếu đói không đủ sức làm việc! Hiện nay đã có trong tay vài tập, vừa thơ, vừa truyện, một tập thơ trẻ em, Kim Đồng hứa in trong năm sau...

Cháu Mi vẫn khỏe, em gửi cháu ở nhà trẻ Nguyễn Công Trứ. Đây là nhà trẻ mới lập tốt thứ hai ở Hà Nội. Xin mãi mới được. Cháu đã quen, đỡ khóc. Tuần đầu, cháu khóc sưng đỏ cả mắt. Đêm về nằm mơ hốt hoảng, ngồi nhồm dậy rồi sờ sang mẹ và nức nở. Em thương quá định liều để ở nhà, không gửi nữa, nhưng bây giờ nó đã quen. Thăng Tuấn Anh học khá, cháu từ thứ mười ba lên thứ sáu, thứ bảy. Cháu ngoan và thương em, thương mẹ... Có hôm, em đưa cháu ra hiệu mua một cái bánh kem bơ cho mình cháu ăn, còn em không ăn. Cháu hỏi: "Sao mẹ không ăn?". Em bảo: "Vì mẹ ăn thì tốn quá". Thế là nó không bằng lòng, nhất định cứ xắn ra, chỉ ăn một nửa, sau bảo mãi mới chịu ăn hết. Có lần em cho cháu cái kim đan để cháu làm súng. Cháu hỏi: "Mẹ mua mấy hào đôi kim đan?". Em bảo: "Ba hào". Nó bảo: "Lúc nào con có ba hào, con đưa mẹ để mẹ tiêu nhé".

...

Ngày 2-6-1977

Chị Mai ơi

Ở ngoài này, ngày càng khó khăn lắm. Tháng này em đánh mất 5kg tem gạo. Mậu dịch bán toàn

tấm và gạo lóc. Mỗi người giờ chỉ có 5, 6 kg gạo. Mỳ không đóng được, hết gạo không vay được ai. Có bữa chúng em phải ra chợ ăn qua quýt cho xong bữa. Các cửa hàng mậu dịch cũng tăng giá vọt lên. Năm nay, ở ngoài này cũng hạn hán, nghe nói là sẽ bão nhiều, lại đói.

Về chúng em thì xoay sở vẫn sống được thôi, chị không phải lo.

Mấy hôm nay, nóng như điên, lại tắt điện luôn, tắt nhiều hơn hồi đánh nhau, chắc Sài Gòn không nóng lắm?

Em sẽ viết thư cho chị rõ hơn. Các cháu ngoài này ngoan lắm. Chỉ nhớ và thương Mai Chi, Mai Hương.

Viết thư cho em.

Ngày 4-5-1978

Chị Mai thân yêu

Em mong thư chị mãi mà chưa nhận được. Hôm nay em nhận được thư cậu viết cho em. Cậu có vẻ lo lắng nhiều, sợ em đau ruột. Cậu rất buồn cười, cậu toàn bảo em kiêng những món mà không thể nào kiêng được, và cậu lại khuyên em ăn thịt!! Chị nói ngay cho cậu yên tâm: Em hiện nay đã khỏi đau bụng rồi vì đã có gạo. Tháng này họ đã bán gạo. Đừng phải lo cho em gì nữa.

Hôm qua đổi tiền, em còn được độ vài đồng (sau khi lĩnh lương). Hôm qua họ đi mua hàng ghê quá.

Tất cả mọi thứ đều bán gấp mười lần, giá 110 đồng/kg thịt, có ông mua 200 đồng một con ngỗng, gạo hơn 100 đồng một yến, v.v... Em tiếc là không có gì bán. Hôm qua nghĩ lại tiếc vì có hai cái áo mới giá đem bán phải được ba, bốn trăm đồng, thế mà không nghĩ ra. Có người bán quần áo cũ mà họ cũng mua.

... Em vẫn khỏe, chỉ tội thiếu ngủ...

Ngày 16-2-1980

Chị Mai thương nhớ

Em đã nhận được thư và gói bột sẵn để nấu chè chị gửi cho các cháu. Em bây giờ mới viết thư cho chị đây, vì bận quá đi mất... Chúng em ở ngoài này dầu vất vả, nhưng giặt gấu vá vai, may cũng đủ sống. Bố thằng Mi viết bài thuê cho các báo. Còn em, tháng vừa rồi nhận được mấy cái áo vẫn công về đính kim sa cũng được gần trăm bạc, bây giờ lại hết việc rồi... ở đây mật ít ruồi nhiều, ai cũng túng đói cả, có việc gì là người ta đổ xô lại hết ngay.

...

Tết nhất đến nơi rồi mà chả có xu nào, chắc chị trong ấy cũng vậy.

Chị vào Sài Gòn như vậy đã năm cái Tết. Ngày xưa, chị còn ở trường Trưng Vương, cứ Tết đến em lại về đây với chị. Lúc bấy giờ hai chị em đều chưa có gia đình, thời gian đi nhanh quá. Kể từ lúc em lấy bố thằng Mi cũng đã sắp tám năm rồi. Cũng may là vợ

chồng em thương yêu nhau, con cái đều ổn.

Chắc chị em cũng ít có dịp gặp nhau, Tết nhà em chẳng có gì gửi cho chị, cậu và các cháu. Mong thư chị.

Những ngày tôi ở Hà Nội, tuy chẳng giàu có gì, nhưng hai vợ chồng đều có nghề nghiệp ổn định nên cuộc sống không đến nỗi túng thiếu như Quỳnh. Những lúc túng thiếu quá, Quỳnh lại đến nhà tôi mổ, gạo, mỳ. Khi tôi vào Sài Gòn, thương Quỳnh, tôi thường gửi thức ăn và các nhu yếu phẩm khác cho Quỳnh, nhưng Quỳnh chẳng dám ăn mà nhường cho chồng con, có lần Quỳnh viết thư kể: "chỗ tôm chị cho toàn thằng Mi ăn là chủ yếu... Thằng Mi cứ mỗi lần ăn lại bảo: "Mẹ hỏi đi! Mẹ hỏi ai cho tôm cho em đi!". Em phải hỏi theo lời nói như vậy, để rồi nó lại trả lời "Bác Mai cho em đấy"...

Khổ cực nhọc nhằn nhân lên thì hạnh phúc cũng nhân lên. Không những hạnh phúc trong tình yêu, giờ đây được làm mẹ lần thứ hai, Quỳnh lại càng thấy hạnh phúc vô cùng. Căn nhà 6m² càng đầy ắp tiếng cười vui. Mi (Quỳnh Thơ) không những là niềm vui mà còn là niềm tự hào đối với Quỳnh. Từ nhỏ, Mi đã ngoan, không quấy khóc, dễ nuôi. Mi rất thông minh và tài hoa. Ba tuổi đã được giải thưởng tranh vẽ trong cuộc thi vẽ Thiếu nhi Quốc tế, sáu tuổi vẽ tranh minh họa cho tập thơ "*Bầu trời trong quả trứng*" của Quỳnh. Bảy tuổi biết làm thơ, chín, mười tuổi đã viết truyện ngắn được đăng

báo, phát trên đài phát thanh. Cả khu tập thể ai cũng yêu quý Mi, đặc biệt là Tuấn, Tuấn thương yêu, gắn bó, thân thiết với Mi như với người bạn nhỏ và Mi cũng yêu quý "Bác Tuấn". Hồi mới ba tuổi, một hôm Mi vào phòng Tuấn chơi, thấy cái giá đựng nhạc có ba chân, Mi hỏi: Bác Tuấn ơi, cái này sao có ba chân? - Nó có ba chân để đứng cho vững. - Thế em có hai chân sao em đứng vững?

Mi thông minh, hồn nhiên như vậy. Quỳnh theo dõi từng bước phát triển của con với niềm hân hoan và đặt nhiều hy vọng ở đứa con xinh xắn và tài hoa ấy. Thư nào viết cho tôi, Quỳnh cũng kể về Mi và khen Mi hết lời:

- "Thằng Mi khôn lắm, cái gì cũng biết. Nó ngoan, không quấy dai như thằng Tuấn Anh thuở bé. Hầu như không phải bế nó. Nó ăn thì rất nhanh và ăn được... Ban đêm, thỉnh thoảng gọi mẹ ới rồi quờ tay sang tìm mẹ, thấy mẹ rồi mới lại ngủ tiếp. Thằng Mi khôn và ngoan vô cùng..."

Cũng như Tuấn Anh, Mi là nguồn đề tài, chất liệu phong phú trong thơ Quỳnh. Những bài thơ về Mi thật dí dỏm, vui tươi, nồng ấm tình thương con "*cái ngoan của Mi*". Quỳnh lại làm thơ ru con, có khác chẳng đây là những lời ru trong hòa bình, trong cuộc sống sinh sôi, nảy nở sau chiến tranh ác liệt...

(Trích **Xuân Quỳnh - một nửa cuộc đời tôi**)

NXB Khoa học xã hội 1993)

Đ.M.

CON NGƯỜI VÀ NHÀ THƠ

LẠI NGUYỄN AN

Xuân Quỳnh là hiện tượng rất quan trọng của nền thơ chúng ta. Có lẽ là từ thời Hồ Xuân Hương, qua các chặng phát triển, phải đến Xuân Quỳnh, nền thơ ấy mới thấy lại một nữ thi sĩ mà tài năng và sự đa dạng của tâm hồn được thể hiện ở một tầm cỡ đáng kể như vậy, dồi dào phong phú như vậy.

Nhưng Xuân Quỳnh không chỉ là xuất chúng trong giới "thơ phụ nữ" (chữ dùng này quả là rất ước lệ, chỉ một gương mặt nhà thơ tiêu biểu của nền thơ Việt Nam hiện đại). Hai chục năm nay, thơ Xuân Quỳnh đã đi vào người đọc, trở thành tiếng nói tâm tình về những ngọt bùi, cay đắng ở đời, tiếng nói của tình yêu và tình mẫu tử, tiếng nói hồn hậu, dung dị, chứa đựng sự sống đương thời mà cũng in dấu nếp nghĩ, nếp cảm của tâm hồn người Việt tự xa xưa. Những thiếu nữ bước vào tuổi yêu đương, những người mẹ trẻ phấp phồng dõi theo từng giấc ngủ, từng hơi thở, từng bước đi của đứa con mình, họ tìm đến với thơ Xuân Quỳnh và ở đó họ gặp được một tâm hồn đồng cảm, sẽ

chia, một người bạn thân thiết, chân thành... Đối với người làm thơ, được như thế đã là hạnh phúc.

*

* *

Nói đến "xuất xứ" của Xuân Quỳnh giữa làng thơ lại phải nói đến sự xuất hiện đông đảo, ào ạt của một lớp người viết mới đem vào văn học những giọng nói mới, vào những năm sáu mươi. Nếu lấy mốc sự xuất hiện ấy là những năm 64-65 thì Xuân Quỳnh quả là có "ra trước" chút ít, giống như một người chị. Nhưng chị đã nhập bọn như một người bạn cùng lứa. Lớp nhà thơ này, trên chặng tiếp theo, cuộc đời và nghệ thuật của họ vừa tách biệt, phân hóa, lại vừa xen cài giằng chéo vào nhau. Xét về nhiều mặt, chính ngay mỗi tình Xuân Quỳnh - Lưu Quang Vũ và sự nghiệp văn học của cặp vợ chồng này cũng là nằm trọn vẹn trong phong trào "văn học trẻ" ấy. Cho đến tận gần đây, những thành viên của thế hệ này đã là lực lượng chính của "sản xuất" văn học, nhưng hầu như chưa ai nghĩ đến một sự tổng kết, dù sơ bộ, về họ. Chính việc Xuân Quỳnh và Lưu Quang Vũ đột ngột ra đi đã khiến chúng ta phải nghĩ đến công việc ấy, một công việc hẳn là sẽ có ích cho văn học sử, hơn nữa, cho thái độ đón nhận của chúng ta đối với những thế hệ mới, đã và sẽ bước vào văn học.

Về thế hệ này, đương thời người ta thường nói rằng họ không có gì để từ bỏ, lựa chọn không có việc "nhận đường" tìm đường trong nghệ thuật.

Cho đến hôm nay điều đó có vẻ không phù hợp với thực tế. Văn học là quá trình, cuộc đời sáng tác cũng là quá trình. Ở thế hệ nhà văn này, không thể hoàn toàn nói rằng con đường nghệ thuật của họ đã không phải vượt qua những trở lực, đã không phải trải qua những lầm lẫn, bị lừa dối và tự lừa dối, bị mê hoặc và tự mê hoặc rồi tỉnh ngộ, tự tìm đường đi trong nghệ thuật với những mục đích khác nhau, theo những lối khác nhau. Những điều này, thời gian sẽ cho chúng ta thấy rõ dần, qua từng trường hợp cụ thể.

*

* *

Ai quen biết Xuân Quỳnh, hẳn sẽ để ý đến nét khác lạ nơi tay chị: một đôi bàn tay như già hơn khá nhiều so với gương mặt. Một gương mặt xinh đẹp, trẻ hơn tuổi, với cặp mắt tinh anh, duyên dáng, như rất dễ mỉm cười, che hết mọi phiền lo. Gương mặt phụ nữ đẹp và làm thơ ấy lại có đôi bàn tay giống như gương mặt Trương Chi! Chính Xuân Quỳnh đã không ít lần viết về bàn tay mình, ví dụ mấy câu này trong giọng dãi bày với người yêu:

*Bàn tay em ngón chẳng thon dài
Vết chai cũ, đường gân xanh vất vả
Em đánh chắt chơi chuyên thuở nhỏ
Hái rau dền rau dệu nấu canh
Tập vá may, tết tóc cho mình
Rồi úp mặt trên bàn tay khóc mẹ.*

. Đôi bàn tay tiết lộ số phận. Một số phận đã từng không may mắn, dường như luôn luôn phải "đánh đu" với cuộc sống, với hạnh phúc. Trớ trêu thay, con người có số phận như thế lại mang trong mình nhiều khao khát. Trong một bài thơ viết năm 1962, Xuân Quỳnh viết rằng ngày bé mình chỉ mơ đến rằm tháng tám để được vui chơi với bạn bè dưới trăng thu. "*Khi lớn khôn ước mơ cháy bỏng*" mơ ước "*thành nhà thơ ca ngợi cuộc đời*", đưa thơ cùng du hành vũ trụ, sưởi ấm vùng trăng lạnh, đưa thơ đi cập bến các vì sao... "*Như lòng ta chẳng bao giờ nguôi khát vọng - Biết bay rồi ta lại muốn bay cao*".

Hình như nguồn gốc tấn bi kịch của mỗi người nghệ sĩ là như thế. Ít ai làm "nghề" này lại không luôn luôn tự cảm thấy trạng thái quá sức mình. Như luôn luôn chơi với vượn về cái đích rất khó tới. Đôi khi còn phải đánh cuộc với số phận, với sự sống, với hạnh phúc. Bởi chính nguồn năng lượng của thơ, của nghệ thuật được nảy sinh từ đó.

Quá sức vì khát vọng, có lẽ, đó cũng là trạng thái của Xuân Quỳnh.



Trong một bản tiểu sử văn học viết ngày 29-8-1982, trả lời cho đề mục: *Nguyên nhân bắt đầu hoạt động văn học*, Xuân Quỳnh ghi hai điểm: "Vì thích thú. Làm văn học cảm thấy như mình được sống thêm một cuộc đời khác nữa. Vì uất ức. Khi

mới vào nghề bị xô đẩy, bị khinh rẻ nên tôi quyết phải sống. Mà sống tức là phải viết".

Giá như trong cuộc đời người phụ nữ ấy đã không có những trắc trở trong tình yêu, đã không từng hơn một lần qua đò sang bến thì cũng khó hình dung mảng thơ tình của chị sẽ mang diện mạo ra sao. Bởi "chuẩn mực" tình yêu ở nhà thơ khao khát yêu đương ấy vẫn có vẻ gì rất đồng nội, quê kiểng, nó gắn với sự duy nhất, sự chung tình, với tổ ấm, với mái nhà, với hạnh phúc của hôn nhân, nó đòi tuyệt đối, nó dứt khoát không chấp nhận mọi ngập ngừng, trù trừ, lấu cá, nó không chịu bị xẻ chia, bị vay mượn dẫu là tạm thời là thường tình, nó xù tất cả lông cánh, móng vuốt ra để gìn giữ tình yêu trước mọi sự xâm phạm từ phía ngoài. Chính cái chuẩn mực hằng đeo đẳng ấy lại trái hẳn với thực tế đã trải. Hóa ra, người đeo đuổi một ý niệm tình yêu chuyên nhất lại bị mang tiếng trước người đời như là kẻ có lỗi lầm sự yêu đương "phức tạp", phá phách (nhân đây tôi xin nêu nhận xét thú vị của một người bạn tôi: các nhà thơ thường không đứng ngoài đạo đức, chính họ thường hướng tới tạo dựng một đạo đức cho tương lai. Nhưng họ lại thường bị người đương thời coi là vô đạo đức!). Dẫu sao, đấy chỉ là chuyện bề ngoài. Điều chúng ta cần quan tâm ở đây là bề trong, là "lợi ích" của văn học: chính tấn bi kịch ấy đã biến Xuân Quỳnh từ con người có nhu cầu tự ca hát về tình yêu và cuộc săn đuổi hạnh phúc của mình

thành một nhà thơ viết về tình yêu vào loại phong phú nhất trong số các nhà thơ cùng thế hệ.

Những nhà thơ cùng thế hệ Xuân Quỳnh đã được nghe không ít những lời khuyên: hãy viết về những cái rộng hơn ngoài cái "tôi" của mình. Xuân Quỳnh đã nỗ lực không ít để đáp ứng điều này. Và nhờ vậy, thế giới sự vật trong thơ chị được mở rộng ra. Song, cái mà chị viết nhiều nhất, thành công nhất lại vẫn là về chính cuộc đời mình, những chuyện của mình, những gì liên quan đến mình. Có lẽ, ai viết tiểu sử chi tiết của Xuân Quỳnh sẽ có thể dựa khá sát vào thơ của chị. Tính chất tự truyện là nét đậm, xuyên suốt hàng loạt bài thơ, tập thơ, và cũng là nét khác biệt rõ rệt so với thơ của nhiều người cùng thế hệ. Gần như chị trở thành nhân vật văn học của chính thơ chị. Chị đam mê sống, đam mê yêu, đam mê trong thiên chức làm vợ, làm mẹ - những điều ấy nhân vật kia nói lên giúp. Mọi sự vẫn như thế nhưng đã chuyển sang một thế giới khác, dịu nhẹ hơn, có thể thêm dệt thêm màu vẽ cho cả khổ đau lẫn hạnh phúc. Vẫn chỉ là mình và người yêu đấy thôi nhưng đó đã là ước mơ của mình về mình và cho mình. Phải chăng đấy là cái "cuộc đời khác nữa" mà Xuân Quỳnh tìm thấy trong văn học, nơi thăng hoa và giải thoát độc đáo cho tấn bi kịch của chị? Nói một cách giản dị, Xuân Quỳnh sống trọn vẹn với tấn bi kịch của chính mình, ghi lại bằng thơ những động

thái tâm hồn mình, chị trở thành nhà thơ được công chúng ái mộ. Có thể là chị không lưu ý lắm đến cái được gọi là "hàng số nhân bản" mà các nhà khoa học thường nêu lên, nhưng hẳn là chị tin rằng không có chuyện gì của cuộc đời một con người lại là quá ư dị biệt, xa lạ với cuộc đời những người khác.

*

* *

Ai tiếp xúc nhiều với Xuân Quỳnh, hẳn sẽ thấy chị rất không ưa những gì nghiêm nghị, trịnh trọng. Chị sẵn sàng phá vỡ cái không khí nghi thức khuôn mẫu bằng những câu đùa hóm hỉnh, ngộ nghĩnh, nghịch ngợm, hoặc đôi khi khá chanh chua, nhưng thường là hết sức dân dã, hết sức gần gũi. Đằng sau cái tác phong mà không phải ai cũng dễ ưa ấy, chúng ta có thể nhận thấy ở con người này đang dần dần hội lại những nét gì tương tự như là sự thông tuệ dân gian, trí khôn và cách ứng xử dân gian? Tôi vẫn ngờ rằng con người Xuân Quỳnh thuộc về văn hóa dân gian nhiều hơn là thuộc về văn hóa hiện đại. Nếu vậy, hẳn đây lại là chỉ dẫn về một khía cạnh nữa trong tấn bi kịch của chị, bởi hình như cũng ở mức nhiều hơn ai, chị cố gắng làm người của thế giới hiện đại, của người đương thời, cả trong đời sống lẫn trong văn học.

Chỉ học hết lớp sáu, chị đã phải đi làm, chị cố

gắng tự học là chính. Chị có mặt ở hầu hết các loại văn hóa, chính trị, chuyên môn, ngoại ngữ do Hội tổ chức. Vài năm gần đây chị vẫn gắng học thêm để nâng cao trình độ tiếng Pháp, tập dịch thơ rồi nhờ thầy sửa giúp, để rút kinh nghiệm hơn là để đưa đăng. Và chị đọc rất chăm. Phải thức thật khuya mà đọc, chị bảo thế. Nhất là sách dịch, từ nhiều nền văn học khác nhau. Tôi còn nhớ, khi đọc xong cuốn tiểu thuyết *Trăm năm cô đơn*, chị còn mượn các tài liệu phân tích, để hiểu tác phẩm của một nền văn hóa khác, với chúng ta còn là xa cách, lạ lẫm. Có thể thấy dấu vết sự học hỏi của Xuân Quỳnh ở ngay trong thơ chị. Từ bài mở đầu tập *Chồi biếc* in rõ dấu ấn ca dao, sang những tập thơ sau này, chị đã trở nên lành nghề, thậm chí đã biết tận dụng cả sự khéo tay, tận dụng những cách cấu tứ của cả nhà thơ cùng lứa lẫn nhà thơ lớp trước. Và chị đã văn chương hóa không ít, hơn nữa, đã cùng các nhà thơ cùng lứa tạo ra một kiểu "văn chương hóa" mới, một kiểu trang sức mới. Nhưng cốt cách thơ Xuân Quỳnh, qua mọi biến thái vẫn gắn bó với những gì đã có nơi chị từ điểm xuất phát. Ấy là một giọng thơ ứng phó bày, kể lể, nhắn nhe, tự tình, ví von, một giọng thơ dù biến hóa đến mức văn hoa kiểu mẫu vẫn đọng lại cái phần gắn bó với lối nói, lối nghĩ, lối cảm thông thường có thể là xa xưa nữa của người Việt, của tiếng Việt. Thơ Xuân Quỳnh bao giờ cũng dễ hiểu đối với công

chúng đông đảo. Sáng rõ, nhả nhận, giản dị - là những đặc tính trong cả cho thơ lẫn văn xuôi. Không phải chị không biết đến các màu sắc khác. Không phải chị không biết đến luật thay đổi của thời gian đối với các thị hiếu nghệ thuật. Đã có lúc chị thẳng thắn chế diễu cái chất mà chị gọi là "âm lịch", tức là cái cổ lỗ, cũ kỹ trong thơ văn của những cây bút nào đó. Và chị cũng không tự coi mình là "tân thời". Không phải là không có dụng ý khi tập thơ tuyển *Sân ga chiều em đi* được kết thúc bằng hai câu nhắn gửi người đọc: *Anh hãy nghĩ khác xa điều tôi nghĩ - Thơ tôi làm không phải để anh theo*. Nhưng dẫu sao Xuân Quỳnh, với tư cách một con người và một nhà thơ, vẫn gắn bó, vẫn hướng nhiều hơn về phía những chuẩn mực, những nề nếp đã hình thành từ xưa của đời sống và của nghệ thuật. Ở con người Xuân Quỳnh vẫn tiềm tàng nét đơn giản, thậm chí trẻ thơ "đã yêu củ ấu cũng tròn", đối với mọi người, mọi sự. Xuân Quỳnh không thích, thậm chí không đồng tình với một số tìm tòi khác lạ của một số bạn viết mới gần đây - đó âu cũng là một sự thường. Và lại đây cũng là một nét thuộc nhân cách nghệ sĩ: mọi phản ứng của một nhân cách như vậy đều nhằm bảo vệ thị hiếu nghệ thuật của mình, tín nhiệm nghệ thuật của mình. Một đội ngũ nghệ sĩ cùng thời cùng lứa chỉ có yêu văn chương của nhau, tăng bốc nghệ thuật của nhau, không có xung đột về thị hiếu, về xu hướng

nghệ thuật - thì chưa hẳn đã là đội ngũ có thể làm nên một nền nghệ thuật thật sự đa sắc, đa dạng.

Xuân Quỳnh đã từng bảo vệ thị hiếu và quan niệm nghệ thuật của chị, bằng chính sáng tác của chị. Công chúng nhận ra ở chị một hồn thơ gần gũi, như đã thân quen từ lâu. Đến lượt những bạn viết mới, họ cũng phải tự tìm ra và tự bảo vệ lấy quan niệm nghệ thuật của họ, bằng sáng tác của họ, và họ cũng sẽ tạo ra được công chúng của mình.

9-9-1988

L.N.Á

XUÂN QUỲNH QUA THỜI GIAN

VÂN LONG

Tôi từng gặp những người phụ nữ đẹp thoáng qua ở trên tàu, trong phòng khách. Người phụ nữ có một cái tên, một gia cảnh hé mở, đủ cho một buổi sơ giao. Nhưng tôi biết rằng nếu không hôm sau thì tuần sau, tháng sau, tôi sẽ lần lượt quên cái tên, rồi đến những nét đẹp tưởng như khó quên của cô. Đó là những người - đàn - bà - sọt - ngang bắt gặp giữa đời khi tôi buông sọt dọc của mình dẹt nên tấm vải đời chẳng chịt.

Xuân Quỳnh thì lại khác! Sự quen biết của tôi với Xuân Quỳnh, nếu so sánh như trên, là một sọt dọc chạy suốt cả cuộc đời. Có điều sọt chỉ ấy tuy dài mà rất mảnh.

Trước năm 1954, ở Hà Nội, anh Bằng Sơn cùng tôi và một số bạn làm thơ thường có thơ in báo, tập hợp thành một nhóm có cái tên mang dấu ấn của thời học sinh: *Hoa Phượng*. Thời điểm ấy, chị Đông Mai - chị ruột Xuân Quỳnh cũng ở trong một nhóm sáng tác học sinh khác. Một chiều chủ nhật, đáp lời mời của chị Đông Mai, chúng tôi đến thăm chị. Hình như đó là một căn nhà nhỏ ở khu Vân Hồ!

(Lâu quá. Đã bốn mươi năm rồi còn gì!). Chị Đông Mai đang ngồi chải tóc cho một cô bé. Cô bé ngồi xếp giữa hai chân chị như đứa con nép vào mẹ.

Thấy chúng tôi bước vào, chị Đông Mai cất tiếng chào. Cô bé ngược cặp mắt đen như hai hạt nhãn lên nhìn chúng tôi, gật đầu chào rồi lỉnh ra ngoài sân nhanh như một con sóc. Buổi trò chuyện của chúng tôi điểm xuyết tiếng vun vút nhảy dây ngoài sân của cô bé. Làm sao tôi có thể nghĩ đó là nhà thơ Xuân Quỳnh trong tương lai.

Năm 1959, khi tôi được nhận vào làm diễn viên đàn violon-alto của Đoàn nhạc giao hưởng mới thành lập thì Xuân Quỳnh đã ở đội múa của Đoàn ca múa Trung ương từ lúc nào (Xuân Quỳnh vào Đoàn ca múa khá sớm - 1955). Hai đơn vị nghệ thuật cùng đóng trên khu văn công Cầu Giấy cách nhau vài trăm mét.

Phải thú thật, sống gần các "nàng tiên văn công" đêm trước còn thuốt tha, lộng lẫy trong sắc màu, ánh sáng. Hôm sau chín, mười giờ mới dậy, mặc quần áo tập màu xám, ngồi xõm, húp bún riêu xì xoạp, làm cho tôi một thanh niên tiểu tư sản nhanh chóng vỡ mộng. Trong khi công việc âm nhạc cổ điển của chúng tôi có vẻ "hàn lâm" hơn: khổ luyện để hòa tấu những bản giao hưởng của Bittôven, Môda nổi tiếng thế giới cho ngày trình diễn đầu tiên của giao hưởng Việt Nam. Buổi trưa, tôi ở lại cơ quan. Tôi hay ra đằng sau khu văn

công, nơi có cái tam quan một ngôi chùa tiếp giáp với ruộng lúa, xa lánh được tiếng trống phách, đàn địch suốt ngày. Tôi thường giở sổ tay ra, chữa lại bài thơ mình mới phác ra trong phòng tập. Một buổi trưa, tôi gặp Xuân Quỳnh tại đây, dường như cô cũng đi tìm một chỗ yên tĩnh, hoặc là tôi đã chiếm mất chỗ yên tĩnh của cô mà không hay. Chúng tôi trò chuyện về nghề nghiệp, về những bạn bè chung, về Đông Mai. Tôi nhớ ra cô bé nháy dây hôm đó Xuân Quỳnh hôm nay, còn nguyên đôi mắt đen hạt nhãn và gương mặt tròn. Vài buổi sau Quỳnh mới rụt rè đưa tôi đọc bài thơ cô tập viết. Thơ Quỳnh lúc đó tất nhiên còn quá đơn giản, chỉ được cái chân thành. Lúc đó tôi đã có nhiều thơ in trên các báo. Mặc nhiên tôi thành "đàn anh" của cô ở lĩnh vực này. Rồi từ hôm đó, viết được bài nào Quỳnh đều đưa tôi xem và góp ý. Có những bài sau này Xuân Quỳnh sửa lại in ở tập thơ đầu *Tơ tằm - Chồi biếc* (in chung với Cẩm Lai). Thí dụ bài *Chồi biếc* ghi dưới bài ngày 2-1-1963, nhưng đã phác thảo lần đầu từ 1961. Tôi không khỏi mỉm cười khi một cô văn công xinh đẹp mười chín tuổi lại nghĩ đến cái chết: "*Này anh, em biết - Rồi có ngày - Dưới hàng cây đây - Ta không còn bước - Như người lính gác - Đã hết phiên mình - Như lá vàng rụng - Cho chồi thêm xanh*".

Sau hơn ba mươi năm, tôi nhắc lại cái mỉm cười này để không còn cười được nữa. Thời gian và số phận đã kịp làm công việc của nó.

Cũng ở năm 1961, một buổi tối mùa thu, tôi đưa Xuân Quỳnh đến tham dự buổi sinh hoạt văn học đầu tiên trong đời Xuân Quỳnh do Sở Văn hóa Hà Nội tổ chức. Nhận xét phê bình tập thơ *Riêng chung* (1955-1960) của nhà thơ Xuân Diệu. Xuân Quỳnh từng quen biểu diễn trước công chúng, lần này lại e dè, ngượng ngùng như cô dâu. Rồi cô in bài thơ đầu tiên trên báo. Rồi những cuộc đi thực tế do Sở Văn hóa Hà Nội tổ chức. Nhớ hôm đi ra ngoại thành dự cuộc liên hoan mừng "Mười tám cô gái Đại Phong", buổi trưa chúng tôi ra bãi cỏ ngồi đọc thơ cho nhau nghe. Anh Huỳnh Tâm Chí, cán bộ chuyên trách văn nghệ Sở Văn hóa không cưỡng được cơn buồn ngủ, anh ngã đầu vào thân cây làm một giấc. Xuân Quỳnh nháy tôi, tinh nghịch: "Kìa! Sở ngủ!". Từ hôm đó mọi người đều gọi các anh Huyền Tâm, Huỳnh Tâm Chí là "Sở" thay cho tên riêng. Xinh đẹp và hóm hỉnh, Xuân Quỳnh lúc ấy đã trở thành một hạt nhân thu hút các bạn thơ thời kỳ trước khi thành lập Hội Văn nghệ Hà Nội.

Cùng làm công tác nghệ thuật, nhưng tâm hồn Xuân Quỳnh và tôi đều đặt ở thơ nên gặp gỡ trao đổi đã thành một nhu cầu của hai chúng tôi. Tuy nhiên, khi biết Xuân Quỳnh đã có người yêu (anh T, một diễn viên Violon cùng đoàn với Quỳnh) tôi gắng giữ một khoảng cách. Sau những buổi tối sinh hoạt văn học ở Hà Nội, Xuân Quỳnh ở tập thể, phải đạp xe về khu văn công Cầu Giấy. Con đường về Cầu Giấy hồi đó vắng và ít đèn đường. Lẽ dĩ

nhiên là tôi có nghĩa vụ phải đưa Quỳnh về khu tập thể, khi T. không đi đón. Có lẽ ý nghĩ Xuân Quỳnh sẽ là người bạn thơ lâu dài đã giữ cho tôi không vượt qua ranh giới tình bạn.

Anh T. nổi tiếng là người tốt, người hiền, lại chơi đàn hay số một của Đoàn ca múa. Anh chiêu chuộng Xuân Quỳnh theo kiểu của anh. Anh có thể dành ngày nghỉ để làm một đồ dùng cá nhân nào đó tặng Quỳnh, thí dụ vót một đôi đũa thật đẹp chẳng hạn. Điều đó có thể làm một cô gái được yêu khác vui lòng, một người có tâm hồn như Quỳnh, tôi không chắc Quỳnh thích thú món tặng phẩm đó của người đàn ông.

Xuân Quỳnh đi dự liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới ở Phần Lan cùng Đoàn ca múa. Trên đường đi, ghé nơi nào, Quỳnh đều có thư cho tôi. Một lá thư có thể viết trong nhiều ngày, đề ngày ở mép giấy như ghi nhật ký: *"15-7... lần này là lần thứ hai tôi xa Tổ quốc mà vẫn thấy luyện thương chẳng khác lần đầu. Những gì chưa gần gũi thì bây giờ gần gũi, những gì đã thân thiết, bây giờ càng thân thiết..."*

16-6 Hôm nay chúng tôi đã tới Bắc Kinh. Trời lại mưa như hôm bắt đầu đi. Cái ông trời thật là lắm chuyện: người ta đi thì khóc đã đành, đằng này "người ta" đến, cũng lại khóc. Đó là trời thôi chứ người ở đây thì thật là nhiệt tình và cởi mở... Các đồng chí đứng ngoài mưa che ô cho chúng tôi lên xe... trong bữa ăn, chú ý đến từng người..."

Xuân Quỳnh kể về từng cái hay cái lạ cô gặp dọc đường không có trật tự gì, cho nên cô viết: *"Tôi cố gắng với những dòng lũng củng này (vì tôi là con ông Phạm Cao Củng mà) để có thể giúp thêm anh khái niệm một chút về cuộc ghé thăm của tôi ở Trung Quốc"*.

Chuyến đi ấy, chị Tân Nhân có việc phải về trước, có chuyển cho tôi tấm ảnh Quỳnh chụp ở Hồng trường và chiếc huy hiệu có tượng Pie đại đế, kèm theo mấy dòng *"Đây là chiếc huy hiệu tôi thích nhất từ khi ra nước ngoài"*.

Chị Tân Nhân đợi tôi đọc xong, mới hỏi: "Vân Long nghĩ gì về dòng chữ đó? Cái huy hiệu tôi thích nhất, sao Quỳnh không gửi cho T?".

Phải chăng chị Tân Nhân cũng nhìn ra vết rạn nào đó giữa hai tâm hồn Quỳnh và T. Chị hỏi tôi câu đó một cách nghiêm túc làm cho tôi suy nghĩ. Nhưng thời gian đó, tôi còn "phong kiến" lắm! Người con gái đã có người yêu như bông hoa đã có chủ...

Năm 1962-1963, Xuân Quỳnh được đi học khóa I trường bồi dưỡng người viết trẻ. Ở môi trường tập hợp nhiều tài năng và trí tuệ này (Khóa I có các nhà văn Nguyễn Minh Châu, Xuân Thiều, Nguyễn Quang Thân, Vũ Thị Thường... Các thầy là những bậc đàn anh nổi tiếng: Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Xuân Diệu, Chế Lan Viên...) hẳn đã tác động rất mạnh đến định hướng sự nghiệp sau này của Quỳnh. Tuy vậy, Đoàn ca múa trung ương vẫn là cái nôi êm ấm Quỳnh sống

như trong gia đình từ tuổi thiếu nữ cũng có một sức níu giữ mạnh mẽ không kém.

Khi mà trường phân các nhóm đi thực tế, tôi đã nhận được lá thư Xuân Quỳnh gửi về đảo Cô Tô, bày tỏ mối giằng xé khổ tâm này. Người viết thư đã khuất, tôi không dám giữ làm của riêng bức thư ấy, xin trích ra để các nhà nghiên cứu có thêm tài liệu về bước ngoặt trên đường đời của một tài năng.

5-8-63

Anh Vân Long thân!

Anh có biết lúc này tôi đang ngồi đâu viết thư cho anh không? Trên đảo Cô Tô đấy! Nơi mà còn cách anh bao nhiêu cây số về đường bộ và đường biển. Ở đây buồn lắm, người cũng rần rấy cũng phải mềm nhũn ra mất. Nhất là những buổi chiều và những ban đêm. Ban đêm thì cuộc sống ở đây cách biệt hẳn với đất liền. Về ban ngày, người ta còn có thể nhìn thấy một cánh chim, những con thuyền như những đường liên lạc giữa đất liền và biển. Hôm qua tôi mơ thấy tôi sống ở trong đoàn như trước, gần gũi bao nhiêu bạn bè ở Hà Nội. Lúc giật mình tỉnh dậy thì chỉ có một mình bơ vơ. Ở góc buồng đằng kia có ông bạn ngủ mê thỉnh thoảng lại hát liú díu. Ông Trọng Oánh giường bên vẫn ngáy đều (ông ta vừa viết xong lá thư cho vợ), chỉ còn mỗi con mọt cứ cọt kẹt dưới giường, đến là bức mình. Ngoài trời trắng vẫn sáng (chả hôm nay là 16 ta mà), biển vẫn thức, vẫn cái âm thanh ào ào vỗ vào bãi cát. Buồn thật! Vừa hôm nào tôi ở gần

bao nhiêu người thân yêu của tôi, bây giờ tôi đã ở đây, cách bao nhiêu núi và nước. Tôi đã quyết định không đi ngoại quốc, tôi đã định bỏ đoàn, xa anh T, xa bạn bè và nghề nghiệp, cái nghề từ tay mình xây dựng trong 8 năm trời. Ô! Nếu tôi ở lại, tôi sẽ sống một cuộc sống êm ấm bao nhiêu. Tôi sẽ được đi nước ngoài nhiều. Tôi lại được gần người yêu, và tất nhiên sau này không ai bỏ rơi tôi. Đó, hạnh phúc trước mắt đó. Thế mà tôi từ bỏ tất cả. Tất nhiên trên đời này được cái nọ phải mất cái kia, nhưng không biết rằng mình có được cái mà mình định đổi thay kia hay không? Tôi không ngại gian khổ về vật chất, tôi chỉ buồn về tình cảm. Chắc anh biết. Tôi, một con bé từ nhỏ luôn thiếu tình cảm, bây giờ vẫn chẳng hơn gì. Tôi bây giờ như kẻ đứng giữa ngã ba đường vắng mà trời đã tối, chẳng biết hỏi ai. Giá mà bây giờ có ai bảo hộ tôi một điều rằng "Đi con đường này là đúng" thì dù có biết gục ngã giữa đường tôi vẫn cứ đi. Tôi chỉ sợ mình không biết phương hướng rồi sau này cũng chẳng ra trò trống gì, mà cứ lo nghĩ mãi thế này rồi hết đời. Anh Long!, tôi biết anh thông cảm với tôi, anh thương tôi như một người em, anh nói với tôi thêm về con đường tôi sẽ đi cho tôi bớt lo lắng".

Đọc những dòng chữ thống thiết ấy, tôi đã phải trả lời bằng thư khác dài. Và lời xui dại của tôi có tác động phần nào đến Xuân Quỳnh không mà sau khi đi thực tế ở Cô Tô về, Quỳnh quyết tâm đi vào con đường văn học. Sau khóa học, Xuân Quỳnh về báo Văn Nghệ thực tập một thời gian chờ chuyển

công tác. Xuân Quỳnh như con chim bay chuy^{ển}, lúc mới chuyển công tác, cô về báo phụ nữ Việt Nam, rồi được phân về Tỉnh hội phụ nữ Vĩnh Phú, rồi mới về báo Văn Nghệ làm biên tập thơ. Rồi Xuân Quỳnh kết hôn với T., tôi cũng lập gia đình năm đó. Khoảng giữa những năm 60, ở Hà Nội xuất hiện một nhóm các nhà thơ trẻ với nhiều giọng điệu mới mẻ: Bằng Việt, Lưu Quang Vũ, Vũ Quần Phương, Tô Hà... Xuân Quỳnh cũng ở trong nhóm bạn thơ thân thiết với nhau này. Nếu khóa I trường bồi dưỡng những người viết trẻ giúp Xuân Quỳnh định hướng nghề nghiệp, thì nhóm bạn này lại giúp Quỳnh trưởng thành nhanh chóng. Cô được tắm mình trong không khí sáng tác trẻ trung, giàu trí tuệ, rất thuận lợi cho việc phát triển, tính tình cá tính của Xuân Quỳnh. Và quan trọng nữa là định hướng lại tình cảm riêng tư của cô, trí tuệ và tài năng của nhóm bạn này tạo một so sánh bất lợi cho anh T., chồng Quỳnh.

Trong những năm ấy, tôi làm công tác biên tập ở Hải Phòng, thỉnh thoảng mới có dịp tiếp xúc với nhóm này. Nhưng dẫu chỉ một khoảnh khắc nào đấy, tôi cũng đã đọc được tình cảm của Xuân Quỳnh bởi Quỳnh là người không biết giấu giếm tình cảm bao giờ. Đó là dịp tôi tổ chức đêm thơ chống Mỹ ở Hải Phòng có mời các nhà thơ Hà Nội về dự. Xuân Quỳnh đi cùng một nhà thơ trong nhóm đó. Qua những câu chuyện không dứt ra được của họ, họ hợp nhau ở sự thông minh, tính hài hước, qua sự bộc lộ của Quỳnh, tôi thấy Quỳnh

đang yêu và đang được yêu. Dù sau này sự việc có biến chuyển ra sao, tôi phải nói cho công bằng: đó là những giây phút Quỳnh đang hạnh phúc.

Rồi thì, thật là bất ngờ! Thời gian rất ngắn sau đó tôi nhận được tin Xuân Quỳnh ly hôn với T., và nhận liền một thiệp mời mà người đứng tên chung với Quỳnh lại là Lưu Quang Vũ, kém Xuân Quỳnh tới 6 tuổi. Sự việc quá nhanh và bất ngờ cho tôi hiểu như một sự trả hận một ai đó ở Quỳnh. Điều đó làm cho tôi lo lắng Xuân Quỳnh sẽ khó hạnh phúc.

Nhưng thực tế, đôi vợ chồng thi sĩ nghệ sĩ Xuân Quỳnh - Lưu Quang Vũ đã thành một đôi hiếm có trong tình yêu về việc hỗ trợ nhau trong lao động nghệ thuật. Có điều, người chịu hy sinh nhiều vẫn là Xuân Quỳnh. Nhà văn Lê Minh Khuê so sánh rất xác đáng: *"Chị xòe cánh như một con gà mái che chở và vun vén cho tổ ấm của chị"* trong điều kiện sống nghệt nghèo. Năm 1972, bom đạn ác liệt, chị sinh cháu Quỳnh Thơ. Lưu Quang Vũ lại không có việc làm. Chị chăm sóc chu đáo cả con riêng của Vũ, con riêng của mình. Lê Minh Khuê viết: *"Có lúc chị rủ tôi đi bán tạm cái gì đó, cái khăn, cái túi, đôi dép. Lúc nào cũng bán với giá rẻ mạt, vì người mua biết ngay đây là những kẻ túng bần, lại hay ngượng ngập, tội gì mà không lột"* (Nhớ Xuân Quỳnh).

Đến khi sự nghiệp sân khấu của Lưu Quang Vũ nở rộ, không phải lo cái ăn, cái mặc thì Xuân Quỳnh lại sa vào mối lo khác. Đường như sự hâm mộ của các diễn viên nữ trẻ trung xinh đẹp với nhà

viết kịch tài danh Lưu Quang Vũ đã khơi sâu thêm khoảng cách về tuổi của đôi vợ chồng này. Tuy nhiên, Xuân Quỳnh lo lắng che chắn không phải chỉ về phía các cô gái trẻ... Chị rất hiểu Vũ là người yếu đuối, dễ mềm lòng... Mối đe dọa hạnh phúc của Quỳnh cả ở phía trước, cả ở phía sau.

Những ngày nằm bệnh viện vì bệnh tim là những ngày chị lo nghĩ nhiều nhất. Khoảng thời gian trước đó, có cả loạt bài thơ tình Xuân Quỳnh xoay đi xoay lại cái chủ đề cam kết tình yêu chung thủy. Với những cô gái trẻ đang kiêu hãnh được chồng yêu thì không cam kết như vậy.

Nhà phê bình Vương Trí Nhàn cũng thật tình khi nhận xét tâm trạng Xuân Quỳnh những ngày tháng ấy:

"Đọc thơ của chị, nhất là thơ tình một hồi, chúng ta thấy những khát khao của một người yêu rất nhiều mà nhận lại chẳng bao nhiêu. Đơn độc đi trong cuộc đời, và lúc nào cũng cảm thấy phía trước là bất hạnh, là bão tố. Ngay trong thời gian sống hạnh phúc nhất, con người đó vẫn cảm thấy là phải biết giữ gìn, phải nên tận hưởng, nếu không, nó sẽ qua đi rất nhanh. Cuộc sống vì thế bao giờ cũng căng lên như những sợi dây đàn, người ngoài nhìn vào thấy sợ hãi thay cho người trong cuộc, nhưng lại hiểu rằng đó là cội nguồn của sáng tạo" (Xuân Quỳnh - cuộc đời để lại trong thơ).

Trong bài thơ *Tưởng niệm* của tôi, tôi có đặt vấn đề:

Thiếu tuổi thơ, Quỳnh viết cho trẻ thơ
(Quỳnh mồ côi mẹ từ nhỏ)
Khát hạnh phúc, đi tìm hạnh phúc
Tìm thấy chưa Quỳnh mà lo đánh mất?
Cái chết này có hết mọi âu lo?

Quả vậy! Tôi cho rằng sự lo lắng, đau khổ bắt đầu hành hạ Quỳnh. Và nếu còn sống thêm, nỗi đau này chỉ càng lớn thêm!

Cách giải thoát làm cho chúng ta đau đớn nhất lại là cách giải thoát nhẹ nhàng nhất với Xuân Quỳnh, người cả cuộc đời lúc nào cũng chân thành khao khát hạnh phúc mà hạnh phúc cứ như ảo ảnh, chỉ sà xuống trên cột Quỳnh từng khoảng thời gian ngắn ngủi.

Có phải vì sống khôn chết thiêng không mà Xuân Quỳnh dun dủi cho người kế tục công việc biên tập thơ Nhà xuất bản Hội nhà văn lại là tôi, người đã được vinh dự đọc những bài thơ đầu tiên của Quỳnh.

Cái bàn làm việc của Xuân Quỳnh ngày tôi về nhận bàn giao còn nghi ngút khói hương như cuộc bàn giao của hai cõi âm dương.

Ngày giỗ Xuân Quỳnh - Lưu Quang Vũ - Quỳnh Thơ
- lần thứ năm: 18 tháng bảy Quý Dậu.

NHỚ VỀ MỘT TÀI NĂNG

NGÔ VĂN PHÚ

Tôi quen Xuân Quỳnh khoảng năm 1962, khi chị mới bắt đầu làm thơ, trong một buổi họp cộng tác viên của Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, do anh Huyền Tâm chủ trì.

Chúng tôi ở 14 Hàng Dầu, Hà Nội, lúc ấy Xuân Quỳnh đang là diễn viên múa của đoàn ca múa nhân dân Trung ương, Xuân Quỳnh xinh đẹp mà không cần son phấn như các cô gái bây giờ.

Chị ít tuổi hơn chúng tôi. Dạo ấy, những người làm thơ trẻ như Hoài Anh, Giang Quân, Trần Nhật Lam, Bùi Minh Quốc, Võ Văn Trực, Nguyễn Gia Nùng, Minh Hoài, Đại Thủy, Dương Đình Hy, thường đều đi dự các cuộc họp thế này. Chúng tôi làm thơ làm ca dao in trong các tập "*Tiếng hát quê ta*" và một loại thơ ca phát hành trong các xưởng thợ ở Hà Nội "*Tiếng máy*".

Khoảng 1962-1963, thơ Xuân Quỳnh xuất hiện trên mặt báo. Một trong những bài thơ đầu tiên là bài *Chối biếc*. Xuân Quỳnh vào văn công rất sớm nên trình độ văn hóa còn thấp. Tôi nhớ có lần Xuân Quỳnh gặp tôi, phân trần một cách tức giận:

- Anh Phú ơi, *Chôi biếc* của tôi in rồi đấy. Nhưng ghét quá, đầu đề lại in sai là *Trời biếc*. Trời biếc thì còn ra quái gì nữa!

Như đoán ra, tôi hỏi:

- Thế Quỳnh viết *Chôi biếc*, tr hay ch?

- Tôi viết là *Trôi biếc*.

- Thế thì họ in sai thành Trời biếc là đúng rồi. Viết đúng chính tả là *Chôi biếc*, thì nhất định họ không in sai được.

Xuân Quỳnh im lặng, không nói gì!

Khoảng cuối năm 1962, Xuân Quỳnh được đi học lớp viết văn khóa I, tại Quảng Bá. Nhiều cây bút trẻ có tài năng đều được tập hợp về đây: Xuân Triều, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Trọng Oánh, Nguyễn Quang Thân, Vương Trung, Vũ Thị Thường, Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Trúc Hà... Các chị viết văn lớp tuổi hơn một chút như Bích Thuận, Cẩm Lai, Nguyệt Tú cũng đến dự.

Các thầy đến giảng đều là những nhà văn nổi tiếng: Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng, Nguyễn Tuân, Kim Lân, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, Tế Hanh, Hoàng Trung Thông... Lớp viết văn này tổ chức chặt chẽ, kèm cặp chu đáo, có nhiều chuyến đi ngoại khóa, thực tế đều đặn, cũng là lớp bồi dưỡng rất kịp thời để sau này tung lực lượng văn nghệ trẻ vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Xuân Quỳnh học

tập rất chăm chỉ, chịu khó, kết quả cuối lớp học là tập thơ "*Tơ tằm, Chồi biếc*" của chị được in chung với chị Cẩm Lai đã ra đời... Xuân Quỳnh học thầy, học bạn và tự học. Thời kỳ này, Xuân Quỳnh chơi rất thân với Ngọc Tú và được chị Vũ Thị Thường rất mến. Khi chị Thường lấy anh Chế Lan Viên thì Xuân Quỳnh được cả hai anh chị coi như là em đỡ đầu của mình. Quỳnh học chữ Pháp với chị Thường qua những bài thơ của Victor Hugo, Lamartine, Baudelaire, Alfred de Musset, mà anh Chế Lan Viên chép dạy cho, Quỳnh khiêm tốn được các chị làm thơ có tiếng như Vân Đài, Anh Thơ, Hằng Phương rất quý, nhưng thơ của Quỳnh thì tươi trẻ, hứa hẹn những thành tựu mới, sẽ khác những chặng đường thơ trước khác của các chị. Tôi cảm nhận thấy ở thơ Xuân Quỳnh có một thiên bẩm, bởi chị có một tâm hồn, nhạy cảm đôn hậu và có những tình cảm yêu thương sâu kín.

Học xong, Quỳnh về báo *Văn Nghệ* thực tập một thời gian ngắn chờ chuyển công tác. Quỳnh không trở lại Đoàn ca múa nhân dân Trung ương nữa. Chị quyết đi theo con đường văn học. Đạo ấy chữ viết của Quỳnh còn xấu lắm. Quỳnh tự biết. Để luyện chữ khá hơn, chị làm công việc văn thư, khai thác, vào sổ các bài vở lai cáo thường xuyên. Chỉ vài tháng sau, chữ viết của chị đã rất khá, có phong cách riêng, rắn rỏi, tuy đôi lúc vẫn còn... rắc rối!

Rồi báo Phụ nữ Việt Nam nhận Quỳnh về công

tác. Cũng là lúc ở miền Bắc đã xảy ra cuộc chiến tranh phá hoại, leo thang ngày càng ác liệt của đế quốc Mỹ. Quỳnh được cử về huyện Gia Lâm đi thực tế cơ sở. Chị công tác ở huyện đoàn. Quỳnh từng giữ thư viện, xuống xã vận động nông dân đóng thuế nông nghiệp, mở hội giao lương làm nghĩa vụ lương thực. Quỳnh đi vận động kẻ biểu ngữ, khẩu hiệu trên tường, trên vải, trên nong nia rất tích cực. Tôi đùa hỏi:

- Quỳnh kẻ được mấy khẩu hiệu?

Quỳnh cười rất vui:

- Tôi kẻ có họa ma nó xem. Lại nịnh mấy cậu thanh niên trong làng thôi. Họ tích cực lắm, còn mình thì quét vôi và vác nong, vác nia...

Sau đợt ấy Quỳnh lại được phân công về Tỉnh Hội Vĩnh Phú. Các chị ở Tỉnh Hội rất mến Quỳnh ở tính giản dị, thẳng thắn, Quỳnh hòa đồng rất nhanh với những ai chị cảm thấy là tốt, và ghét rất lâu khi chị nhận ra người ấy là quá quắt, không thực lòng.

Khi tôi trở lại báo *Văn nghệ* (1972) thì Xuân Quỳnh lại công tác ở tổ thơ với tôi trong một thời gian. Quỳnh đọc lai cảo, biên tập và đọc sơ khảo cuộc thi thơ 1972-1973. Cách chọn thơ của Quỳnh cũng rất công bằng. Quỳnh rất quý bạn bè, nhưng

không chịu nổi những bài thơ nhạt nhẽo, dễ dãi, loại thơ Quỳnh mệnh danh là "thơ âm lịch", kể kể con cò con kê, thường có hai giai đoạn so sánh ngày xưa khổ cực, ngày nay đổi đời. Xuân Quỳnh cũng không thích lối thơ khoa trương, kênh kiệu, làm xiếc từ ngữ, lèo đời bằng những lối viết bí hiểm, thực ra là phô phồng không thành công ở một loại thơ nào đó mà phương Tây đã chối bỏ. Quỳnh bỏ những bài thơ ấy không thương tiếc và còn trích ra giễu cợt ở mục "tin thơ".

Bè bạn làm thơ đều phục Xuân Quỳnh. Có thể những nhà thơ đang nổi tiếng, người này thích, người kia cho là "cũng thường thôi", nhưng tài thơ của Xuân Quỳnh ai cũng phải công nhận. Quỳnh cũng mến phục bạn bè, quý từng bài thơ hay của họ, khen rất chân tình và không hề biết lấy lòng ai dù họ là các nhà thơ lớn.

Xuân Quỳnh quý mến tất cả, phục tất cả tài năng song chị không thích tham gia một nhóm hay một trường phái nào. Bạn thời trẻ của chị cùng vào làng văn là Bằng Việt, Lưu Quang Vũ, Vũ Quần Phương, Tô Hà và kể cả Vương Trí Nhàn. Chị thân với cả nhóm nhưng ít nói chuyện văn chương với họ. Chị hay nói chuyện đời thường hơn là nói chuyện thơ. Trong nhóm có vài ba anh cũng mê chuyện văn chương, có lúc họ muốn mọi người bàn chuyện văn thơ với họ, nhưng Xuân Quỳnh lại thích những chuyện vui đùa hơn. Thời gian này, Xuân Quỳnh đang khủng hoảng về chuyện yêu

đương, nhưng Quỳnh vẫn sống rất có trách nhiệm về bốn phận một người vợ, một người mẹ... Quỳnh vui bè bạn để khuây những nỗi buồn riêng và Quỳnh cũng thích bè bạn đến thăm mình.

Trút tâm sự nhiều nhất của Quỳnh là ở tập *Gió Lào cát trắng* và *Hoa cỏ may*. *Gió Lào cát trắng* gồm những bài thơ viết đầu những năm Bảy Mươi. Lúc này, Quỳnh có những trăn trở để bước tiếp một bước quyết định của cuộc đời riêng: lấy chồng lần thứ hai, lấy Lưu Quang Vũ, một người mà chỉ bấy giờ đã yêu thương thực sự... Xã hội lúc đó cũng có những biến động trong hoàn cảnh gay gắt của cuộc chiến tranh chống Mỹ sắp đến giai đoạn quyết liệt nhất của chặng đường thắng lợi cuối cùng. Đời thường cũng có những trăn trở phức tạp trong sự phát triển tất yếu của nó. Kẻ cơ hội sống lẫn lộn với những người chân chính "*Gió Lào cát trắng*" cũng như một số bài thơ khác đã đề cập đến cả những nỗi niềm riêng chung trăn trở ấy. Nó đề cập đến cả những mặt đáng lo ngại trong tình cảm, trong cuộc sống. Chị không chỉ thiên về ca ngợi cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước, như đa phần thơ ca lúc bấy giờ. Và thơ ca ấy thì hơi trái với những ai quen thưởng thức những lời nói về những niềm vui chiến đấu. Tập "*Gió Lào cát trắng*" có những bài thơ mang những nỗi buồn kín đáo, âm thầm. Những năm 1974, năm đang có cả một luồng phê phán những áng văn chương bị cho là thiếu sức chiến đấu, hoặc làm giảm lòng tin của mọi

người, tập *Gió Lào cát trắng* ra đời không có lấy một lời phê bình nào cả trên báo chí. Mãi sau này người ta mới trở lại khen Xuân Quỳnh, khen không tiếc lời về tập thơ này. Nhưng chính lúc ấy, tôi được một bạn thơ cho biết, có một nhà phê bình trẻ còn nói: "Tớ tha không đánh *Gió Lào cát trắng*, vì tác giả của nó là loại đàn bà, con gái (!)". Chuyện tưởng như không mà có thật!

3

Hoa cỏ may, là tập thơ cuối cùng của Xuân Quỳnh. Đầu năm nay, Xuân Quỳnh được phân công phụ trách phòng Thơ của Nhà xuất bản Tác Phẩm Mới. Trước đây chị là biên tập viên của tổ văn xuôi. Nhưng chị bị bệnh tim nặng phải vào viện điều trị một thời gian.

Trở lại làm việc, Xuân Quỳnh bàn bạc với tôi khá nhiều lần, trao đổi, lo toan về việc in thơ những năm tới đây sao cho đích đáng và có hiệu quả. Có một hôm, Quỳnh bảo:

- Quỳnh năm nay cũng xin in một tập đấy, anh Phú ạ. *Tự hát* in cũng đến năm, sáu năm rồi còn gì.

- Thì Quỳnh in, nhưng người nhà thì đòi hỏi cao hơn đấy!

Xuân Quỳnh cười, nửa đùa, nửa thật:

- Có được thì mới in chứ. Trăm con mắt nhìn

vào. Mà hay đấy. Thơ Quỳnh bán được, anh không sợ ế đâu!

Như sợ bạn cho mình lại "tư túi cá nhân", Quỳnh nói thêm:

- Quỳnh sẽ không lấy nhuận bút đâu. Bán hết sách mới nhận. Như thế cũng bằng góp vốn in sách còn gì!

Tôi cười:

- Nhưng nhẹ nhàng hơn. Thôi cứ để việc đến hãy bàn, Quỳnh ạ!

- Anh đọc giám định hộ Quỳnh tập thơ này nhé!

Tôi nhận lời. Lúc đó, tôi bận rất nhiều việc riêng việc cơ quan. Tôi khất Xuân Quỳnh cho chậm một chút. Khoảng giữa tháng tám, Quỳnh trao tập "*Hoa cỏ may*" cho tôi, cả thấy có hai mươi tám bài. Tôi đọc xong, rất mừng, vì thơ Quỳnh vẫn giữ được phong độ xưa đầm thắm, hóm hỉnh, duyên dáng, sâu sắc hơn, và tràn đầy tâm sự kín đáo. Bốn câu đề từ của tập, mang một nỗi buồn man mác:

Khấp nẻo dăng đầy hoa cỏ may

Áo em sơ ý cỏ găm đầy

Lời yêu mỏng mảnh như màu khói

Ai biết lòng anh có đổi thay?

Tôi chờ Xuân Quỳnh về để mừng cho bạn và góp ý cụ thể, muốn Quỳnh bớt dăm bảy bài để tập thơ tập trung những bài hay, đậm đặc hơn.

Ngày 29 tháng Tám, tôi chờ Xuân Quỳnh cả

ngày, nhưng Quỳnh không đến làm việc. Ngày ấy, chính là ngày Quỳnh ngộ nạn. Tôi choáng váng thật sự khi biết tin Xuân Quỳnh đã mất. Tôi thần thờ và tự thấy mình càng phải có trách nhiệm với "*Hoa cỏ may*" nhiều hơn nữa.

Tôi biên tập cho chu đáo tập thơ này, càng đọc thơ càng xúc động. Tôi nhớ những kỷ niệm trong những năm tháng cùng công tác với chị, càng nhớ đến những câu thơ rất yêu đời của chị, ngay từ lúc mới đầu cầm bút làm thơ:

*Lá vàng rụng xuống
Cho đất thêm màu
Có mất đi đâu
Nhựa lên chồi biếc.*

Hà Nội, 29-9-1988

N.V.P

VỚI XUÂN QUỲNH

XUÂN TÙNG

Đối với tôi, Lưu Quang Vũ là đồng hương. Còn với Xuân Quỳnh, tôi là đồng nghiệp. Chúng tôi quen biết nhau từ năm 1964, cùng sinh hoạt một chi đoàn Thanh niên ở Hội nhà văn Việt Nam. Hồi đó, tôi làm biên tập ở nhà xuất bản Văn học, còn Xuân Quỳnh ở báo Văn Nghệ. Mỗi lần sinh hoạt chi đoàn, trước khi vào họp, chúng tôi thường đánh bóng bàn và kể chuyện vui. Xuân Quỳnh là một cây bịa chuyện, nhiều bữa gây cho nhiều người cười no bụng.

Năm 1978, Xuân Quỳnh từ báo Văn Nghệ chuyển về Nhà xuất bản Tác Phẩm Mới để chuẩn bị ra tờ Tạp chí. Hồi này tôi làm biên tập ở tổ văn. Tờ tạp chí không ra được, Xuân Quỳnh được bổ sung vào cùng tổ với tôi. Nhà xuất bản chủ trương ra sách chuyên đề. Xuân Quỳnh và tôi được phân công đảm nhận công việc đó. Tập sách chuyên đề đầu tiên do hai chúng tôi biên tập là *Trận tuyến phía Bắc*, ca ngợi quân dân ta đánh thắng quân bành trướng. Ra được sáu tập chuyên đề thì ngừng. Tôi đi nhận công tác khác, Xuân Quỳnh lại

nhập vào tổ văn. Xuân Quỳnh lại trách tôi: "Tại anh bỏ đi mà tổ ta bị xóa tên". Xuân Quỳnh tâm sự: "Anh thấy khổ không, nhà thơ lại đi biên tập văn xuôi. Quả là nghiệp chướng". Tôi đùa: "Nhà thơ cũng phải viết văn xuôi chứ!". Cùng làm việc, Xuân Quỳnh thường bảo: "Tính Quỳnh đoảng, mọi việc bếp núc của tổ anh lo hộ. Còn bài vở cần ở đâu Quỳnh sẽ chạy cho". Mấy năm cùng làm sách chuyên đề, chúng tôi cùng chịu trách nhiệm chung mọi chuyên mục văn, thơ, dịch thuật và tiểu luận. Nhiều bữa hai chúng tôi tranh luận khá căng và phần thắng đều chia đôi. Những lúc như vậy, Xuân Quỳnh lại đùa: "Anh và Quỳnh đều là thủ trưởng của nhau". Tôi có ông bạn đi Đức về tặng mấy cây bút dạ loại to. "Anh cho Quỳnh xin lại cho cháu Mi, cháu đang học vẽ". Sau đó không lâu Võ Văn Trực mang về cho tôi một chiếc cà vạt khá đẹp, bảo là của Xuân Quỳnh gửi. Khi gặp Xuân Quỳnh tôi trách: "Bà trả tiền bút dạ đấy à?". Xuân Quỳnh hạ giọng: "Anh đừng nói thế phụ cả lòng tốt của nhau. Quỳnh cần thì xin anh, Quỳnh quý thì tặng anh". Chúng tôi thường cùng nhau đạp xe đi đặt bài. Lúc thì đến nhà bác Nguyễn Xuân Khoát, khi thì đến anh Từ Chi... Xuân Quỳnh bảo: "Anh đi với Quỳnh để có thể đàn ông, sau đó Quỳnh sẽ đến bám lấy bài cho". Xuân Quỳnh rất siêng đi lùng bài. Nghe ai có sáng tác hoặc chuyên đề gì hay, Quỳnh cố xin cho bằng được. Hồi mới quen, tôi nghĩ nhà thơ làm việc tài tử. Nhưng khi làm việc với nhau, thấy

Xuân Quỳnh rất trách nhiệm và chu đáo siêng năng và ham học. Một lần, không có xe đạp, Quỳnh bắt tôi lái lên tận Cửa Bắc để đặt bài anh Nguyễn Đức Nam. Lúc trở về đến Cửa Nam, Quỳnh hỏi: "Anh có mang tiền theo không? Cho Quỳnh vay mấy đồng. Đói bụng rồi, hôm nay Quỳnh chiêu đãi anh". Hôm sau Quỳnh mang tiền trả, tôi nhất định không nhận, Quỳnh giận: "Quỳnh thất anh cơ mà!"

Xuân Quỳnh ngồi với bạn bè ở đâu, thì ở đó có tiếng cười. Nghe tin một người bạn nào đó qua đời, Quỳnh than thở: "Kẻ tưởng chết lại không chết cho. Còn người tốt cần sống thì cứ lần lượt ra đi!". Ngoài đời Xuân Quỳnh tỏ ra sắc sảo và ác khẩu. Ghét ai ghét đến cùng, không nhìn mặt và không thèm dự chung một cuộc họp. Nhưng với gia đình, Xuân Quỳnh nhỏ nhẹ như con chi chi, rất đảm đang và nhẫn nhục đến mức ít ai ngờ. Con người tưởng như cứng rắn mà lại đa cảm hay ân hận. Xuân Quỳnh lỡ lời với ai, gặp lại lần sau là cố tìm cách thanh minh. Nhân cái chết của anh Xuân Diệu, Xuân Quỳnh nói với tôi: "Quỳnh ân hận quá về sự nóng nảy mất bình tĩnh của mình đối với ông Xuân Diệu". Quỳnh không đi đưa tang.

Quỳnh có tài nhận xét hóm hỉnh và khái quát tính cách một số người khá chính xác. Anh H nhút nhát lại học đòi cười xe gắn máy. Xuân Quỳnh bảo: "Cậu H trông giống như con cua. Muốn cười xe

máy, cậu ta phải đi xe đạp thăm đường trước đã thử đường có vắng không?". Hay tính cẩn thận quá đáng của anh T. "Ông T, mười hai giờ đêm đi xe đạp qua ngã tư, đường phố vắng tanh, vẫn giờ tay xin đường". Với BV thì Xuân Quỳnh lại nhận xét tính dỏm đáng lắm lắm: "Cậu ấy rửa tay ở vòi nước này và chạy sang tráng tay ở vòi nước kia". Xuân Quỳnh kể về tính keo kiệt của cậu P: "Hai người thân nhau. Một lần cùng đạp xe vào Bình Đà, trưa nắng, khát nước, cậu P bảo Quỳnh dừng vào quán uống nước. Quỳnh mua cam cho cậu ta ăn. Xong tiếp tục đạp đi. Được một đoạn thì cái túi đeo trên xe cậu P đứt dây, đổ ra mặt đường toàn cam. Cậu ấy thản nhiên nhặt cam vào túi không một chút ngượng!".

Trước ngày bị tai nạn để rồi vĩnh viễn xa cách chúng ta, Xuân Quỳnh đã chết hụt một lần khi xe bị đổ ở đèo Cù Mông trong dịp đi dự festival điện ảnh tại Đà Nẵng. Hôm trở về cơ quan Xuân Quỳnh đưa anh em xem tấm ảnh chụp chiếc xe ca đổ nghiêng bên bờ vực và đùa: "Quỳnh từ cõi chết trở về chới vợi". Cũng từ ngày đó Xuân Quỳnh giảm vui và ít đùa. Phát hiện bệnh tim, Xuân Quỳnh đi nằm viện cả tháng. Trở về cơ quan, Xuân Quỳnh được phân công về tổ thơ và rủ tôi về làm cùng, nhưng không được trên chấp nhận. Xuân Quỳnh chưa chát nói: "Tôi là nhà thơ, nhưng nay mới được đặt đúng chỗ. Nhưng biết đâu...". Đầu tuần Xuân

Quỳnh bất ngờ gọi anh Tr. đến bàn giao tất cả tủ
bản thảo thơ, sau đó nói với tôi: "Hẹn anh tuần sau
Quỳnh đưa kế hoạch in thơ 1989 của tổ. Và sẽ đưa
vé mời hai ông bà đi xem "Bệnh sĩ" của anh Vũ.
Anh nhớ thúc và chăm sóc tập thơ của anh Vũ. Tôi
đi mấy hôm...". Nào ngờ, đó là những lời cuối cùng
của người bạn mà tôi đã quen thân gần một phần
tư thế kỷ.

Hà Nội, 49 ngày Xuân Quỳnh mất

NHỚ CHỊ

LÊ MINH KHUÊ

Từ những ngày còn tuổi mười tám đôi mươi, tôi đã đọc và yêu thơ Xuân Quỳnh. Không thể không trào nước mắt khi đọc những câu thơ đầy cảm xúc như:

Trên đường hành quân xa

Dừng chân bên xóm nhỏ

Tiếng gà ai nháy ổ

Cục cục tác cục ta

Nghe xao động nắng trưa

Nghe bàn chân đỡ mỏi

Nghe gọi về tuổi thơ...

Những câu thơ không có ẩn ý, hoàn toàn giản dị như những bài hát đồng giao. Nhưng nó làm tim ta thất lại vì nó trong trắng, sinh động và thiết tha... ở bất kể một vùng quê nào đấy trên miền Bắc cũng có giếng nước trong, có sân gạch, có bụi dong riềng trước ngõ, có ổ trứng gà treo trên chái bếp, và tiếng gà xao xác buổi trưa. Chị Quỳnh có biệt tài gọi lại trong ta những kỷ niệm mà nếu vô tình, ta dễ bỏ

qua. Dưới con mắt chị, một cái lá cây khi đi vào trong thơ cũng trở nên có hồn:

Cỏ bờ đê rất lạ

Xanh như là chiêm bao

Kìa bãi ngô bãi dâu

Thoáng tiếng cười đâu đó.

Từ những năm xa xôi ấy, tuổi thơ, tôi thường tưởng tượng ra chị. Một cô gái tươi cười, khăn mỏ quạ, áo tứ thân, hay nhìn với khuôn mặt nghiêng nghiêng, mắt tinh nghịch. Lúc gặp, tôi nói với chị điều đó, chị cười rất thú vị.

Thường ngày chị cắt tóc ngắn, mặc quần bò, trông chị như một chú bé con hiếu động. Nhưng đọc thơ tôi vẫn thấy chị trong dáng dấp cô thôn nữ thông minh duyên dáng.

Năm 1972, chị và anh Vũ về sống với nhau. Những ngày bom đạn ác liệt, chị sinh cháu Mi, Anh Vũ chưa có việc làm. Chị xòe cánh như một con gà mái che chở và vun vén cho tổ ấm của chị. Giống như tất cả các bạn bè thời ấy, túi tiền lúc nào cũng rỗng. Sống một mình túi rỗng đã làm chúng tôi khốn khổ. Với chị, cái khốn khổ đó gặp ngàn lần. Chị giặt gấu vá vai, tạm ứng ở báo này, báo kia, vay bạn bè... Có lúc chị rủ tôi đi bán tạm cái gì đó: cái khăn, cái túi, đôi dép. Lúc nào cũng bán với giá rẻ mạt vì người mua họ biết đây là những kẻ túng bán, lại hay ngượng ngập tội gì không lột?

Chị nói với tôi về ngày thơ ấu của chị: suốt những năm còn nhỏ, lúc nào chị cũng cảm thấy rét. Có lẽ rét vì đói, rét vì trống vắng, vì thiếu thốn. Cảm giác rét đến lúc này vẫn cứ theo chị và có khi chị bất giác vẫn run lên. Có lẽ vì thế chị hay thương cảm. Thương con bò kéo xe sáng nay chị gặp, bị người đánh xe quật bằng xẻng: "Tao có sức, tao xông vào cho thằng kia mấy cái tát. Con vật nó cũng đau chứ...". Một lần khác, chị bần thần cả buổi vì gặp một gã đàn ông để hai đứa con nằm trên bao tải, kéo trên hè đường kéo qua cả cống nước bẩn để đi ăn xin. "Mà nó ngủ mới khiếp chứ. Cả hai đứa trẻ cứ ngủ, còn bố nó kéo nó qua cả bãi cứt. Khủng khiếp quá...". Chị thương chồng, thương con. Con riêng chị đã thương, con riêng chồng chị thương gấp bội. Chị ngồi hàng giờ kể chuyện đàn con cái. Trong những phút nghiêm chỉnh, chị khuyên tôi:

- Em phải lấy chồng, có con. Phụ nữ phải có con. Thích lắm đấy! Cái chính là thấy nó bé bỏng, không có ai che chở ngoài mẹ nó. Vất nó ra nó sẽ đói, sẽ khát. Chỉ có mẹ nó là biết nó cần gì.

Tôi nói là những phút nghiêm chỉnh. Còn thường là chị đùa. Chị bảo có con, chị ghét cả con muỗi con ruồi. Ghét cả tiếng đi mạnh, cả tiếng ho làm con chị giật mình. Chị nói bằng thứ ngôn ngữ dân dã và mắt chị cười tíu lại nghịch ngợm.

Những buổi sáng, khi có tâm trạng buồn khổ, u uất, tôi vừa đạp xe đến cơ quan vừa mong là có chị

Quỳnh ở đó. Gặp chị là tất cả buồn bực đều tiêu tan. Chưa có người phụ nữ nào nói chuyện có duyên như chị. Chỉ bằng vài ba từ, chị đã phác họa xong chân dung một con người, hoặc nói xong được một sự việc. Đôi khi tôi thấy, có nghĩ nhưng không thể nói được như chị. Chị kể chuyện những người sống xung quanh chị. Rồi chuyện con chó, con mèo, chuyện cái bát vỡ, cái bình tích sữa vôi, chuyện cái ô của ông khách, cái điều cày của người ăn xin ở chợ Hôm... bất kể cái gì cũng thành một câu chuyện nhỏ, hóm hỉnh và lôi cuốn, làm người nghe cười chảy nước mắt. Mỗi lần nghe chị kể chuyện vui, tôi lại thấy trước mặt tôi là bà lão tóc bạc trắng, mắt nheo nheo trong các câu chuyện cổ, mọi nỗi khổ đã được nhìn dưới con mắt của một triết gia: không có gì khốn khổ nữa nếu biết cười nhạo nó.

Đời sống hàng ngày không thể gặm nhấm được chị, tôi thấy rõ điều đó. Chị vẫn yêu đắm thắm tha thiết, chị say mê rất nhiều thứ: chị yêu thơ, yêu trẻ con, yêu sân khấu, chị mê Platini, mê lối đá trên sân cỏ của đội Braxin và có thể ngồi bình luận hàng giờ về các ngôi sao trên sân cỏ. Chị biết mức độ, giới hạn của tài năng và chị yêu con người thực qua tài năng, nói đúng ra, đơn thuần chỉ tài năng. Chị vẫn cho rằng trong đời sống gia đình, tài năng xuất chúng không cần thiết mấy. Có tài cũng tốt thôi. Nhưng đừng để thùng gạo hết nhãn mới chạy, đừng để áo chồng bẩn, đừng để áo con rách. Phải biết thu vén cho gia đình, chị hay dặn tôi thế. Áo

quần cũ dùng vất đi. Lúc có con, dùng để may áo trẻ sơ sinh rất tốt. Quần áo hơi sờn vai phải vá ngay dùng để rách rồi mới vá chằng vá đụp. Chị tiết kiệm, nhưng không hà tiện. Chị chăm lo cho con bạn bè một cách cảm động, thỉnh thoảng chị cho tôi gói kẹo, quả cam, quả ổi. Mất chị cười sung sướng khi thấy tôi thích thú vì được chị săn sóc... Người chị hàng ngày đó lại là người tiết kiệm cả thời gian và nghiêm khắc.

Khi tôi có con, bán búa về con cái tôi sinh ra lười biếng. Chị giục tôi viết. Tôi nói với chị về cái nhà chật chội, về nỗi không có cái bàn viết. Chị bảo đừng để ý đến cái bàn, cứ cho đâu gối là cái bàn. "Bao nhiêu năm tao vẫn viết trên đầu gối đó thôi". Rồi chị mắng:

- Mày mà còn nhỏ tao đánh cho cả ngày.

Năm gần đây tôi viết xong tập sách. Chị đọc và đến nhà tôi ngay. Chị vui lắm và bảo là chị thích tôi làm việc được như thế. Phải cố gắng, đừng vì con cái mà quên cả mình một cách lười biếng.

Chị làm biên tập văn học cùng tổ với tôi trong nhiều năm. Tính chị thẳng thắn. Chị gắt gao với những gì mờ nhạt buồn tẻ. Chị thường đùa "nước ốc gọi bằng cụng" và chị cười tít mắt. Nhưng đối với cái hay, cái đẹp, chị bảo vệ tới cùng. Đôi khi không ưa một người nào đó, nhưng được đọc tác phẩm của người ấy, một tác phẩm hay, chị gạt bỏ ngay định kiến của mình và quay lại quý mến tác giả một

cách bất ngờ. Chị quý con người qua tác phẩm hay "viết hay được như thế là người phải tốt lắm".

Tôi thương chị vì suốt từ bé đến khi mất, chị vẫn chưa biết thế nào là nhàn hạ. Những đêm không phải dành cho đọc sách làm thơ mà phải đi xách nước ở mấy nước công cộng. Những buổi hết giờ làm việc không được thông dong ra về, mà thường phải lúi ra hàng túi to quần áo để giặt ở mấy nước cơ quan. Có thời gian chị phải thức để đính kim sa vào áo diễn viên, phải cắt dép nhựa để kiếm thêm chút tiền cho các con. Rồi lo cho cả nhà ăn sáng, ăn chiều. Lo xin việc cho con lớn, lo việc học hành cho con bé. Đôi khi chạy việc giúp cho bạn bè hoặc người thân của họ, chị thường tận tâm. Suốt bao nhiêu năm gia đình nhỏ của chị sống trong căn phòng chưa đầy mười mét, nóng và chật. Mùa hè, cứ buổi chiều, mặt trời hướng Tây dọi thẳng qua cửa sổ nung đốt căn phòng, chị thường phải đuổi con ra khỏi nhà để đỡ nóng. Khi các con ngủ anh chị mỗi người một góc để viết. Chị đùa: "Tao chưa bao giờ được ngủ giường. Khi có nhà mới phải sắm sửa, như năm đi ở riêng! Cái bàn viết cũng không có..."

Chị ít được ăn ngon. Con đông, nấu nồi cơm, phải lo gấp miếng ngon cho con nhỏ, lo bát cơm nóng cho chồng. Thường là phải ăn cơm nguội. Khi chị sinh cháu Mi, chị được bồi dưỡng nửa con gà... Chị cứ cười tít mắt mà nói với tôi như vậy. Nghe chị nói những điều đó với cách nói của chị không ai

nhìn được cười, và cũng không thể nào cầm được nước mắt khi ngồi nhớ lại...

Những ngày gần đây, chị đau tim. Đi xa về, tôi mang vào bệnh viện cho chị chút quà. Chị chỉ lấy một tý nhỏ, còn bắt tôi mang về bằng được. "Mang về cho chồng cho con, tao có nhiều rồi!". Lúc nào chị cũng có câu "tao có nhiều" mặc dù chị rất thiếu thốn. Lúc ra viện, chị đến cơ quan, mặt xanh tái. Tôi bắt mạch của chị... Quả tim đập nặng nhọc, hai nhịp dừng một nhịp.

Chị lo âu và tha thiết sống nhiều hơn, và cố gắng chữa bệnh. Chị đang ao ước được đi chơi một chuyến xa, đất nước ở bên kia đại dương.

- Ước gì được ngồi máy bay, đến nơi đó, nhìn một cái rồi về ngay cũng được.

Bệnh chị đã đỡ, chị đang vui trở lại và định viết một cuốn sách. "Tao viết về tình yêu tay ba cho mày xem. Bán cứ là chạy như tôm tươi...". Chị đã đùa trở lại.

Có những con người sống bên cạnh nhiều khi ta thấy họ như cái bóng mờ nhạt, không có thực, và có những người đã chết, một cái chết không ngờ, như chị, nhưng không ai tin là chị đã mất. Tôi vẫn thấy rõ chị, tình nghịch, háo hức hết ý hết chú gà con trong bài thơ "*Bầu trời trong quả trứng*", một bài thơ tuyệt hay vẫn đầm thấm chu đáo, luôn lo cho người này người kia. Vẫn tiếp tục khám phá những cái đẹp của thế giới xung quanh, và nói bằng ngôn

ngũ thơ chỉ riêng chị mới có được, thứ ngôn ngữ cuốn hút, thấm đượm chất dân gian, mà mới mẻ...

*Trời sinh ra trước nhất
Chỉ toàn là trẻ con...
Trên trái đất trụi trần
Không dáng cây ngọn cỏ
Mặt trời cũng chưa có
Chỉ toàn là bóng đêm
Không khí chỉ màu đen
Chưa có màu sắc khác
Mắt trẻ con sáng lắm
Nhưng chưa thấy gì đâu
Mặt trời mới nhô cao
Cho trẻ con nhìn rõ
Màu xanh bắt đầu cỏ
Màu xanh bắt đầu cây...*

Hà Nội, tháng 9-1988
L.M.K

XUÂN QUỲNH - NGƯỜI MẸ - NGƯỜI VỢ^(*)

BÀ VŨ THỊ KHÁNH
(Mẹ nhà văn Lưu Quang Vũ)

... Năm 1973, đánh dấu một sự kiện quan trọng trong cuộc đời con trai tôi. Vũ lấy nhà thơ Xuân Quỳnh. Vũ - Quỳnh quen biết nhau đã từ lâu vì vốn ở cùng một khu tập thể dành cho văn nghệ sĩ. Lại là những bạn thơ mến phục nhau vì tài. Hoàn cảnh gia đình riêng của Quỳnh không hạnh phúc. Quỳnh đã ly dị với chồng và cũng có một con trai.

Lúc đầu tôi không tán thành cuộc hôn nhân này. Tâm lý của một người mẹ, thấy con mình đã một lần dở dang hạnh phúc với người vợ diễn viên, nay lại lấy một người vợ văn nghệ sĩ nữa, không biết rồi sẽ ra sao? Hơn nữa, lại chênh lệch về tuổi. Quỳnh hơn tuổi Vũ. Dư luận nhiều người phản đối tỏ ý nghi ngờ sự bền vững của mối tình này. Nhưng bất chấp tất cả, Vũ - Quỳnh vẫn quyết định lấy nhau. "Đám cưới" của hai người được tổ chức đơn giản ở cửa hàng Mỹ Kim, phố Hàng Buồm. Bữa tiệc cưới hôm đó, ngoài cô dâu chú rể chỉ có

^(*)Trích bài *Lưu Quang Vũ - Cuộc đời và năm tháng*

nhà tôi, mấy đứa em của Vũ và hai người bạn. Vũ - Quỳnh mời năm người nhưng chỉ có hai người đến dự. Ngay cả bạn bè cũng vẫn còn e ngại trước sự "liều lĩnh" của Vũ - Quỳnh. Nhà tôi rất thương Quỳnh. Anh kiên trì thuyết phục tôi chấp nhận để hai con có một gia đình riêng cho đỡ tội nghiệp. Kể từ ngày đó, Quỳnh chính thức trở thành một đứa con trong gia đình, một thành viên trong đàn con đông đúc của tôi. Nhân sự kiện này, Vũ viết thư báo tin cho em đang học ở nước ngoài: "Sau bao nhiêu sóng gió, thế là anh Vũ, chị Quỳnh đã được sống bên nhau. Chị Quỳnh là người tốt, rất hiểu và yêu anh. Mong và tin rằng sẽ sống được với nhau suốt đời, sẽ làm được những việc có ích".

Thời gian đầu về sống với nhau, vợ chồng Vũ - Quỳnh nghèo lắm. Tài sản có giá trị nhất trong nhà là một cái phích Trung Quốc. Hai vợ chồng không có cả giường nằm. Lúc rời bỏ gia đình cũ, Vũ và Quỳnh đều ra đi với hai bàn tay trắng. Để tạm sống qua ngày, Vũ phải làm đủ nghề. Từ vẽ quảng cáo pa-nô, in bưu thiếp, bồi giấy để làm bìa, đến việc trang trí, xếp đặt cho những cuộc trưng bày triển lãm. Tuy rất thương vì hai vợ chồng nghèo túng quá, nhưng tôi vẫn thấy yên tâm vì Vũ - Quỳnh sống rất đầm ấm, hạnh phúc. Vũ có vẻ thoải mái và làm được nhiều việc hơn.

Đến tháng 2 năm 1975, Quỳnh sinh cháu trai. Vũ đặt tên con là Quỳnh Thơ. Cái tên này định dành để đặt cho con gái vì cả hai vợ chồng đều rất

mong có một đứa con gái. Nhưng khi Quỳnh đẻ con trai, vẫn cứ đặt tên này, không thay đổi nữa. Như vậy là ngoài hai đứa con trai riêng của Vũ và Quỳnh, gia đình Vũ có thêm một cậu con trai chung nữa. Bạn bè vẫn thường nói đùa là trong đám văn nghệ sĩ, Vũ - Quỳnh là cặp vợ chồng có số con đông nhất. Cả gia đình Vũ ở trong một căn phòng có 6m². Mùa hè nóng nực đến không thể chịu được. Ban đêm, cả nhà phải kéo nhau lên sân thượng để ngủ. Ba anh em, con của Vũ - Quỳnh tuy không cùng bố cùng mẹ nhưng sống hòa thuận và rất quý nhau. Mi (tên gọi thân mật của Lưu Quỳnh Thơ) được cả nhà yêu lắm. Ngay từ nhỏ cháu đã sớm bộc lộ tài năng. Mi thông minh, học giỏi, vẽ đẹp, đàn hay, viết truyện cũng hay. Năm lên ba tuổi, Mi đã đoạt giải cuộc thi vẽ tranh quốc tế với chủ đề "Năm 2000 em sẽ sống như thế nào". Mi còn là nhân vật chính trong rất nhiều câu chuyện, bài thơ của mẹ Quỳnh bố Vũ.

Quỳnh là một phụ nữ tài năng, thông minh và yêu thương chồng con hết mực. Ban ngày quần quật, vất vả với công việc cơ quan, công việc gia đình, lo chợ búa cơm nước, giặt giũ, học hành cho ba đứa con, Quỳnh chỉ có thời gian sáng tác vào ban đêm. Thường vào khoảng mười một giờ đêm, khi các con ngủ đã ngủ yên, Quỳnh mới ngồi trên nền nhà, kê giấy lên đầu gối mà viết. Cả nhà chỉ có một cái bàn con "ưu tiên" cho Vũ ngồi làm việc. Tình yêu và sự chăm sóc chu đáo của Quỳnh đã

giúp Vũ rất nhiều trong đời sống và trong công việc. Tôi vẫn nói với nhà tôi là Vũ viết được nhiều, được tốt như thế, tất nhiên phải nhờ vào tình thương yêu và tài đảm đang của Xuân Quỳnh. Quỳnh đã có mặt trong đời Vũ vào những năm gian nan, lận đận nhất. Những năm đó không phải chỉ đơn thuần là kiếm kế sinh nhai mà còn là vấn đề xác định hướng đi trong cuộc đời, lấy lại niềm tin vào bản thân mình.

Năm 1978, Vũ vào làm biên tập ở *Tạp chí sân khấu*. Công việc tương đối ổn định và thích hợp với khả năng của Vũ. Việc làm báo ở một tòa soạn mới được thành lập, rất bận rộn, đồng lương ít ỏi (vì Vũ chưa qua một trường lớp đào tạo nào, không có bằng cấp gì, nên chỉ được xếp lương ở mức tối thiểu). Nhưng Vũ vẫn say sưa với vị trí công tác của mình. Sẵn có chút ít vốn hiểu biết về sân khấu, lại thông minh, nhanh nhạy và được sự giúp đỡ của cha, Vũ thích nghi rất nhanh với môi trường mới. Một số bài viết về sân khấu và nhất là hàng loạt những bài chân dung diễn viên do Vũ viết, đã thu hút được sự chú ý của những người quan tâm đến sân khấu. Bài viết đầu tiên về sân khấu của Vũ là bài viết về nghệ sĩ Tám Danh, do tạp chí sân khấu số một in. Bài viết có những nhận xét sắc sảo, tinh tế của một người biết thưởng thức và yêu sân khấu. Có những bài chân dung diễn viên Vũ viết như người sáng tác truyện ngắn. Tiêu biểu là những bài viết về nghệ sĩ kịch nói Chu

Quý, nghệ sĩ chèo Diễm Lộc v.v... Cuối năm 1979, cuốn *Diễn viên sân khấu* của Lưu Quang Vũ (in chung với Xuân Quỳnh và Vương Trí Nhàn) được xuất bản, gồm những bài viết về một số diễn viên của nền sân khấu Việt Nam. Thấy con trai đã từng thử bút trong nhiều lĩnh vực văn chương và tỏ ra ít nhiều có năng khiếu, nhà tôi những muốn định hướng cho Vũ nghiêng về sân khấu. Mặc dù từ kinh nghiệm bản thân mình và bao bạn bè cùng lứa, anh biết đây là con đường lắm chông gai, nhiều khi phải trả giá bằng cả cuộc đời mình.

Năm 1979, được sự gợi ý và giúp đỡ của đạo diễn Phạm Thị Thành, Vũ đã hoàn thành kịch bản dài đầu tay *Sống mãi tuổi 17*, dựa trên kịch bản cũ của Đào Duy Kỳ. vở diễn này được Nhà hát Tuổi trẻ dàn dựng, tham gia Hội diễn sân khấu toàn quốc năm 1980, được nhận Huy chương vàng. Thành công bước đầu của Vũ khiến nhà tôi rất phấn khởi. Trước kia bao lần Vũ theo cha đến rạp xem tập vở của cha. Bây giờ ngược lại, cha đến xem tập vở của con. Khi tổng duyệt vở *Sống mãi tuổi 17* nhà tôi còn cao hứng hơn cả lúc vở của mình ra mắt khán giả lần đầu tiên. Một điều nữa khiến anh thích thú là vì trong vở có đủ mặt các lớp diễn viên. Từ chị Song Kim lúc đó đã nghỉ hưu, đến anh Vĩnh Phúc, chị Thùy Chi, rồi Tụê Minh, Lê Chức, Tú Mai, Lê Hùng và cả những diễn viên đang còn là học sinh như Đức Hải, Chí Trung. Trong đó có những người như chị Song Kim, chị Thùy Chi trước kia đã từng

có lúc bế Vũ trên tay. Nhà tôi quan tâm, để ý đến những hoạt động của Vũ trên kịch trường với tất cả niềm vui và nỗi lo lắng. Anh như trẻ lại khi được chia sẻ với con những buồn vui của người sáng tạo nghệ thuật. Nhưng cuộc đời thật éo le. Nhà tôi không còn được sống để chứng kiến những bước đi phi thường của Vũ trong mấy năm sau. Cái chết đột ngột đã cắt đứt đời anh ở tuổi sáu mươi. Nhà tôi mất ngày 21-2-1981, đúng giờ mở màn, khi anh đang xem kịch ở Nhà hát lớn thành phố Hà Nội cùng với tôi. Lúc đó, Vũ, Quỳnh cũng đang làm việc tại nhà anh Dương Ngọc Đức ở ngay phía sau nhà hát. Cây đại thụ của gia đình đã nằm xuống. Mấy mẹ con tôi như hụt hẫng vì sự ra đi quá bất ngờ của anh. Ngoài nỗi tiếc thương vì sự mất mát một người chồng, một người cha, mấy mẹ con tôi còn mang nặng nỗi xót xa khi nhìn lại cuộc đời anh có nhiều thiệt thòi quá. Suốt một đời cầm bút như nhà tôi không được hưởng một sự ưu đãi nào dành cho văn nghệ sĩ. Ngay cả quyền lợi tối thiểu của một cán bộ đi làm nhà nước là mấy năm lên một bậc lương cũng không có. Hai mươi ba năm nhà tôi không được lên một bậc lương. Vốn là người tự trọng, không ham vật chất, nên anh không có ý kiến thắc mắc gì. Lúc mất đi, trong túi áo nhà tôi chỉ có mấy hào lẻ và một tấm vé đá bóng chưa kịp xem. Sau ngày an táng cha, các con tôi sắp xếp thu dọn những thứ còn để lại: một ít quần áo, sách vở và một chồng bản thảo, phần lớn còn dở dang. Là

con trai lớn trong gia đình, lại theo đuổi nghiệp văn chương, hơn ai hết, Vũ thấu hiểu nỗi lòng của cha. Hiểu những buồn, vui, khao khát, hiểu cả những nỗi đắng cay mà cha mình đã âm thầm chịu đựng. Ngày đi học, Vũ rất thích và ghi vào sổ tay một câu nói của Muxtxê, thi sĩ Pháp: "Không có gì làm cho ta lớn bằng một nỗi đau khổ lớn, những tiếng hát tuyệt vọng là những tiếng hát tuyệt vời nhất". Bây giờ cũng vậy, dường như cái chết đột ngột của nhà tôi đã tạo nên ở Vũ một quyết tâm cao hơn. Vũ nói với các em: "Lúc nào bố cũng mong mỗi chúng ta trở thành người tốt và có ích. Bây giờ bố không còn nữa, mấy anh em mình càng phải cố gắng nhiều hơn để không phụ lòng bố. Chúng ta phải hết sức thương yêu nhau, phải học tập và làm việc cho tốt để xứng đáng là con của bố mẹ". Cách sống mạnh mẽ, trong sạch và đầy tình cảm của nhà tôi đã có ảnh hưởng đến các con. Khi nhà tôi mất đi, ngoài Vũ và em thứ hai đã có nghề nghiệp ổn định, tôi còn bốn con đang đi học: con trai thứ ba, sau ba năm đi bộ đội về đang học ở trường Đại học giao thông, con gái thứ tư đang học Đại học tổng hợp và hai con trai thứ năm, thứ sáu đang học phổ thông trung học. Vũ là người anh lớn, thay cha bảo ban các em. Sự làm việc đêm ngày và khối lượng công việc đồ sộ của Vũ đã trở thành tấm gương và niềm tự hào cho cả gia đình.

Một thời gian ngắn khi cha mất, Vũ hoàn thành kịch bản *Nàng Sita*. Nhà tôi vốn rất tâm đắc với

câu chuyện cổ tích Campuchia này, và từ lâu đã có ý định viết thành kịch bản sân khấu. Nhưng cái chết bất ngờ đã không kịp cho anh thực hiện mong ước của mình. Khi anh mất đi, kịch bản *Nàng Sita* vẫn còn đang viết dở, với trang gạch xóa nhằng nhịt. Viết xong kịch bản còn bỏ dở của cha với một tốc độ nhanh chóng lạ thường, Vũ đã báo hiếu cha một cách xứng đáng. *Nàng Sita* đã trở thành tiết mục được khán giả yêu thích của trên một chục đoàn nghệ thuật từ Nam ra Bắc. Đà làm việc của Vũ ngày càng phát triển. Năm nào Vũ cũng có sáu, bảy vở được dàn dựng. Có những thời điểm mà trong một đêm có hàng chục vở của Vũ được công diễn. Nhà văn Nguyễn Khải có lần đã nói: "ở Sài Gòn dịp này đi ngã nào cũng đụng phải kịch của Lưu Quang Vũ". Thành công của Vũ đã phần nào làm dịu đi trong tôi nỗi đớn đau của sự mất mát. Tôi cảm thấy được an ủi rất nhiều vì Vũ đã thực hiện được niềm mơ ước của cha. Vũ đã đi một cách vững vàng trên con đường chông gai ấy và đã thu được những kết quả không ngờ. Phần tôi, tôi cảm thấy mình là người mẹ thật hạnh phúc, thật sung sướng vì có một người con như thế. Mỗi khi xem kịch của con về, tôi lại thấy thương nhà tôi. Anh không được sống đến ngày nhìn thấy tài năng của con phát lộ rực rỡ nhất. Đặc biệt là qua đợt hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc năm 1985, Vũ có tám vở tham dự thì sáu vở đạt huy chương vàng, hai vở đạt huy chương bạc. Càng về sau này

các vở của Vũ càng tỏ ra nhuần nhuyễn "đến độ" hơn. Đánh giá các tác phẩm của Vũ là công việc của những nhà nghiên cứu phê bình. Tôi không muốn nói nhiều về việc này. Với tư cách là một người mẹ, tôi rất tự hào về con mình.

Ngoài đời, Vũ là một người khá nổi danh. Bà con ở khu phố gia đình tôi sống đều biết Vũ, đều đã từng xem kịch của Vũ trên tivi, trên sân khấu. Nhiều người khi biết tôi là mẹ Vũ đều bảo: "Bà hạnh phúc quá, sinh ra một người con thật tài giỏi. Trông anh ấy hiền thế, trẻ thế mà lại viết được nhiều kịch hay". Có lúc tôi đang đi chợ cũng có người gọi lại để báo tin: "Hôm nay trên báo có anh con bác chụp với đồng chí Nguyễn Văn Linh". Mỗi khi Vũ bước vào một hàng quán nào quanh nhà đều có những tiếng xì xào: "Lưu Quang Vũ, Lưu Quang Vũ đấy!".

Trong gia đình, Vũ là một người con hiếu thảo, thương yêu mẹ và các em, các cháu. Khi có vở mới ra đời, bao giờ Vũ cũng mời mẹ đi xem hôm tổng duyệt. Vũ hay đứng ở một góc sân khấu nhìn xuống hàng ghế khán giả và khẽ gật đầu cười với tôi. Thường mỗi lúc diễn vở mới của Vũ, cả nhà tôi đều náo nức đi xem ngay từ hôm chạy suốt vở lần đầu. Thế rồi tới hôm đó, tất cả lại ngồi bàn tán đến khuya. Mỗi người một ý kiến nhận xét về vở diễn vừa xem. Căn phòng nhỏ của tôi như đang diễn ra một cuộc họp báo thực sự. Vũ chiều tôi lắm, lúc nào cũng muốn làm vui lòng mẹ. Vũ thường nói với

các em: "Cả nước này chỉ có mình mẹ là dám mắng anh Vũ. Mình đã viết được bao nhiêu vở kịch, diễn cho hàng chục triệu người xem mà mẹ vẫn cứ dạy dỗ từng tý một". Ngay cả khi tôi có ý trách móc, phê bình gì thì Vũ cũng im lặng ngồi nghe, hoặc nhỏ nhẹ nói lại bằng những câu đùa rất hóm hỉnh. Vũ không bao giờ nói nặng lời với ai. Ngay cả đối với kẻ mà Vũ biết là đầy ác ý, định làm hại mình, Vũ cũng đối xử một cách tử tế.

Tính cách của Quỳnh và Vũ khác hẳn nhau, gần như trái ngược. Thế nhưng cặp vợ chồng ấy sống với nhau rất đầm ấm, hạnh phúc. Và điều quan trọng hơn cả là sống bên nhau, cả hai người đều làm được nhiều việc, luôn luôn cảm thấy cần thiết và có ích cho nhau. Tình yêu của Vũ và Quỳnh suốt mười lăm năm qua không phai nhạt mà theo thời gian cứ được nhân lên mãi. Tôi chưa từng thấy một người phụ nữ nào yêu chồng và chiều chồng như Xuân Quỳnh. Yêu đến đam mê, đến quên cả bản thân mình. Hàng bao nhiêu bài thơ tình Quỳnh đã viết cũng chưa nói được hết tình yêu và nỗi đam mê ấy. Mỗi khi phải đi xa Vũ, Quỳnh đã viết cho nhau những bức thư thật nồng nàn, tha thiết. Lăn trong đồng bản thảo còn để lại, có nhiều bức thư như vậy. Thư Quỳnh viết khi Vũ đi công tác ở thành phố Hồ Chí Minh:

"Cuộc sống ngắn ngủi, con người chỉ đi qua cuộc đời như một vệt sáng rồi biến mất, vĩnh viễn. Sống với nhau mười hai năm qua là ngắn ngủi quá, dù

có vài chục năm nữa ở bên nhau chẳng là dài... Em mong và sẽ cố gắng sao cho những năm sống của chúng ta vui và đỡ nhọc nhằn hơn"...

"Anh nhớ thương

Có thể anh không mong thư em, em vẫn viết cho anh. Vì trước tiên là nhu cầu của em, em muốn được trò chuyện với anh.

Anh mới đi có hai ngày mà em buồn quá. Con và em lại ốm. Hôm nay con đã ăn được tý cơm, em đã đỡ lo. Trời nóng, nhọc mệt nhiều. Chỉ muốn ở bên anh cho đỡ khổ.

...Em thương anh nhiều lắm. Anh vất vả chẳng có phút nghỉ ngơi. Làm sao mà đỡ dần sự nhọc nhằn được cho anh.

Nhớ giữ gìn sức khỏe và tình yêu của anh cho em và cho các con. Đừng ở lâu Sài Gòn. Em và các con mong anh lắm.

**Em đây.
Quỳnh**

PHONG CẢNH MUỖI BẦY

(*Thơ Xuân Quỳnh*)^(*)

NGUYỄN QUÂN

Tôi biết anh Vũ và chị Quỳnh từ năm 1971. Song lần đầu tiên tôi được đến thăm căn phòng hẹp của họ ở phố Huế là dịp giao thừa 1973, nói chuyện chơi về văn thơ nhân nhắc tới một bạn làm thơ quen của cả mọi người. Một người "phê" anh ta là quá tròn trịa ý nói ít gai góc, chịu cho người ta xén tĩa để trưng làm cảnh trên hoạn lộ, cốt vừa lòng mọi bên, lẩn lộn mọi cửa. Lưu Quang Vũ cười bảo: "Có loại cây tự nó mọc tròn chả cần ai tĩa gọt cả". Tôi hầu như không nói chuyện học thuật với anh bao giờ, cũng ít đi xem kịch của anh, cả khi anh đã "tràn ngập lãnh thổ" với hàng chục vở. Chị Xuân Quỳnh bảo tôi: "Kịch của ông Vũ chỉ là một phần, ông ấy viết truyện ngắn được lắm". Sau tôi đọc tập truyện ngắn của anh rồi thì chị lại bảo: "Thơ mới là cái hay nhất của chồng mình. Tôi tin theo lời chị vì chị ngay từ đầu là

(*) Thơ trích trong bài theo tập *thơ Xuân Quỳnh* Nxb Tác phẩm mới 1989.

người chiến đấu quyết liệt cho hạnh phúc gia đình và sự nghiệp của chồng. Phía trong con người có cái gì rất mỏng mềm, rất dễ bị tổn thương và chỉ phải bảo vệ nó như là một thứ bản năng thuần sinh học. Lưu Quang Vũ cùng tuổi với tôi và anh cũng chẳng bao giờ nói chuyện với tôi về hội họa tuy thỉnh thoảng có tạt qua xem tranh tôi, mà cũng là nhân đến thăm ông Bùi Xuân Phái, người anh rất kính nể và từng có lúc ý định theo học vẽ. Niềm say mê vẽ vẽ sau này được cả anh chị dồn vào cho cháu Quỳnh Thơ. Có lúc thấy cháu miệt mài vẽ ở góc phòng và bố mẹ cháu thì sung sướng hoan hỷ, ca ngợi tranh của con mà tôi thấy vui lây. Anh Vũ chỉ công nhận một điều tôi và anh giống nhau là đều "phải" làm việc rất trâu bò, hùng hục. Anh Vũ giỏi nhận xét, tưởng là bốc đồng hay hơi hợm nhưng lại rất trúng, rất đúng, nhất là về tính cách và bản chất bạn bè... có lẽ thế nên anh giỏi viết kịch. Dù chẳng mê xem kịch anh nhưng chính anh lại làm cho tôi thành người quen thân với sân khấu và *Tạp chí sân khấu* đến tận bây giờ. Dù anh chẳng xem và bình phẩm gì tranh của tôi nhưng anh là một trong những người đầu tiên ở Hà Nội tin rằng tôi "vẽ được" và đó cũng là điều tôi phải biết ơn ở những người bạn thực sự. Có lần tôi tới chơi, chị Xuân Quỳnh bảo: "Ông cứ lên đi, tôi phải đi mua hoa hồng bạch". Rồi sau đó, chị cười tíu và kể về một ông bạn già, gầy còm "ế vợ" và nhất quyết mê tài tử dạy sư tử ở đoàn xiếc trung ương.

Để chinh phục người đẹp anh này đã có lúc lao vào chuồng sư tử và bị cánh bảo vệ riêng cho một trận. Sau đó, trước khi đại bại trong cuộc tỏ tình, anh ta còn tìm cách cuối ngựa cho "nàng" mục sở thị lòng dũng cảm và mối tình bốc lửa của mình. Xuân Quỳnh cũng rất giỏi nhận xét và nói rất hình tượng. Về một người thì chị bảo là loại "trâu luộc cả con", người khác chị gọi là "chó lai Tây" - người khác thì là "chuột ngày", người khác thì "rửa tay vôi nước này rồi sang tráng lại ở vôi nước kia" về một dịch giả và nhà thơ trẻ thì chị phê "anh ta còn đang tập nói cho đúng ngữ pháp!"... Tuy nhiên chị hầu như chỉ đánh giá chứ không miệt thị hay khinh ghét gì ai.

Có lần thấy tập thơ mới của chị tôi bảo: "Bà Quỳnh ạ, tôi cứ nói đùa, nói khoác cho oai thế thôi, chứ tôi yêu thơ thật đấy". Và Xuân Quỳnh bảo: "Tôi đã có tập thơ mới để sẵn tặng ông đấy". Về đùa rồn, bất cần, khinh mạn ở anh chị Quỳnh - Vũ chỉ là bề ngoài nhưng ít ai trong lứa tuổi đó mà tôi biết có thái độ trân trọng và sự nghiêm trang về văn hóa như anh chị Quỳnh - Vũ. Sau này nhiều người cùng thế hệ đó biến tướng đi, sa sút đi... một phần căn bản là do thiếu sự nghiêm trang về văn hóa đó. Về kịch của Lưu Quang Vũ tôi chỉ có một ý kiến là: thành công của anh ở chỗ làm cho sân khấu - vở diễn - trở lại là một thực thể biểu diễn. Để người xem được xem được buồn vui với sân khấu trong khi vẫn biết tổng đó chỉ là giả vờ! Chứ

không phải kịch là để đọc, để nghe hay để nghĩ
suông. Còn về thơ Xuân Quỳnh thì tôi vốn quý và
thích - nên nhân một năm ngày mất của anh chị
tôi đã có viết bài ngắn sau đây. Song cái tên bài
phong cảnh mười bảy cùng đúng cho cả cặp vợ
chồng văn nghệ trẻ nhất ở ta là Xuân Quỳnh
và Lưu Quang Vũ.

"*Chồi biếc*" nhỏ xanh, mạnh mẽ chiếm chỗ và
"*Hoa cỏ may*" dâng khắp nẻo, tan biến, hầu như
không màu, nhòa vào không gian đã mở đầu và tới
cuối phong cảnh thơ của Xuân Quỳnh. Nhân đọc
tập thơ cuối của tác giả, *Hoa cỏ may*, tôi xin thử
ghi lấy đôi điều về mô típ và phong cách trong cái
phong cảnh ấy để xem rõ hơn cái kết cấu tiền ngôn
ngữ, điều góp phần làm nên vẻ đẹp thơ, làm người
đọc thuộc nhớ, chịu xúc tác tâm tình và nghĩ ngợi
bởi thơ Xuân Quỳnh. Trong hai mươi bài, in thành
ba bảy trang ta thường gặp nhất là: màu, cây,
rừng, gió, trăng, nắng, mùa, nước, mưa, sấm, bài
hát, bài ca, vòm lá, trời biếc, con đò, cọ, lửa, con
chim, mùa thu, quả, vườn, núi, đường, hồ, lau, hoa
ngâu, điều giấy, chim, cá, thuyền, tường vi, vải
thiếu, ngô, lúa, phượng, sen, hồng, cúc... tất cả
xuất hiện 378 lần, tức gần 20 lần trong một bài,
hơn 10 lần trong một trang. Quá dày đặc và rậm
rối, lại xưa cũ, y như ở thơ xưa, cổ thi, không có gì
thêm vào cho thơ hiện đại cả. Có câu quen như:
Núi cao, rừng rậm, sương dày. Có đến bốn loại hoa
cắm trong ba câu thơ: *Những mùa sen, mùa*

*phượng đã xa, Trên khắp nẻo lại bắt đầu mùa cúc/
Rồi hoa đào lại tươi hồng nõ nức thật là lạ phát.*
Thế mà thơ Xuân Quỳnh lại mới và tươi thật, nhớ
và cảm động thật chứ không bị "nhảm" "nhạt"
"nông" như có ở nhiều người khác. Ở đây Xuân
Quỳnh theo gót Bà Huyện Thanh Quan với thế cũ,
chữ cũ mà mới và đẹp lạ chứ không theo Tú Xương
mang bao nhiêu lỏng chỏng, xấu xí, lủng củng, cầm
nắm hàng ngày thêm vào làm thơ hay. Đi với
những cảnh vật đó là những màu *hồng xanh, biếc,
đỏ, tím, vàng và trắng* làm cho phong cảnh thơ nhẹ
và mát, buồn cũng như vui. Và nhiều màu *không*
màu hòa tan nữa cái cảnh vật trên giúp nó tan
thành một không gian vô biên giới hơn: *tím nhạt,*
màu mưa, màu mây, núi thẳm, màu vô tận trắng,
chín rục (lúa vàng)... Rõ ràng nhà thơ chuyên hội
họa và thích thỏa mãn con mắt, chuyển mọi cảm
giác về thị giác. Lời ru thành *ngọn cỏ, tiếng hát*
màu xanh, kỷ niệm thành màu tím... Chị khác
Hàn Mặc Tử rợn cả da mình vì những cảm giác xúc
tác: "*Sờ sẫm tối*", "*buồn như một tấm nhung*". Lại
thêm một cái không mới nữa, rất lãng mạn - và
biểu hiện là cái từ nhấn mạnh động thái tâm hồn
có khi thái quá, lớn quá và nhiều như: *tim rạo rục,*
gió tràn ngập, hoàng hôn rục cháy, đường vô tận,
nắng gắt, hoa ngọt ngào thắm thiết v.v và v.v. Núi
cao, biển rộng, sông dài, đường xa, ba yếu tố thị
giác trên làm cho Xuân Quỳnh là thơ *hình ảnh thị*
giác loại một ở ta, nhuần nhuyễn, tài khéo nhưng

rất thật vì nhà thơ vì mình, không sợ người khác xem, nhìn mình, không sợ cũ - và vì thế có duyên mà không làm dáng dù ăn mặc đẹp và chăm chút sắc đẹp của mình. Thế nhưng nếu cái phong cảnh mát, tươi, nhẹ mỏng và nữ tính kia không chứa cái khuynh hướng rộng lớn, gay gắt *biểu hiện chủ nghĩa đầy nam tính* thì cũng mất đi hẳn một sắc thái Xuân Quỳnh: Hoa cỏ may li ti, cỏ tàn úa chân dê... vẫn chứa dưới tầng đất sâu những thôi thúc quá mạnh đòi đi tới nữa, đòi bắt đầu yêu, mưa đòi thành sông, sông đòi ra biển, nhựa đòi ra chồi, sóng đòi ào ạt... Một câu thơ rất hay: *Trái tim buồn sau lần áo mỏng* nói rất đúng về cả cái kết cấu thơ lẫn thái độ thơ của chị, thái độ chủ đạo vẫn là: *nỗi đau, nỗi buồn mạnh mẽ ồn ào không giấu nổi*. Người ta thoát thấy Xuân Quỳnh là *nhà thơ nữ của tình yêu, của trẻ thơ của tình cảm mãnh liệt tuổi trẻ, của niềm vui sống...* nhưng ở sau đó, trong khu vực tiền ngôn ngữ là nỗi buồn, nỗi đau lớn và sâu, thường trực và bình thản, xa vắng, từ tại. Chính đó là hạt *nhân đạo và thi sĩ* của thơ Xuân Quỳnh, "*Thơ tình tôi viết cho tôi*"; là sự cô độc tích cực của một nghệ sĩ... ở những câu sau như: *Anh thuộc về những người ngoài cánh cửa / Còn hiện tại với em là nỗi nhớ* hoặc *Một mảnh vườn, một dòng sông / Một người con gái như vầng trăng thu...* chị tới gần cái cô đơn của Hồ Xuân Hương: *Lơ lửng cùng ai đó, hay có tình chi với nước non?* Hơi ồm ờ khi ru chồng, hơi làm dáng khi ru con

hơi đồng đánh cay hăng khi đùa phái mạnh, đùa phái yếu, hoặc khi nghi ngờ thảng thốt: *"Tên mình ai gọi sau vòm lá, khắp nẻo dâng đầy hoa cỏ may / Áo em sơ ý cỏ may găm dầy... Ai biết lòng anh có đổi thay"* khi hỏi mãi: *"Yêu em nhiều không anh?"* hoặc khi khẳng định có vẻ tự tin: *"Thời gian tới, ký ức sẽ phải nhòa"*. Mỗi ngày mặt trời lên - là một ngày tôi lại bắt đầu yêu thì cũng như khi xưa thuyền khẳng định với biển, khi nhà thơ *Tự hát* *"Em trở về đúng nghĩa trái tim em"* hoặc *"Tôi sẵn lòng đem hiến cả đời tôi / Cho cát trắng và gió Lào quạt lửa"* v.v... và v.v... Luôn luôn ta thấy Xuân Quỳnh rất sống động và chân thực bởi một *thái độ thơ ứng xử thơ đa chiều*, không phải là đa nghĩa mà là cái nghĩa ấy, cái ý ấy, cái trí ấy, cái ý kiến nói ra thành lời ấy đa chiều như bất kỳ ý nghĩ và xúc cảm có thực nào. Trong đùa có thật một chút, có giao đãi một chút, có chỉ trích một chút, trong nghi ngờ có tin cậy, có bình thản biết rồi. Trong khẳng định có gợi ý dừng nghĩ như vậy, trong ru có đánh thức để ghi nhớ. Người xưa bảo *"thi tại ngôn ngoại"* mà sao thơ Xuân Quỳnh nhiều chữ, nhiều hình ảnh, nhiều màu sắc, nhiều nhiệt tình, nhiều tài khéo vẫn có cái ở ngoài chữ chính là tại nhờ cái *thái độ thơ ứng xử thơ đa chiều* này. Thơ Xuân Quỳnh không triết lý mà duy cảm hơn, đó cũng chỉ là phần có thực ở vẻ ngoài. Song người ta chỉ nhớ *Thuyền và biển, Lời ru trên mặt đất, Gió Lào cát trắng, Hoa cỏ may, Thời gian trắng...* và rất nhiều

câu thơ của chị vì nó triết lý một cách thi ca chứ không triết lý một cách triết lý dù sâu sắc, uyên bác hay biện luận. Nếu triết lý thơ ca là chuyện cuộc đời, tình yêu, sống chết, thiên nhiên, là khí hậu chuyển vần chứ không phải là thời tiết, (dù giỏi dự báo và mô tả) thì thơ Xuân Quỳnh vào loại triết lý sâu xa nhất của thời chị. Ngày khi ru chồng, nói về con chơi súng giả, ba lô, hét hò rồi nằm mê và bảo: *"Mười năm sau lớn lên rồi / Sẽ quên đi những trò chơi bây giờ"* thơ cũng xúc động vì tính triết lý sâu sắc, báo hiệu về tuổi con người và thời cuộc.

Cuối cùng với những *môtíp, kết cấu và thái độ thơ ca* như trên phải nói Xuân Quỳnh rất giỏi thơ năm tiếng và bảy, tám tiếng mặc dù nhạc điệu không có gì mới lạ: sau đó là thơ *"Mây trắng bay đi cùng với gió / Lòng như trời biếc lúc nguyên sơ / Đứng cay giữ lại bao mùa cũ / Thơ viết đôi dòng theo gió xa"*, *"Sân ga chiều em đi / Mênh mang màu trắng nhạt / Bụi bay đầy ba lô / Bụi cay xè con mắt"* hoặc như *"chị cười: "Quỳnh đừng khóc" / Chị chẳng đi đâu mà / Bây giờ là tháng ba / Tu hú kêu ngoài bãi"* thì cũng như *"Em sẽ kể anh nghe / Chuyện con thuyền và biển"*... Ở thơ Xuân Quỳnh cái cổ điển, cái lãng mạn và biểu hiện hòa vào trong kết cấu *kể chuyện*, đối vai của nhân vật thơ rất sinh động dân gian nên trở nên gần gũi và mộc mạc, không sáo. Trong cái mạch kể tả ấy, *câu, ý, lại không tả*, kể nên đọc xong nhớ lâu, không tâm thương.

Đến đây tôi xin dừng bàn về thơ vì chắc ta còn phải nghĩ nhiều về một hiện tượng bền chắc đã êm đềm trở nên quen với chúng ta đến mức người ta quên đó là một hiện tượng, tức thơ Xuân Quỳnh. Có lần chị "dọa" "*Nếu... không làm thơ nữa*" thì "*Trời xanh xin trả cho vô tận, và trong em không thể còn anh*" song tôi cứ nghĩ Xuân Quỳnh không biết, không thể giải thích tại sao chị phải làm thơ cho khổ, vì như chị viết: "*... nếu không làm thơ nữa / Cuộc sống trở về bình yên*" không phải vì có tài nghệ, chịu học, yêu nghệ thuật, được dìu dắt, gặp thời thế... mà có được thơ. Có được thơ ở Xuân Quỳnh là ở chỗ không hiểu sao chị cứ phải làm thơ cho đến chết. Lúc đó mới hết việc! Và vì thế chúng ta trân trọng Xuân Quỳnh như một nhà thơ, đòi thơ thực và trọn vẹn để lại cho chúng ta một *phong cảnh thơ, phong cảnh tâm hồn* lúc nào cũng trẻ như tuổi mười bảy hay là mười tám... và sự từng trải rất thanh xuân của "*Buổi chiều này sắc sỡ như thêu*"*.

N.Q

* Thơ trích trong bài *Theo tập thơ Xuân Quỳnh*. NXB Tác phẩm mới, 1989.

CUỘC ĐỜI ĐỂ LẠI

VƯƠNG TRÍ NHÀN

"**N**gười ta làm thơ như thế nào?". Đã nhiều lần trong tôi nảy sinh cái câu hỏi có vẻ tò mò như vậy, mà chưa dám hỏi một ai, vì cứ định hỏi là mọi người lại tìm cách lảng. May mà Xuân Quỳnh không lảng tránh, chị luôn thẳng thừng trả lời những thắc mắc của tôi. Một đôi lần bên cạnh bài thơ, chị cho tôi xem những quyển vở mà chị đã ghi chi chút những chữ là chữ.

- Lúc viết những dòng này, tôi như người phát cuồng. Cứ phải ghi bằng hết những ý nghĩ đang ào ào kéo đến trong đầu không cần vắn vèo gì vội. Còn sắp xếp lại, đặt vần, tôi làm sau, việc ấy đơn giản hơn.

Ngừng một lát, dường như để nhớ lại một chuyện gì đấy, Xuân Quỳnh kể thêm:

- Hôm nọ còn có người hỏi tôi có hay thuộc thơ mình không. Quả thật, có khi tôi quên chứ không phải cái gì tôi cũng thích đâu. Nhưng những bài thơ mà tôi thích bao giờ tôi cũng nhớ, nhớ cái tâm trạng nó chi phối mình, khi làm bài thơ ấy...

- Nghĩa là sự làm thơ ăn ở những xúc động?

- Người khác thế nào, tôi không biết. Với lại, ông còn lạ gì những xúc động ầm ương của những nhân vật ầm đầu, khi viết tưởng xúc động lắm, mà bài thơ vẫn nhạt như nước ốc. Nhưng đúng là trong tôi, lúc viết, như bị ám ảnh, phải viết ra bằng được mới thôi. Còn hình thức bốn chữ hay tám chữ, chuyện ấy sẽ đến sau. Làm thơ mà có mỗi cái vắn bất không xong, thì còn tính chuyện viết lách làm quái gì nữa.

Nói đến đây, Xuân Quỳnh cười xòa, bảo tôi cất các thứ tài liệu chị cho mượn vào túi, rồi lảng sang chuyện khác.

*

* *

Thời xưa, tương truyền có những nhà thơ xuất khẩu thành chương, những người buộc phải làm thơ trong một thời hạn nào đó, và danh bất hư truyền, viết bao giờ cũng đạt.

Gạt đi lối bắt vắn ép chữ gò gẫm kiểu mấy chàng hay chữ làm thơ con cóc, thì đúng là có những người sinh ra để làm thơ, và các bài thơ được hình thành một cách xuất thần, nghĩa là thật dễ dàng, như có ai ốp đồng vào tay vậy. Kiểu như thơ Hồ Xuân Hương:

- *Khéo khéo đi đâu lữ ngân nga*

- *Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông*

Thơ Tú Xương:

- *Sông kia rày đã nên đồng...*

Ở đây tôi không dám nói trong những người làm thơ hiện nay, ai sẽ còn lại với văn học, sáng tác của ai có giá trị lâu dài. Nhưng nếu như cần nêu lên một người hình như rất gần với thơ, sinh ra để làm thơ thì người đó là Xuân Quỳnh.

Nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Mạnh có lần bảo riêng với tôi:

"Thơ Xuân Quỳnh tự nhiên, như đã gọi là phụ nữ thì phải sinh con đẻ cái vậy".

Sau khi đọc xong bài *Sóng*, đăng trên báo *Văn nghệ* đầu 1968, nhà thơ Vũ Cao cũng có tâm sự, đúng kiểu đồng nghiệp văn nhìn nhau:

- Bài này Quỳnh nó viết bộp thật. Nghĩa là đọc xong, tự nhiên mình cũng có ý nghĩ là phải viết, viết một cái gì đó cho ra trò một chút, cho nó phải nề.

Những ý kiến tương tự như thế - khen thơ Xuân Quỳnh dễ đọc, khen thơ làm tự nhiên mà thuyết phục - khá nhiều.

Thì ra, bên cạnh việc nhắc nhở nhau lao động kiên nhẫn, bền bỉ, chúng ta còn thống nhất ở một điểm nữa: vẻ đẹp cao quý nhất trong văn học phải là vẻ đẹp tự nhiên. Nó không có quyền mang dấu ấn những gằng gỏi gò gẫm nơi tác giả, dù khi viết, tác giả đã phải lao tâm khổ tứ rất nhiều. Nhà văn phải làm chủ cảm hứng của mình, phải biết "thai

ngén", chuẩn bị, lại phải mau mắn thông minh khi "sinh nở". Nhiều người thành công cho biết càng kéo dài thời gian viết, tác phẩm càng dễ nhạt.

*

* *

Trong cơn say sưa bộc bạch, một nữ văn sĩ từng tự nhận:

"Nếu còn tin tưởng ở Thượng đế, tôi sẽ cảm ơn Người đã ban cho tôi một cuộc sống gồm có những nhịp lăm lờ, cộng thêm với một chút hơi nhiều lý trí, cộng thêm với một chút hơi nhiều lòng tham vọng và ý chí ngạo mạn".

Tuy ở một phương trời khác, nhưng Xuân Quỳnh có thể hoàn toàn chia sẻ với những tâm sự kiểu đó. Giữa đám bạn bè cùng nghề chị thường tự nhủ: "Đối với người sáng tác, không gì sợ bằng sự nghèo nàn. Nghèo trong cảm xúc nhận xét thì không thể tha thứ được". Nhưng có lẽ điều đáng lưu ý hơn là độ căng và khả năng luôn luôn thay đổi đột ngột của xúc cảm. Trong đời sống hàng ngày cũng như trong sáng tác người thi sĩ này không chịu được cái gì trung bình nhợt nhạt. Yêu hay ghét, đều phải hết lòng. Thà thái quá còn hơn bất cập. Và bởi lẽ xúc cảm là cụ thể, là của từng giây phút một, nên chúng thường xuyên thay đổi trạng thái. Một người như Bằng Việt đã diễn tả rất hay lối cảm xúc đó của tác giả *Gió Lào cát trắng*. Bài thơ *Người cùng đi đường* chỉ có cái phụ đề "gửi

một người làm thơ cùng lứa tuổi", nhưng ai đọc cũng có thể đoán ngay là để tặng Xuân Quỳnh:

*Lại con đường đỏ rực dưới cây xanh
Đi như lao, như lửa cháy trong mình
Nhịp thơ bạn bỗng bồi hồi mạch đập
Những sườn dốc: rồi những vòng cua gấp
Bằng trong đời, như bạn đã từng quen*

...

*Vẫn đó - Gió Lào cát trắng trong thơ
Những thương nguồn sông, buồn vui bất chợt
Như lòng bạn, lũ trào dâng đột ngột
Cuốn mình đi, đắp những bãi bờ xa.*

Về phần mình, tôi nhớ những ứng xử của Xuân Quỳnh trong đời sống hàng ngày, nét mặt bồn chồn của chị khi chờ gặp một người này, khi mong được tham gia một chuyến đi kia, hoặc nổi sung sướng và thái độ trân trọng, quý hóa, khi được cầm trên tay một cuốn sách mà từ lâu đã nghe tiếng. Có thể nói đây là những lúc con người ấy biết sống hết từng phút giây một! Sự thiếu nhẫn nại toát ra ở cái run rẩy của giọng nói. Vẻ sốt sắng hiện lên trên nét mặt. Tham lam quá đi, mà sự tham lam ở đây lại lộ liễu quá đi - người ta có thể nhận thấy như thế, và chính Xuân Quỳnh cũng đã cảm thấy như thế. Nhưng bởi lẽ, nổi ham muốn đã lên đến cực độ, lại hiểu rằng, vì thơ, vì sáng tác, sự ham muốn của mình là không vụ lợi (nghĩa là người ta cũng dễ tha thứ) nên Xuân Quỳnh vẫn sống vậy,

xúc cảm vậy. Một lối xúc cảm luôn luôn mang lại những sung sướng, và đau khổ hơn người! Câu chuyện sau mới xảy ra cách đây ít lâu: Xuân Quỳnh có một người chị là Đông Mai hiện đang dạy học ở thành phố Hồ Chí Minh. Một lần, có một người bạn của Xuân Quỳnh từ Hà Nội tới thăm chị Mai.

- Thế nào cậu, dạo này ngoài đó, Quỳnh nó sống thế nào? Vui hay buồn?

Người bạn kia ngẫm nghĩ một lúc rồi trả lời:

- Em gái chị là một người đặc biệt, nên vui cũng vui hơn người khác mà buồn cũng buồn hơn người khác, làm sao trả lời cho rành được.

Khi nghe kể lại như vậy, Xuân Quỳnh chỉ cười, không phản đối. Chắc trong thâm tâm Quỳnh nghĩ "Đúng là giới đây mình nhưng có thể mình mới viết được".

*

* * *

Một phương diện khác, làm nên cái chất nhà thơ ở Xuân Quỳnh là sự thành thực, thành thực như một nhu cầu mỗi khi sáng tác; tức cũng là mối quan hệ ràng rịt giữa thơ làm ra và cuộc sống hàng ngày của nhà thơ.

Chẳng hạn, chúng ta đều biết với thơ, những địa danh (tên một con sông, một dãy núi), vốn không phải là một cái gì quan trọng. Trong một bài thơ tình, xã Bảo Ninh hay xã Quang Phú, núi Cánh Diều hay núi Mây Bay thì cũng thế. Không thiếu

gì người, không đến biên giới bao giờ vẫn sẵn sàng để dưới bài thơ phục vụ kịp thời của mình mấy chữ "Biên giới Tây Nam ngày..." cốt để đăng báo. Một hành động như vậy, Xuân Quỳnh coi là gian manh, không thể chấp nhận được. Những người có dịp quen biết riêng tác giả *Gió Lào cát trắng* đều biết chị có thói quen diễn tả tâm trạng của mình qua thơ đúng đến từng khía cạnh tưởng là nhỏ nhặt. Mỗi bài thơ ra đời, đều có cái lý lịch cụ thể của nó, và nếu chấp các bài thơ đó lại, người ta có thể có cả cuộc đời Quỳnh. Đấy không phải là một sự khoe khoang hay lấu cá nào hết. Xuân Quỳnh buộc phải viết vậy, vì trong những trường hợp đó, chị đã nghĩ bằng thơ, sống bằng thơ, dùng thơ để tự hiểu mình và giúp mọi người hiểu mình. Lúc làm xong bài thơ cũng là lúc nhà thơ thấy lòng vui đi ít nhiều, vì những dòng chữ kia như biết chia sẻ với tác giả của nó, cả những vui sướng cực độ, lẫn những đau đớn đến xé ruột xé lòng.

Lúc cao hứng lên, Xuân Quỳnh tự hào:

- Nói được niềm vui nỗi khổ của chính mình, tôi cảm thấy có cái sung sướng không mấy ai có! Như người khác không được yêu, mà mình được yêu. Như người khác chỉ biết im lặng mà mình biết nói, và nói lên được thành tiếng.

Những lúc vất vả quá - vất vả với nghĩa đau khổ dần vất về mặt tinh thần - Xuân Quỳnh lại quay ra mát mẻ.

- Thỉnh thoảng có người thấy mình khổ quá, mà vẫn làm được thơ, tỏ ý an ủi "Bà cứ ráng chịu, rồi chắc có thơ hay", tôi đã trả lời thẳng thừng: "Tôi sẵn sàng từ bỏ hết những bài thơ kia đi, miễn là tôi khỏi khổ!".

Chẳng phải dần dỗi gì đâu, ở chỗ này nữa, Xuân Quỳnh cũng rất thành thực. Người ta thường nói trong những người viết văn y như mãi mãi còn một đứa trẻ con, bỏ ngõ trước việc đời. Trong Xuân Quỳnh cũng có một đứa trẻ con ấy, đôn hậu, cởi mở, nhưng cũng ngộ nghĩnh, ham hố, liều lĩnh, đặc biệt là rất cảm tính trong nhận xét và đối xử. Cũng vì thế, đã bao lần con người đó trải qua những thay đổi rất đau khổ. Đọc thơ của chị nhất là thơ tình một hồi, chúng ta thấy những khát khao của một người "yêu rất nhiều mà nhận lại chẳng bao nhiêu"⁽¹⁾. Đơn độc đi trong cuộc đời, và lúc nào cũng cảm thấy phía trước là bất hạnh, là bão tố. Ngay trong thời gian sống hạnh phúc nhất, con người đó vẫn cảm thấy là phải biết giữ gìn, phải mau tận hưởng, nếu không, nó sẽ qua đi rất nhanh. Cuộc sống vì thế bao giờ cũng căng lên như những sợi dây đàn, người ngoài nhìn vào thấy sợ hãi thay cho người trong cuộc, nhưng lại hiểu rằng đó là cội nguồn của sáng tạo.

*

* *

⁽¹⁾ Thơ Xuân Diệu.

Từ khi cho in những bài thơ đầu tiên, cho tới giữa năm 1988, sửa soạn in tập thơ cuối cùng, Xuân Quỳnh đã có một chặng đường thơ khoảng một phần tư thế kỷ. Nhìn vào thơ, thấy con đường con người này khá thông thoáng. Cứ đều đều vài ba năm lại có một tập thơ ra đời. Trong khi nhiều người bạn cùng lứa đã bỏ cuộc, nhiều người già đi, cũ đi, tự lập lại mình trong thơ thì trên đại thể thơ Xuân Quỳnh vẫn giữ được cái duyên riêng, và có được cái hơi trẻ trung, tươi tắn. Chẳng những thơ bầu bạn với Xuân Quỳnh, thơ còn nâng cao con người nhà thơ lên. Qua thơ, người ta bắt gặp một Xuân Quỳnh hào phóng, nồng nhiệt, tha thiết với cuộc sống.

Tuy nhiên, không phải là không có lúc, trong thơ đã len vào giai điệu khác.

Đường tắt tắt mà ngày càng xé bóng

Mệt mỗi chẳng hồi người bạn đồng hành

Sự mệt mỏi ấy trước tiên là đến từ phía cuộc sống những lo toan chợ búa, gia đình, chồng con mà càng những năm gần đây, với Xuân Quỳnh càng là một gánh nặng. Nhưng có thể là còn từ phía sáng tác nữa chăng? Tôi nhớ những lần trò chuyện, khi nào nghe tôi kể có đọc thêm được quyển này quyển kia, là y như Xuân Quỳnh có vẻ buồn hẫng đi. Hình như một người nhạy cảm như chị một lúc nào đó, đã mang máng nhận ra rằng trong thơ, mình đã đến cùng trên con đường đã

chọn, mà đi tìm những nẻo lối mới, thì chưa biết ở phương nào. Những đòi hỏi học thêm, đọc thêm, những đòi hỏi từ sự bồi hồi của văn hóa nói chung, đến tuổi này càng thấy bức thiết, mà sức lực đâu được như xưa, thời gian còn lại rất ít. Cái bi hài kịch của những người được một hai cuốn sách đầu đã trở thành nhà thơ nhả văn rồi, thì sống lâu tiêu và vật chẳng còn viết được cái gì nên hồn - cái bi hài kịch ấy, lúc nào cũng có thể đến với mình chẳng? Nếu thế thì buồn, thì mỗi một cũng là điều khó tránh.

Năm ngoái năm kia đây, cùng một số bạn bè khác, thỉnh thoảng tôi lại nghe Xuân Quỳnh thở ra những điều ngán ngấm:

- Đạo này tôi rất chán. Nhà của thì chật chội, nóng nẩy, bận bịu...

Tôi cũng hòa theo:

- Đời sống khổ quá, có lúc tôi phải tự nhủ: Chết đi, cũng chả có gì phải tiếc.

- Tiếc thì không tiếc, nhưng nghĩ có lúc, cuộc sống ngày không có mình nữa cũng buồn.

Đến đó, câu chuyện của chúng tôi chuyển sang một hướng khác. Nhưng ra về, mà tôi cứ vân vân mãi, chẳng lẽ người kêu rằng chán đời, chán làm thơ đó, lại là Xuân Quỳnh? Bởi những tập sách còn kia, giở trang nào ra mà chẳng gặp một con người thêm yêu thêm sống, và một trong những bài thơ

hay nhất của người đó mang tên *Nếu ngày mai em không làm thơ nữa*.

*Và trời xanh xin trả cho vô tận
Trời không xanh trong đáy mắt em xanh
Và trong em không thể còn anh
Nếu ngày mai em không làm thơ nữa.*

Điều gì đã xảy ra với người làm thơ và những người cùng lứa khác? Lâu nay, cứ tưởng mình và bạn bè mình còn trẻ, nay hóa ra ở ngưỡng cửa của tuổi năm mươi rồi, những điều lúc còn trẻ, tưởng là xa lạ, *sự sống, cái chết* là điều phải bàn rồi. Đã đến lúc mình có thể chết rồi chẳng? Hay chết cũng chưa thể là một sự giải thoát đích thực, để chuẩn bị cho một cái chết xứng đáng phải tiếp tục sống nữa, sống mãnh liệt hơn? Chưa kịp bàn thêm với nhau thì Xuân Quỳnh đã nằm xuống rồi, và giờ đây, đối với tôi, chỉ còn có cách tiếp tục tìm câu trả lời ở những dòng thơ người bạn đó đã viết.

Hà Nội, 11-1988
V.T.N

NGÀY CUỐI CÙNG CỦA XUÂN QUỲNH - LƯU QUANG VŨ VÀ CHÁU QUỲNH THƠ^(*)

DOÃN CHÂU

...Gần đây, vẫn có người hỏi tôi đây là tai nạn thật hay là tai nạn giả. Thiên hạ đến là nhiều chuyện! Hay cũng vì yêu mến, nhớ tiếc Vũ - Quỳnh và cháu mà người ta không tin ở tai nạn? Là bạn thân, đồng thời là chứng nhân cuối cùng, tôi thấy cần phải kể lại câu chuyện này. Ấu cũng là một lần để tôi nhắc lại kỷ niệm đau buồn, ám ảnh suốt cuộc đời tôi.

Mùa hè năm 1988. Từ đầu tháng sáu, khi các cơ quan, gia đình, bạn bè đang lục tục chuẩn bị cho kỳ nghỉ mát ở một nơi nào đó, tôi và Vũ bàn nhau kế hoạch đưa cả hai gia đình đi nghỉ. Vũ nói: "Anh em mình kết hợp công việc, được đi nhiều nơi, đến nhiều chỗ. Năm nay, nên quan tâm đến vợ con, nhất là con, hứa với chúng nó nhiều lần mà chưa thực hiện được". Tôi nhất trí ngay. Nhưng rồi, vẫn không dứt ra khỏi công việc. Mãi đến tận đầu

^(*)Trích bài: Niềm bí ẩn của sáng tạo và cái chết.

tháng bảy vẫn chưa thực hiện được dự định. Nhân chuyện tôi và Vũ làm vở *Hai nghìn ngày oan trái* với Đoàn Kịch Hải Phòng, Thành ủy và đoàn kịch có nhã ý mời cả hai gia đình chúng tôi về Đồ Sơn tắm biển và kết hợp đọc vở. Anh Lân ở Đoàn Hải Phòng lên đón mấy lần nhưng chúng tôi bận đi công tác miền Nam nên đành phải lưu lại. Trung tuần tháng bảy, từ Đà Nẵng ra, chúng tôi lại nhận ngay được lời mời của Hải Phòng. Mọi lần, những việc chuẩn bị tôi đều phải lo. Lần này, Vũ chủ động, hăng hái đi thuê ô tô và tổ chức chuyến đi. Chị Quỳnh, nhà tôi và hai cháu vui lắm. Vũ thuê xe của đoàn 12. Cả xe và lái xe đã nhiều lần đi với chúng tôi, gần như quen thuộc. Dự định ngày 16-7 (âm lịch) sẽ khởi hành.

Trước đó một ngày, ngày rằm tháng bảy - ngày xá tội vong nhân, nhà tôi làm cơm mời cả nhà Vũ lên ăn. Bữa cơm vui lắm. Nhưng hôm đó, tôi thấy Quỳnh hơi khang khác. Chị ăn nhanh hơn mọi khi, xong trước cả mọi người. Chị lùi lại, tay chống má, đầu hơi ngả ra sau, vẻ mặt tư lự. Chị nhìn mọi người ăn với ánh mắt đượm buồn. Sau bữa ăn, lúc bàn về hành trình, chị vui hẳn lên. Tính chị chu đáo, cẩn thận. Đã có người mời đi nghỉ mà chị vẫn lo mang theo cả bếp điện, nồi, phin cà phê, đồ ăn, thức uống, tư trang... thôi thì lĩnh ca lĩnh kính đủ thứ.

Chiều 16-7 ta, chúng tôi về đến Đồ Sơn. Nói là đi nghỉ nhưng thực ra chỉ có nhà tôi, chị Quỳnh và hai cháu được thanh thoi, còn tôi và Vũ vẫn phải

bận bịu vì công việc. Ngay đêm đó, khi mọi người đi nghỉ, tôi và Vũ kéo nhau hành lang uống nước chè, hút thuốc lào và trao đổi công việc ngày hôm sau.

Sáng 17, Vũ đọc kịch bản *Hai nghìn ngày oan trái* cho Đoàn kịch Hải Phòng. Công việc diễn ra hết sức suôn sẻ.

Sau bữa cơm chiều, cả hai gia đình kéo nhau ra bờ biển. Nhà tôi và Quỳnh ngồi trên kê đá. Hai cháu nhỏ say sưa ngắm thủy triều lên. Tôi và Vũ lững thững đi dọc bờ biển. Gió từ đại dương thổi vào lồng lộng. Tiếng sóng vỗ bờ mỗi lúc một mạnh, tạo thành những âm thanh kỳ vĩ, đều đều, át cả tiếng náo nhiệt của các quán ăn, quán hàng giải khát. Phía Tây, ánh tà dương đang lịm dần. Những ngọn thông lô xô in lên nền trời đang chuyển dần sang màu tím. Đã lâu lắm, chúng tôi có một đêm thư giãn thế này. Vũ cởi mở hết cho tôi quang đời qua của mình. Cả một quá khứ bị đánh thức. Vốn đồng cảm nên tôi chia sẻ được với Vũ rất nhiều chuyện: chuyện lao lung trong tuổi thanh niên, chuyện lo toan kiếm sống, chuyện dần thân vào con đường nghệ thuật, chuyện thể thái nhân tình... Nhưng có những chuyện mãi mãi là của Vũ, tôi không đủ đồng cảm để xẻ chia. Với những chuyện ấy, tôi chỉ biết thương Vũ, dành cho Vũ những lời an ủi, lời khuyên của một người bạn.

Trời sắp chuyển sang tiết thu. Đêm miền duyên hải se se lạnh. Chúng tôi trở về phòng nghỉ. Hóa

ra, trong lúc Vũ bộc bạch tâm sự với tôi thì Quỳnh cũng bộc bạch tâm sự với vợ tôi. Hai người chắc không sẵn đồng cảm như tôi và Vũ nhưng họ đều là phụ nữ, lại chơi với nhau nên không giấu nhau điều gì. Đường như đó là cái đêm cả Vũ và Quỳnh tự bạch trước biển. Chỉ có hai đứa trẻ là còn vô tư quá.

Sang ngày thứ ba thì Vũ nhớ hẹn làm việc với anh Hoàng Quân Tạo ở Đoàn kịch Hà Nội. Ăn bữa trưa xong, Vũ cứ bồn chồn, đứng ngồi không yên. Vũ giục về luôn, nhưng đã hẹn chờ anh Lân ở Đoàn Hải Phòng để cùng về Hà Nội nên cứ nấn ná mãi. Còn Quỳnh thì rất vui. Chị ăn khỏe và ngon miệng. Dọc đường đến cầu Lai Vu, chúng tôi còn đỗ xe để mua một rổ ổi. Đường như biết chắc là lỡ hẹn với anh Hoàng Quân Tạo, Vũ không còn bồn chồn nữa. Anh xoay sang kể chuyện vui. Hai cháu nhỏ lúc đầu ngồi cạnh nhau. Đến gần cầu Phú Lương, cháu Mi buồn ngủ. Chị Quỳnh đổi chỗ cho cháu nhỏ nhà tôi để giữ cho cháu Mi ngủ. Trong lúc Vũ đang nói chuyện cụ bà đi sinh hoạt tổ dân phố thì... rầm một tiếng, cả chiếc xe nảy tung lên... Khi tôi mở mắt ra thì cảnh tượng thật hãi hùng. Quỳnh và cháu Mi nằm im không nhúc nhích. Vũ chỉ còn khe khẽ thở. Tôi cởi áo may ô gói lên đầu cho Vũ. Vũ thều thào: "Thằng Mi nó đâu rồi?". Đó là câu cuối cùng Vũ còn nói được. Tôi cũng Vũ lên một chiếc xe nhờ chở đến bệnh viện. Đến thị xã Hải Dương thì cảnh sát giao thông ách lại. Nói thế nào họ cũng không cho đi tiếp vì nhíp của xe bị gãy, rất

nguy hiểm. Tôi đánh bể Vũ xuống, vẫy xe khác. Đến bệnh viện Hải Dương, đầu Vũ nghẹo sáng một bên. Máy cô y tá, hộ lý nhìn thấy tôi công Vũ thì hỏi luôn: "Lại đánh nhau hả?". Sau khi nói tên Lưu Quang Vũ bị tai nạn, họ mới nhiệt tình cứu chữa. Nhưng không kịp nữa rồi.

Cho đến giờ, mỗi khi nhớ lại khoảnh khắc ác nghiệt ấy, tôi vẫn cứ tự nghĩ: nếu hôm đó xe xuất phát sớm hơn hoặc muộn hơn một chút liệu tai nạn có xảy ra không? Càng nghĩ, càng nhớ tiếc xót xa, càng thấm thía khoảng trống Vũ, Quỳnh và cháu Mi để lại trong tôi, trong những người thân, trong bạn bè, đồng nghiệp.

Giờ đây, bên cạnh đường 5, nơi Lưu Quang Vũ, Xuân Quỳnh và cháu Mi lâm nạn thảm khốc, mọc lên một nấm đất nhỏ. Cũng xin nói rõ, việc này hoàn toàn không giống với những cái miếu được dựng tại những cung đường xảy ra tai nạn giao thông để ngày rằm, mồng một, các bác tài lái xe khách dừng chân, thắp hương van vái những oan hồn phù hộ độ trì cho các chuyến xe của họ tai qua, nạn khỏi.

Không biết bao giờ người ta mới nghĩ đến việc dựng tượng đài cho những nghệ sĩ có đóng góp lớn cho nghệ thuật.

D.C

Tháng 7 năm 1991 - Hà Nội
Nhà hát kịch Trung ương

THƯƠNG NHỚ XUÂN QUỲNH

NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ

Nhớ mãi lần tôi và Quỳnh gặp nhau. Hôm đó vừa khai giảng lớp viết văn khóa I (1962-1964).

Chúng tôi quen và thân nhau rất nhanh. Quỳnh đến đâu mang niềm vui tiếng cười đến đó. Chúng tôi cùng làm việc ở một cơ quan nên thường đi công tác với nhau. Đi về nông thôn và đến các vùng đang diễn ra các sự kiện chiến sự nóng bỏng: Quảng Bình, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Đến đâu Quỳnh cũng xông xáo, tìm hiểu và phát hiện ra những vấn đề những con người - và sau đó cầm bút viết.

Mồ côi mẹ từ bé, tự lập và tự học, Quỳnh là người sống vì tình yêu. Có những năm tháng Quỳnh sống rất nghèo khổ. Mi - Quỳnh Thơ ra đời giữa những ngày ấy - hôm Vũ đón vợ con từ nhà hộ sinh về, ghé dọc đường mua mấy củ su hào và dầm quả cà chua. ấy thế mà đứa bé vẫn lớn lên. Cùng với sự nghiệp của cha mẹ ngày một lớn lên.

Trong vòng 10 năm trời, Vũ đã viết hơn 50 vở kịch và Quỳnh hơn một chục tập thơ, truyện thiếu

nhì. Nhiều lúc tôi không hiểu họ làm việc vào lúc nào và ở đâu trong cái không gian oi bức luôn ồn ào của phố chợ ấy? "Sách ở trong nhà, người phải ra ngoài" - Quỳnh nói như thế và những đêm mùa nực, Quỳnh cùng con leo lên sân thượng, ngủ ngoài trời.

Cái chết đau thương bi thảm của Xuân Quỳnh - Lưu Quang Vũ và Quỳnh Thơ đã làm mọi người bàng hoàng, đau xót như không tin ở tai mình, cái chết ấy làm đau lòng không chỉ những người thân yêu ruột thịt mà còn cả những người chưa từng quen biết mà chỉ đọc, chỉ xem tác phẩm.

Những ngày cuối cùng của Xuân Quỳnh như có một cái gì không yên. Đó là những ngày Quỳnh ở bệnh viện về. Quỳnh luôn yếu và mệt. Cái bệnh tim tai quái đã hành hạ Quỳnh đã gắng vượt lên nó bằng sự rèn luyện. Một lần Quỳnh đi đến thăm tôi mồ hôi đầm đìa trên trán. Lúc về, tôi định lấy xe chở Quỳnh, Quỳnh từ chối "tao tập đi bộ, tao quyết chiến thắng bệnh tật, tao quyết sống". Quả nhiên sau những ngày điều trị ở bệnh viện và về nhà sức khỏe của Quỳnh đã dần dần khá hơn. Nhưng cứ có những gì đó làm Quỳnh không yên. Quỳnh luôn sốt ruột lo âu trước nhiều công việc sáng tác.

Trong những năm gần đây ngoài làm thơ Xuân Quỳnh còn viết truyện thiếu nhi. Có những truyện đọc mà rưng rưng nước mắt như truyện "Khi vắng bà" đã được dựng thành phim. Những truyện "Bến

tàu trong thành phố", "Ông nội, ông ngoại"... là những truyện ngắn in đậm trong trí nhớ mọi người. Bởi lẽ đó là những truyện Xuân Quỳnh rút từ cuộc sống quen thuộc của mình tạo dựng nên.

Xuân Quỳnh không viết một cách dễ dãi. Đề tài mà chị quan tâm nhiều, đó là những trần trở về tình yêu hạnh phúc.

Trước ngày lên đường đi công tác chị còn đến tòa soạn Tạp chí Tác phẩm văn học đưa mấy bài thơ mới làm. Ai có ngờ đâu đó lại là những bài thơ cuối cùng của chị.

THƯƠNG TIẾC BẠN GÁI XUÂN QUỲNH

PHAN THỊ THANH NHÀN

Ngày ấy, chúng tôi mới hơn 20 tuổi. Năm 1969, khi tôi gửi thơ đến báo Văn Nghệ dự thi, Xuân Quỳnh đã ở ban sơ khảo. Một buổi Quỳnh đến tìm tôi.

- Nhàn có thể được giải nhì đấy.

- Chưa quyết định à?

- Ừ, mới là đề nghị của sơ khảo thôi, còn ban chung khảo nữa. Nhưng ý kiến thống nhất lắm, đừng lo. Và mấy ngày sau, khi Quỳnh mang cho tôi tờ quyết định báo tin chính thức, chúng tôi đã đi lang thang với nhau rất lâu trên các đường phố Thủ đô. Hôm ấy với tôi trời rất đẹp. Quỳnh hiểu điều đó và tâm sự:

- Nhàn được giải nhì lần này thật là mừng, nhưng cũng bắt đầu khổ đấy. Quỳnh làm thơ trước nên biết rõ hơn. Con gái theo đuổi văn chương cực lắm. Người ủng hộ thì ít, kẻ ganh ghét thì nhiều. Rồi còn chồng con, gia đình. Nhưng cũng thật hấp dẫn. Nhàn biết không, cách đây mười năm Quỳnh là diễn viên múa đã tham gia liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới, đi biểu diễn ở 13 nước, vậy mà Quỳnh còn bỏ để sang làm thơ.

Tôi cười:

- Có phải dạo ấy Quỳnh được các bạn quốc tế tặng nhiều hoa nhất trong cuộc thi chọn người đẹp của liên hoan phải không?

- Ừ, dạo đó vui lắm, mình lại mới 16 tuổi.

Quả thật, lúc ấy đã hơn 20, Xuân Quỳnh vẫn rất xinh. Quỳnh có đôi mắt đen láy trong sáng và cái miệng tươi tắn. Mỗi lần gặp Quỳnh, nếu không phải là chuyện tâm tình thì bao giờ chúng tôi cũng tha hồ mà cười vì Quỳnh rất hóm hỉnh và sắc sảo. Quỳnh thường bảo tôi:

- Nhân hiền quá. Có lẽ phải đáo để hơn mới được, phải để cho những đứa ghét mình nó sợ, còn những người mình yêu thì vui.

Quả thật, Quỳnh đã nhiều phen làm cho ai ghét Quỳnh thì phải điên đảo. Còn ai yêu Quỳnh thì không thể nào quên. Đó là một tính cách mãnh liệt sâu sắc.

Cuối năm 1969, trong giai đoạn chiến tranh ác liệt. Quỳnh đi công tác ở Quảng Bình - Vĩnh Linh và hầu như tuần nào cũng viết thư cho tôi. Chữ Quỳnh viết ngoáy rất khó đọc, nhưng tôi đọc đi đọc lại đến thuộc lòng:

... "Mình xuống xã Đồng Thành. Sống thật là cực nhọc. Bốn đêm liên không ngủ được vì rệp và muỗi như trấu. Ăn cơm thường là trộn cát. Từ hôm đi chỉ rửa chân có 2 lần vì rửa xong lại sục ngay vào cát nên cứ là xin miễn. Hy vọng sẽ viết được vì Nhân cũng biết là gian khổ thì rồi thế nào Quỳnh

cũng quen cũng chịu được. Cái chính là ở đây rất nhiều chuyện. Bộ đội ở B ra rất trẻ, chỉ bằng tuổi em mình. Họ sốt rét. Họ ca hát. Họ kể chuyện. Chuyện hành quân trong mưa. Chuyện đói, chuyện đóng quan tài. Và chuyện đánh Mỹ. Đánh Mỹ thật là nhọc nhằn...

Trong một thư khác, Quỳnh viết: "... Ngày chưa có chồng cứ thoáng nghĩ đến ai tao lại chột lo: nếu như mình yêu họ, thì liệu sau một năm mình có còn thấy đáng yêu không? Và ý nghĩ ấy làm tiêu tan cả mọi dự định. Thế đấy. Nhân thường bảo mình có nghị lực nhưng mình biết chính mình là người yếu đuối nhất. Bởi vậy muốn có chút nghị lực như người ta mình phải tập, cũng như bây giờ đang tập đi xa. Chẳng ai bắt cả, nhưng nhất định mình sẽ không về Hà Nội trước tháng 12 -1969 đâu. Nhân hiếu tao không? Phải dần lại nỗi nhớ con, nhớ bạn bè, phải tập từng tý một".

Xuân Quỳnh có ý thức trong việc rèn luyện để chịu đựng, để hy sinh cho mục đích của mình. Sau chuyến đi gian lao đó, Quỳnh cho ra mắt bạn đọc tập thơ "Gió Lào cát trắng", tập thơ theo tôi có sức nặng nhất trong các tập thơ của Xuân Quỳnh. Trong đời thường, bạn bè rất thương Quỳnh vì đức tính tần tảo, chịu thương, chịu khó, hết lòng vì chồng con...

Tháng 9 năm 1987, cùng Xuân Quỳnh và bạn bè sang học ở Mátxcova, tôi đã được thấy Quỳnh hết lòng chăm lo cho từng người thân trong gia đình. Nhỏ thôi, nhưng đó thực sự là tình thương yêu sâu sắc Quỳnh dành cho chị gái, cho chồng, cho con,

cho mẹ chồng, em chồng... Cùng vào cửa hàng bán vải, trước tiên Quỳnh chọn mua mấy mét sẫm màu "để mẹ anh Vũ may bộ đồ". Đi có ba tháng, ba lần Quỳnh gửi nước hoa về cho Vũ "Anh ấy hay tiếp xúc với diễn viên". Rồi âm điện cho chị Đông Mai, phim và giấy ảnh cho Kít "cháu đang học quay phim", quạt máy cho Tuấn Anh, búp bê cho Mi, chảo có nắp cho Thơ, em gái Vũ... Còn ở bản thân Quỳnh tiết kiệm đến mức tôi và Ngọc Tú ở cùng phòng phải ngạc nhiên. Cơm ăn thừa Quỳnh không cho bỏ đi mà bảo phải hấp lại. Mua Crem bôi mặt Quỳnh chọn loại ít tiền nhất, về nhà mới biết là crem bôi chân. Có mấy cái kẹo sôcôla chị Tâm sứ quán mang đến Quỳnh không ăn mà gói để dành cho con... Lúc về Quỳnh nhất định mua kem cho vào phích đá để "bọn trẻ nhà mình biết được mùi kem Mátxcơva". Chúng tôi phải gàn mãi mới thôi.

- Trước khi đi Hải Phòng cuối tháng 8 vừa rồi, Xuân Quỳnh đến tìm tôi báo tin đã được phân nhà ở khu Ngọc Khánh, hẹn là đi về sẽ dọn nhà và mời tôi đến thăm nhà mới. Hôm ấy Quỳnh cũng đến để sửa lại mấy bài thơ vừa gửi báo và chuyển cho tôi ba bài dịch của Tuấn Anh, con trai lớn của Quỳnh. Cháu đã học xong khoa Anh văn trường Đại học ngoại ngữ nhưng với Quỳnh, Tuấn Anh vẫn là bé bỏng, vẫn cần được chăm sóc và giúp đỡ...

Nhưng tai nạn thật bất ngờ đã xảy ra, Xuân Quỳnh và gia đình chưa kịp dọn sang nhà mới.

QUỲNH OI !

NGUYỄN THỊ NHƯ TRANG

Đến bây giờ ngồi nghĩ lại, tôi không thể nhớ mình đã quen biết Xuân Quỳnh từ lúc nào. bởi tuy là bạn văn thơ cùng trang lứa, nhưng khi tôi bắt đầu viết những chuyện ngắn đầu tiên thì Xuân Quỳnh đã có những tập thơ *Chối biếc* và *Hoa dọc chiến hào*, chị đã là tác giả của nhiều bài thơ, nhiều đoạn thơ được bạn đọc trẻ rất mê: *"Sóng bắt đầu từ gió. Gió bắt đầu từ đâu? Em cũng không biết nữa. Khi nào ta yêu nhau!"*

Chỉ biết khi tôi về công tác ở Tạp chí Văn nghệ quân đội, tháng 9 năm 1969, bấy giờ anh Vũ Cao làm chủ nhiệm, thì Xuân Quỳnh luôn có mặt ở nhà số 4 Lý Nam Đế, khi thì chị đến để đưa một bài thơ in báo, lúc tặng cuốn sách mới in, đến để mượn ba lô, mũ giấy đi thực tế, hoặc đơn giản hơn, chỉ là nhân đi qua thì rẽ vào chơi. Chị thường nói: "Tạp chí Văn nghệ quân đội là hội nhà văn thứ hai của bọn em". Về phần chúng tôi, chúng tôi sẵn sàng coi Xuân Quỳnh là một thành viên của nhà số 4, mỗi lần cơ quan mua được dầu đun, lương khô hoặc thịt cá, gặp lúc Xuân Quỳnh đến chơi, chúng tôi

thường chia một phần cho chị, hoặc gọi điện cho Quỳnh đến nhận phần. Mỗi lần chị đến, cả tòa soạn chúng tôi vui hẳn lên vì tiếng cười ròn rất cuốn hút của chị. Thật hiếm có một người đàn bà vừa có tài, có sắc đẹp, lại có trí tuệ sắc sảo như Xuân Quỳnh. Chị là một kho chuyện hài hước về đám bạn bè văn nghệ, và những câu đùa dí dỏm của Quỳnh không chỉ làm người lớn cười vui mà cả mấy đứa con tôi cũng mê tít cô Quỳnh. Mỗi khi cô đến, chúng sẵn sàng đem ra thết cô mấy múi mít đến nắm bóng vừa rang.

Tuy nhiên, phải đến những ngày cùng đi học ngoại ngữ chúng tôi mới thật thân nhau. Lớp học được tổ chức trên gác hai trụ sở Tuần báo văn nghệ. Những buổi trưa hè ngọt ngạt vì oi bức, vì những chuyện tiêu cực tồi tệ ngày mỗi nhiều hơn ở xung quanh. Buổi trưa nào thiếu vắng Xuân Quỳnh là buồn hẳn đi. Chúng tôi đã quen ngồi sát bên nhau thì thầm những chuyện tào lao để phá lên cười cho quên nỗi buồn riêng, cho quên nỗi lo những chuyện ngày thường về giá gạo thịt cứ ngày mỗi leo thang lên mãi. Những chuyện Xuân Quỳnh kể nhiều khi cười ra nước mắt: "Sáng nay em đang xếp hàng mua cá chốt thấy một thằng bé thò tay vào túi. Em quay lại toan tát nó một cái nhưng rồi chốt thấy nó thương quá, túi mình có tiền đâu còn nó thì đã mất công rình".

Trong số những độc giả yêu một bài thơ vững vàng phong phú, nổi bật hẳn trong số những cây

bút thơ nữ đương thời bởi cái vẻ dung dị, nhuần nhuyễn, rất tài hoa và không kém phần sâu sắc của chị đã mấy ai biết rằng, để giữ mình thanh sạch không vướng bận vào những chuyện bon chen của đời thường, người mẹ của ba đứa con trai đang sức lớn và còn rất mải chơi ấy hàng ngày đến cơ quan thường phải đem theo hàng đồng quần áo bẩn của cả gia đình, vừa tranh thủ giặt bên cái máy nước ri ri chảy chị vừa cố dần nén những cơn tức thở do bệnh tim gây ra. Và trong nhiều bữa ăn thiếu hụt của thuở hàn vi ấy, để nhường phần cho chồng và lũ con được ăn thêm, Quỳnh thường tế nhị ăn chậm và tất nhiên chị luôn ăn không đủ no, nhiều đêm thức giấc, chị nghĩ đến thơ để nén cơn đói cồn cào. Cái nếp sống thanh bạch ấy đã để lại trong cuộc đời nhà thơ một thói quen thu vén tận tỵ, ngay cả khi Lưu Quang Vũ đã trở thành nhà viết kịch nổi tiếng, có thu nhập khá. Quỳnh vẫn hết sức tiết kiệm chi dùng cho bản thân. Nhưng dù luôn luôn túng thiếu, người ta ít gặp Xuân Quỳnh dù viết về một con đường ra trận, hay viết về lá cò nơi đầu cầu giới tuyến trong những năm đất nước ngập trong nỗi đau chia cắt cũng là những vần thơ xuất phát từ chữ TÂM mang nặng tình đời. Có lẽ chính vì thế mà thơ Xuân Quỳnh còn mãi trong lòng độc giả bởi nó không chỉ hạn hẹp trong số lượng xuất bản phẩm nhà nước đã ấn hành, nó còn được sao chép lại vô số trong những trang sổ tay của đông đảo chiến sĩ, thanh niên, học sinh và những người yêu thơ Xuân Quỳnh.

Nhưng, dù hoàn cảnh riêng luôn luôn phải chống chọi, phải lo toan nhiều bề, là một người ham hiểu biết, có nghị lực, chị tự học ngoại ngữ, đã đọc thạo, hiểu được những bài thơ tiếng Pháp trong nguyên bản, Xuân Quỳnh cũng rất thích những chuyến đi xa đầy gian truân nhưng thú vị và vô cùng cần thiết đối với người cầm bút. Những đơn vị bộ đội ở dọc Trường Sơn những chiến sĩ giữ cổ thành Quảng Trị năm 1972 và bà con Vĩnh Linh đến bây giờ vẫn còn nhớ chị nhà thơ nhỏ có đôi mắt đen đậm thắm đã đến với họ trong lòng hào sục lỏ vì những trận bom liên tiếp, vì hàng loạt pháo bay từ những chiến hạm Mỹ ở Cửa Việt bắn vào tôi nghe họ kể về việc Xuân Quỳnh đứng trong đường hầm rụt rè đọc thơ cho mọi người nghe, rằng chị thích ăn khoai vùng cát uống với nước chè tươi Vĩnh Linh rồi kể chuyện Hà Nội và chảy nước mắt vì nhớ chồng nhớ con. Xuân Quỳnh đúng là như thế, ở giữa bạn bè chị là người nói nhiều, cười nhiều, cười rất hồn nhiên, nhưng chị rất ngại những cuộc ra mắt trước đám đông, khi ấy chị bỗng trở nên luống cuống mất tự nhiên, giọng nói bỗng thất thanh lạ hẳn. Và *"ở đây thì nhớ đằng kia. ở đằng kia lại nhớ về đây"*. Bởi thế, thường trong những chuyến đi xa nhà như vậy, Xuân Quỳnh đã viết nên những câu thơ về một tình yêu rất xúc động, thiết tha và cháy bỏng đã đi theo chị đến tận cái ngày đau xót ấy.

VÀI KỶ NIỆM

THẠCH QUỲ

- Khi còn ở văn công, bà làm gì bên đó?
- Tôi đóng các vai thị tì, nhảy múa nhí nha nhí nhố!

Kiểu nói Xuân Quỳnh là vậy. Thích "hạ giá thành" chống quan trọng hóa. Đạo ấy chiêm trống đang khá ồn ào về "một ấn tượng văn học mới". Hiện tượng văn học đó đến đọc thơ rồi khóc ở cuộc họp những người viết văn trẻ. Xuân Quỳnh đánh khuỷu tay sang phía tôi, nháy mắt. Đến giờ giải lao Quỳnh phân nản: "Cứ dựng lên những quái thai như vậy, sau này rút lui bằng cách nào?". Tôi nhớ lúc đó tôi nói: "Bằng cách không kèn, không trống chú sao!" Quỳnh thừa đủ linh cảm để nhìn rõ hậu vận của các "hiện tượng văn học mới". Tuy vậy, Quỳnh vẫn dễ bị ngợp trước các câu thơ huy hoàng kiến thức. Một lần Quỳnh khoe: "Ông Bằng vừa có câu thơ cực hay". Tôi hỏi: "Câu nào?" Quỳnh đọc: "Tiếng trống thúc bâng hoàng hai thế kỷ".

Giao thừa năm 1969, Quỳnh viết cho tôi bức thư dài 16 trang. Tết nhất đã làm Quỳnh thêm cô độc "Tôi quần quai, giã giũa suốt đêm không chớp mắt được. Bao nhiêu đêm dài đằng dặc. Có hôm,

tôi đã dậy sờ soạn lục tìm được 12 viên thuốc ngủ"... Đây là những năm tháng khát vọng quấy đảo tâm hồn. Mơ ước trở nên khủng hoảng trước hiện thực. "Không có tình yêu, không có hạnh phúc, không có gì hết". Một mỗi quá, Quỳnh nói thế. Chán nản quá lại an ủi: "May ra có thể tin được vào cái do chính tay mình làm ra". Trái tim nhạy cảm đó luôn làm quẩn quại trái tim mình.

Một lần Quỳnh đưa tôi về ăn cơm. Một bữa cơm kỳ cục.

Nó thế này:

Một đĩa rau muống luộc. Một bát nước rau muống dầm sấu. Một quả trứng chiên, lòng chông mấy cái bát bày giữa nền nhà. Tôi với Quỳnh ngồi đối diện. Khi Quỳnh nâng bát cơm kể miệng, tôi bất giác mỉm cười.

- Ông cười gì thế?

- Không... không có gì.

- Thì ông vừa cười đấy thôi!

- À... tôi cười cái ý nghĩ của mình thôi.

Quỳnh tra gạn cái ý nghĩ đó. Tôi kể: Thuở nhỏ, cạnh nhà tôi ở là nhà của một người làm nghề bưu điện. Trên vách nhà ông ta dán rất nhiều ảnh. Những thiên thần có cánh bay lơ lửng trong không trung. Những nàng tiên xiêm áo rực rỡ, tà áo và các giải lụa cứ bay phơ phất tít tận trời xanh. Thuở nhỏ tôi mê các nàng tiên ấy. Bao giờ tôi cũng nghĩ

là họ chỉ ngửi hương ở các bông hoa, như thế bát cơm để kê vào miệng! Bởi vì nghe thế thì có cái gì dung tục và tàn nhẫn quá! Đấy, tôi cười là cười cái ý nghĩ đó của mình.

Nghe vậy Xuân Quỳnh cười tít mắt lại và hỏi:

- Ông thấy tôi cười có xinh không?

Rồi nhanh như con mèo. Quỳnh quỳ chân xuống vươn người về phía tôi và há to miệng ra.

- Ông hãy nhìn vào răng tôi đi! Sâu đục nham nhở nay đổ toàn những chì vôi thiếc cả đấy!

Xuân Quỳnh thật là đáo để!

Tôi đến nhận nhuận bút ở *Tác phẩm mới*. Xuân Quỳnh gói số tiền vào một miếng vải. Buộc đi buộc lại rất cẩn thận. Tiễn tôi ra về lại dặn: Phải ôm cái túi vào người, không treo lên vách. Rồi cứ bản khoăn lo lắng sợ tôi vụng về bỏn ăn cắp nó cuộm mất. Tôi bảo Quỳnh: Tôi đã thành cáo rồi, không lo! Chẳng khi đó cô mới yên tâm. Một lần Quỳnh đưa cho tôi cái áo trẻ con và bảo: "Đây là cái khăn bàn tôi kiếm được trong dịp đi nước ngoài. Tôi đã khâu thành cái áo, ông mang về cho cháu nó mặc". Trước kia, khi Lưu Quang Vũ bỏ lính về, Quỳnh bảo tôi kiếm phiếu gạo gửi ra cho Quỳnh. "Phải bí mật nuôi nhau" - Quỳnh bảo thế.

Quỳnh làm biên tập. Tôi đưa bài thơ *Hồ Kẻ Gõ*. Báo in sai mất một chữ. Câu thơ "Đã đi qua trăm nghìn con nước mù", in thành "con nước mú". Quỳnh gửi cho tôi đến hai bức thư, cứ xít xoa ân

hận về cái lỗi in dấu huyền thành dấu sắc đó. Khi tôi gửi ra báo những bài thơ dở. Quỳnh liền viết thư vào: "Độ này ông mê mãi những đâu đâu? Mấy bài thơ viết ra gầy mòn như những bộ xương!"

Quỳnh hay gọi chủ tịch đoàn trong các hội nghị bằng cái tên là "Hội đồng long trọng". Ấy thế nhưng Quỳnh cũng có lần được cử lên làm chủ tịch đoàn. Ở đại hội văn nghệ Nghệ An, Quỳnh là khách danh dự được ngồi trên bục cao, trên ghế chủ tịch đoàn. Phía sau là phong màn, băng cờ, khẩu hiệu. Phía trước là những lọ hoa, Quỳnh ngồi chính giữa sát trước mặt là lọ hoa to tướng cắm đầy những bông sen và gương sen. Tôi thấy Quỳnh cứ cố thu mình lại nép khuất vào cái lọ hoa ấy. Vì phải nghe báo cáo dài dặc, lợi dụng khi vỗ tay nhón nháo Quỳnh lén khỏi bàn chủ tịch đoàn. Tôi ngồi sau góc cột ở hàng ghế cuối cùng. Quỳnh xách cái túi đến và ra hiệu cho tôi nhìn vào túi. Toàn là gương sen. Những gương sen xanh biếc, to tướng. Tôi hỏi: "ở đâu ra đấy?" Quỳnh bảo: "Ăn cắp được!". Hèn chi, các lọ hoa trên bàn chủ tịch đoàn đã vơi hẳn đi. Chúng tôi đã ngồi ăn lén cả mấy cái gương sen ở hàng ghế phía sau của hội nghị long trọng ấy.

Hơn hai mươi năm bầu bạn, tôi có chút ân hận với Quỳnh. ấy là năm 1980, sau sự việc bài thơ *Với con*, tôi ra Hà Nội. Tôi đi thẳng vào cổng Hội nhà văn. Từ phía trong, Quỳnh hớn hỏ chạy ra và vui sướng hét lên bông đùa: "Từ cỗi chết anh trở về

chối lại". Lúc đó tôi nghiêm mặt và nói: "Người ta không đùa như bà đâu!" Quỳnh bị dội nước lã bất ngờ, ỉu xiu như quả bóng hết hơi. Sau này, tôi ân hận mãi về hành động đó của mình. Thực ra, trước đó những sự kiện phi văn hóa đã quấy nhiễu tôi đến mệt mỏi. Với tấm lòng độ lượng sẵn có, từ thế giới bên kia mong bạn tha thứ cho tôi ở thế giới bên này.

T.Q

NGƯỜI ĐÀN BÀ YÊU VÀ LÀM THƠ

ĐOÀN THỊ ĐẶNG HƯƠNG

Gherxen - nhà cách mạng dân chủ và nhà văn Nga vĩ đại đã nói: nhà văn là một nỗi đau khổ. Nhà văn là một nỗi đau khổ - chỉ riêng điều đó đã nói lên tính đặc thù lao động nghệ thuật của nhà văn nói riêng và của nghệ sỹ nói chung. Bởi dẫu nhà văn có tài đến thế nào đi nữa cũng không thể làm người đọc cảm thông với những điều thể hiện của mình nếu chính mình không trải qua, không đau đớn cùng với những nỗi đau và niềm hạnh phúc mà mình thể hiện trên trang giấy. Nếu không có khả năng tiếp nhận và đồng cảm như thế thì sẽ không có văn học, và chính vì lẽ đó mà văn học chân chính thường gắn với một chủ nghĩa nhân văn, chủ nghĩa nhân bản cao quý.

Bởi vậy đọc thơ Xuân Quỳnh, từ những bài thơ của thuở ban đầu còn nhiều hồn nhiên, mộc mạc và cả sự non nớt trong nghệ thuật đến những bài thơ đã già dặn, đã đi vào độ chín của một phong cách thơ đều lắng sâu những nỗi đau thâm kín:

Những nỗi đau và trần trở của một cuộc đời và một số phận nghệ thuật của người đàn bà làm thơ. Lời ru con trong những vần thơ đầu tiên của chị không chỉ ngọt ngào:

...Cái bóng ngủ ngon, cánh cò bay mãi".

Bởi khi cánh cò đã gãy.

Trong lúc ngủ say cái bóng vẫn giật mình.

(Khi con ra đời)

Và bài *Hát ru chống những đêm khó ngủ* trong tập thơ cuối cùng của chị *Hoa cỏ may*, thì nỗi đau đó vẫn sâu nặng và còn nguyên vẹn. Đó không phải chỉ là nỗi đau riêng tư mà đây còn là nỗi đau của một trái tim công dân làm thơ. Những nguyên tắc đạo đức và trách nhiệm của một công dân, của một nhà thơ đã tập trung thành một bản lĩnh trong tâm hồn say đắm và âu lo mà chúng ta đã đọc thấy trong thơ Xuân Quỳnh đã thực sự sống và hòa nhịp với cuộc sống của dân tộc trong một thời kỳ đầy ắp các sự kiện mang tầm lịch sử.

Tôi nói như vậy vì dường như có một nhận định chưa đúng rằng: Thơ Xuân Quỳnh nói riêng và văn thơ của phụ nữ nói chung còn yếu về tinh thần trách nhiệm của một nghệ sĩ trước thời đại; rằng dường như trong thơ Xuân Quỳnh và cả trong thơ phụ nữ nói chung chỉ khai thác được những gì vốn có trong bản thân mình: Tình yêu riêng tư, ước mơ và khát vọng, tất cả những gì hạn hẹp trong vòng tay nhỏ bé của họ. Và nói theo cách nhìn hàn lâm

thì dường như văn thơ của họ chưa có được *tâm cao*! Với thơ Xuân Quỳnh và nhiều nhà văn, nhà thơ nữ, nếu đi sâu vào tác phẩm của họ, chúng ta sẽ có một cách nhìn khác. Trong thơ Xuân Quỳnh tinh thần trách nhiệm và lương tâm của một người cầm bút trước dân tộc và trước lịch sử không chỉ vang lên với một âm hưởng cao độ như trong thời gian chiến tranh yêu nước vừa qua với những tập thơ: *Hoa dọc chiến hào*, *Gió Lào cát trắng...* kết quả của những chuyến lặn lội vào các vùng tuyến lửa Vĩnh Linh, Quảng Bình (tiếng hát của một tâm hồn chiến sĩ trong đội ngũ chiến đấu của dân tộc những tháng năm chiến đấu): mà là trong bất cứ giai đoạn nào của lịch sử dân tộc trong cuộc đời thơ của chị. Ngay trong số những câu thơ cuối cùng của chị, mà ta có thể coi là những câu thơ di chúc:

Trái tim này chẳng còn có ích

Cho anh yêu, cho công việc, bạn bè...

Người đọc dường như nghe thấy trong những câu thơ ấy nỗi đau của một người đã sống hết mình, làm việc hết mình, yêu hết mình để hiến dâng cho nghệ thuật, cho cuộc đời, cho tình yêu chung và riêng bằng cái sức lực cuối cùng của sự sống phải tính đến từng nhịp đập của một trái tim đau. (Nhiều bạn đọc đã khóc trên những dòng thơ ấy). Đó thực sự là một tâm hồn thơ rất đàn bà bởi đây sự hy sinh cho cuộc đời và cho nghệ thuật. Bởi vì số phận và cuộc đời của một nghệ sĩ nói chung

và của một nhà thơ nói riêng nói như Pearl Buck trong một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của đàn bà dành chọn cho thân phận của một nữ nghệ sĩ: "Vâng, thỉnh thoảng rồi cô sẽ khổ đau, có thể là về đêm, nhưng sáng ra cô thức dậy, đi làm việc, và cô sẽ không còn đau khổ nữa. Cô sẽ quên mà không khổ đau"⁽¹⁾. Có lẽ ý đó đã có phần nào giống với một bài thơ trong tập thơ cuối cùng của Xuân Quỳnh (tập thơ mà chị đã không có cái may mắn nhìn thấy hôm nay). Cái ý chí phải vượt qua những nỗi đau khổ của hình hài và linh hồn để tiếp nhận một cuộc đời sáng tạo nghệ thuật. Cái nỗi đau ấy Xuân Quỳnh đã diễn tả rất giản dị, mà lại làm đau người đọc bằng chính sự giản dị của nó trong bài *Lại bắt đầu*:

*Tay trong tay tôi đã bên người
Tôi chẳng nói điều chi về vĩnh viễn
Vì mỗi sáng khi mặt trời hiển hiện
Là một ngày tôi lại bắt đầu yêu.*

Có lẽ đối với một người lao động nghệ thuật chân chính, ngoài những cuộc đấu tranh diễn ra trong đời thường: cuộc đấu tranh để mưu sinh, để tồn tại, cuộc đấu tranh cho cuộc đấu tranh cho miếng cơm manh áo hàng ngày, là cuộc đấu tranh cho sự tồn tại của một hiện thực nghệ thuật, một hiện thực được tạo dựng nên bởi ý niệm về cái đẹp và lý tưởng nhân văn chủ nghĩa. Đó là một cuộc

⁽¹⁾ Pearl Buck: Trái tim kiêu hãnh.

đấu tranh khốc liệt và không kém phần "thật" của hạnh phúc trong cuộc đời mình. Đó là cuộc chiến đấu chống lại chính hình hài vật chất của mình để lao động nghệ thuật, để xây dựng một thế giới tinh thần. Nói ra thì thật đơn giản, nhưng đối với ai mà lẽ cuộc đời đặt ra là phải chọn sự sáng tạo làm lý do để tồn tại thì cuộc đấu tranh ấy diễn ra không đơn giản chút nào, đó là sự lựa chọn giữa những *giá trị đích thực và giá trị hư ảo* của cuộc đời, là sự lựa chọn giữa *bất hạnh và hạnh phúc*: mà đó lại là cuộc đấu tranh trong cô đơn trên sa mạc trắng của những trang giấy. Một sa mạc trắng chói bóng trong cuộc hành trình sáng tạo vô tận của các nghệ sĩ của nhân loại qua mọi thời đại, ở đó những hành chữ như những vết chân của người nghệ sĩ để lại được lưu giữ bằng mồ hôi và nhiều khi bằng máu của mình. Mà đó lại là cuộc hành trình cô đơn và vô tận (bởi có nghệ sĩ nào dẫu là vĩ đại có thể đạt tới chân lý của cái đẹp và của nghệ thuật?) Và xin hãy đọc và hiểu cho những dòng tâm sự của Xuân Quỳnh trong lá thư chị viết cho người bạn cùng nghề, khi chị quyết định lựa chọn con đường văn học: "... Đó, trước mắt tôi là hạnh phúc, là yên ấm. Thế mà tôi từ bỏ tất cả. Tất nhiên trên đời này được cái nọ phải mất cái kia. Nhưng biết rằng mình có được cái mà mình đòi không? Tôi không ngại gian khổ về vật chất, tôi chỉ buồn về tình cảm... Tôi bây giờ như kẻ đứng giữa ngã ba đường vắng mà trời thì tối, chẳng biết hỏi ai. Giá mà bây

giờ có ai bảo hộ tôi một điều rằng: "Đi con đường này là đúng thì dù biết có gục ngã giữa đường tôi vẫn cứ đi"⁽¹⁾.

Hai mươi năm sau vẫn người phụ nữ ấy lại viết trong bản tiểu sử văn học (ngày 29-8-1982) trả lời cho đề mục: *Nguyên nhân bắt đầu hoạt động văn học*: "Vì thích thú, làm văn học cảm thấy như mình được sống thêm một cuộc đời khác nữa"⁽²⁾.

Cuộc đời Xuân Quỳnh thật sự là cuộc đời của một người lao động nghệ thuật chân chính. Nói như một nhà văn lớn đó là một thứ "lao động khổ sai" của một con người mà hàng ngày bị gấn chặt với bàn viết như một định mệnh. Đó là những kiếm tìm, những ngỡ vực, những lo âu, những đau đớn, đó là lao động và lao động trong sự dằn vặt và gánh nặng cuộc đời thường thường đặt lên vai một người đàn bà làm thơ, một nhà thơ chưa bao giờ được ngủ giường và chưa bao giờ có bàn viết, phải đính kim sa vào áo diễm, phải cắt dép nhựa để lo kiếm sống⁽²⁾. Đó là cái gì nếu không gọi là lòng dũng cảm và sự hiến dâng hết thảy sức lực thể chất tinh thần cho lao động nghệ thuật. Và xin bạn đọc hiểu rằng nhà văn, nhà thơ là con người bình thường mà phải bằng tất cả sức mạnh vốn có của mình thực hiện được một điều kỳ diệu: *một sự sáng*

⁽¹⁾ Thư gửi Văn Long trong bài *Đôi nét Xuân Quỳnh*. Nxb Tác phẩm mới. 1989. tr.129.

⁽²⁾ Lê Minh Khuê: *Nhớ chị Xuân Quỳnh*. Sách đã dẫn. tr.144

⁽²⁾ Sách đã dẫn. tr.171

tạo sinh nở trong nghệ thuật. Bài thơ *Nếu ngày mai em không làm thơ nữa* có lẽ là một trong những bài thơ đã diễn đạt đủ đầy cái chất ấy, thật bất hạnh - hạnh phúc của một người nghệ sĩ nói chung và một nhà thơ nữ nói riêng:

*Ôi trời xanh - xin trả cho vô tận
Trời không xanh trong đáy mắt em xanh
Và trong em không thể còn anh
Nếu ngày mai em không làm thơ nữa!*

Đối với Xuân Quỳnh có nghĩa là đưa vào thơ chính bản thân mình, có nghĩa là đưa chính cuộc đời mình vào đó để đánh đổi, để trả giá cho nghệ thuật. Ngay ở những bài thơ cuối cùng của chị, khi chị đã đi qua cái tuổi bốn mươi, ở cái tuổi dẫu muốn hay không muốn trong những cảm nhận nghệ thuật của con người sáng tạo đã chớm xuất hiện những dấu hiệu của sự mệt mỏi. Những ảo vọng về một cuộc đời tuyệt đẹp và vô tận; cái tuổi trẻ như một bức tranh màu sắc nóng bỏng và rực rỡ đã tan đi. Vậy mà những trang thơ của Xuân Quỳnh lúc đó vẫn tươi tắn, ấm áp, những dòng thơ vẫn toát lên cái nghị lực, những câu thơ vẫn lấp lánh ánh sáng của khát vọng:

*Mùa hạ của tôi, mùa hạ đã đi chưa
Ôi tuổi trẻ bao khát khao còn hết?
Mà mặt đất màu xanh là vẫn biển
Quả ngọt ngào thắm thiết vẫn màu hoa.*

Có lẽ thời gian chỉ mang lại mỗi một điều duy

nhất cho người phụ nữ tài năng này đó là một sự từng trải, một độ chín đậm đặc của đời sống thực và đời sống thi ca. Những trang thơ của chị lúc này thực hơn và lại mơ hơn độ chín của trái quả vào thu ngọt ngọt ngào ngào, mãnh liệt và có một hương vị riêng thấm suốt thời tuổi trẻ của mình. Những câu thơ trong bài *Hoa cỏ may* khi mà nhà thơ "Lòng như trời biếc lúc nguyên sơ", những câu thơ thật dịu dàng, thật duyên dáng, thật đầm thắm mà thật sâu sắc, lại cũng thật đau đớn, nỗi đau riêng chịu và cầm nín của một người đàn bà, rất đàn bà trong đời thường và cả trong nghệ thuật. Thật buồn thay, ở cái tuổi khi đã bắt đầu cảm nhận được cái độ số khắc nghiệt của tình yêu và nghệ thuật.

Khấp nẻ giăng đầy hoa cỏ may

Áo em sơ ý cỏ găm dày

Lời yêu mỏng manh như màu khói...

Dường như thi sĩ đã cảm nhận thấy sự mỏng manh, sự không hoàn thiện, sự không vĩnh cửu của cái đẹp trong đời thường và trong nghệ thuật? Phải chăng chị đã đau khổ vì sự tan vỡ và sự không hoàn thiện của cuộc đời và của nghệ thuật?

Nhưng thơ của chị giống như các tác phẩm của một người lao động tinh thần chân chính đã tách rời khỏi chủ thể sáng tạo để có một sức sống riêng, một hình hài riêng, một linh hồn riêng (dù nhỏ bé) đã *thực sự sống* cuộc sống hôm nay của nó khi nhà thơ đã từ giã chúng ta.

Ta cảm thấy sẽ thiếu thốn nếu không nói đến mảng thơ tình yêu của Xuân Quỳnh. Chị đã được bạn đọc yêu thơ yêu mến như là một trong những thi sĩ riêng có của tình yêu.

Phải nhận rằng trong thơ Xuân Quỳnh đã hát một giọng riêng khác với ngay cả những tác giả nữ khác về tình yêu: nó có một sắc thái *táo bạo* và nhiều khi còn *dữ dội* nữa. (ở thời kỳ ấy thơ tình của chị đôi khi còn làm cho những nhà thơ đàn ông phải nể vì). Chị là một trong những tiếng thơ rất sớm của một người con gái, một người đàn bà đã chủ động yêu và đòi quyền được yêu (ở cái thời mà người ta quen nhìn phụ nữ đầu là trong văn học một vai trò bị động và yếu đuối):

*... Không sợ diện dẫu, nếu tôi yêu được một người
Tôi sẽ yêu anh ta hơn anh ta yêu tôi nhiều lắm
Tôi yêu anh ta dẫu ngàn lần cay đắng...*

Tất nhiên thơ ca hiện đại Việt Nam đã từng biết, đã từng yêu, đã từng quen với nhiều sắc thái tình yêu của nhiều nhà thơ nữ trước và đồng thời với Xuân Quỳnh: thơ tình của chị bao dung và chở che, mãnh liệt và nhân hậu, đó là một giọng điệu riêng độc đáo, đậm thắm và táo bạo. Thơ Xuân Quỳnh đã tạo nên một vẻ riêng của chị: từ sự rụt rè của thuở ban đầu đến sự nở hoa kết trái của tình yêu, trong thơ chị có cả niềm vui vô tận, những hòa âm tươi sáng và thánh thiện và cả sự tuyệt vọng u buồn của những mất mát, những đổi

lừa và đau đớn. Trong thơ Xuân Quỳnh bao giờ cũng có sự song hành của những cặp phạm trù đối lập, của mọi sắc màu và giai điệu của tình yêu: niềm hạnh phúc tuyệt vời và sự tan vỡ đau khổ, niềm hy vọng bên cạnh sự mất mát và cả sự tuyệt vọng nữa, nhưng cuối cùng vẫn là niềm tin vào cái tốt đẹp, vào sự cao thượng, vào cái đẹp của một tình yêu chân chính. Có lẽ có một lĩnh vực nơi mà sự từng trải không cứu được cho sự khờ dại, cho sự cả tin, và cả sự ngây thơ nữa cho trái tim con người: đó là tình yêu. Người đàn bà ấy dẫu đã lỡ dở, lầm những chuyến đò, đã nếm những vị đắng cay của tình yêu mà vẫn cả tin trong sự nhẹ dạ của một trái tim rất đàn bà, chị đã tin để rồi không tin, trải qua dần vật đau đớn để rồi lại tin:

Giương mặt ấy lời yêu thuở ấy

Màu hoa vàng vẫn cháy ở trong em.

Ngôn ngữ của bài thơ thật là giản dị. ở đây thơ tình của Xuân Quỳnh đã khác biệt với những bài thơ của chị khi còn trẻ (*Chồi biếc, Thuyền và biển v.v...*). Lúc đó thơ chị là tiếng hát của trái tim đắm đuối trong sóng nhạc của một tình yêu, trong thế giới tuyệt đẹp của tuổi trẻ chỉ có sắc màu hồng tươi của một thế giới không có cả điều tầm thường và ô trọc. Ở đó dường như tất cả chìm đắm trong tâm hồn của những kẻ yêu nhau, trong thế giới ấy những lời thơ Xuân Quỳnh run rẩy trong hạnh phúc. Ở những câu thơ trên thì lại bình tĩnh và đơn giản tới mức lạ lùng. Bởi ở đây lời không còn là

quan trọng nữa, vì khi cảm xúc đã dâng lên cao độ thì chỉ có cảm xúc và cảm xúc đẩy câu thơ đi tới: chỉ còn lại sự thăng hoa của cảm xúc. Nội dung bài thơ dường như không có gì mà lại có thật nhiều. Đó là âm hưởng của một tình yêu, một tình yêu dù đã đi qua mọi va chạm, mọi đau đớn của cuộc đời mà vẫn khát khao, vẫn chờ đợi tình yêu bằng cả sự trinh bạch của tâm hồn: cái mà không một sự tàn phá, và đập nào của thời gian và cuộc đời chạm tới được.

Những bài thơ tình của Xuân Quỳnh có một nhan sắc riêng: chân thật và đam mê mãnh liệt. Trong thơ chị cháy lên cái sắc màu của một thế giới tâm linh và bằng vô thức của mình, chị đã bước vào cái thế giới tình thần ấy của tình yêu.

Đọc thơ tình của Xuân Quỳnh, tôi nghĩ đến con đường tình yêu - nghệ thuật mà chị đã đi qua (tôi không muốn và không thích nhập cuộc đời thực của các nghệ sĩ vào cuộc đời nghệ thuật của họ). Đọc thơ chị không hiểu sao tôi cứ bị ám ảnh bởi những trang văn xuôi đầy chất thơ và lòng dũng cảm của Saint-exupery "những cơn đói khát ánh sáng dữ dội đã xui chàng bay lên" (*Chuyến bay đêm*). Ở đây tôi không muốn so sánh về mặt văn tài mà tôi chỉ muốn nghĩ về cái *chất tâm hồn* của hai nghệ sĩ ở hai thời gian và hai mảnh đất khác nhau, có lẽ ở Xuân Quỳnh có cái khát vọng mãnh liệt ấy của người bạn đồng nghiệp kia: nếu ở Saint-exupery là niềm khát vọng của thế giới đàn ông, niềm khát vọng chinh phục thế giới vĩ mô thì ở

Xuân Quỳnh là khát vọng (có thể coi đây là điển hình chẳng ở người phụ nữ?) chinh phục cái thế giới vi mô của tình yêu (dẫu là thế giới ấy chỉ rộng bằng chu vi của một trái tim). (Mà thật ra nào có khác gì dẫu về chiều dài và chiều rộng của hai thế giới ấy?):

*Em trở về đúng nghĩa trái tim em
Là máu thịt, đời thường ai chẳng có
Vẫn ngừng đập lúc cuộc đời không còn nữa
Nhưng biết yêu anh cả khi chết đi rồi.*

*

* *

Viết về Xuân Quỳnh tôi cảm thấy ngòi bút mình bất lực. Chắc chắn rằng nếu chị còn sống chị sẽ nói như ý thơ của Ông Béc-gôn: "Tôi giản dị hơn và cũng đau đớn hơn nhiều".

Đ.T.Đ.H.

của thơ càng được bộc lộ nổi bật. Nhiều bài thơ hay của chị là sự bộc lộ của một tâm trạng. Bắt đầu từ một xao động hoặc nhẹ nhàng, kín đáo, hoặc da diết sôi nổi, từ đó cảm xúc thơ trào lên, tứ thơ được hình thành, ngôn từ và âm điệu kịp thời sinh nảy. Đọc thơ Xuân Quỳnh, người ta không có cảm giác tác giả cố ý "làm thơ". Chị sống hồn nhiên, sống hết mình với các bài thơ của mình, hay nói đúng hơn, thơ chị chính là đời sống của chị, là những tâm trạng thật của chị trong mỗi bước vui buồn của đời sống.

Tất cả những gì chị nói đến trong thơ: miền *gió Lào cát trắng*, con đường hai mươi trong những năm đánh Mỹ, thành phố nơi chị lớn lên, những năm tháng không yêu mà chị đã trải qua, căn phòng riêng của chị, đứa con nhỏ mà chị yêu dấu... đều được diễn tả thông qua những cảm xúc tràn đầy của tâm trạng. Dường như các đề tài trong thơ Xuân Quỳnh là cái cớ để chị tự biểu hiện tâm trạng mình. Bài thơ dù nói đến vấn đề gì thì cái nổi bật lên vẫn là tâm trạng của nhà thơ:

Dòng sông này, bãi cát, cánh đồng quen

Hoa lau trắng suốt một thời quá khứ

Tôi đã đi đến tận cùng xứ sở

Đến tận cùng đau đớn, tình yêu.

(Thơ tình cho bạn trẻ)

Nhưng cái thế giới bên trong ấy không phải là một thế giới khép kín, nó luôn rộng mở, luôn

chuyển tiếp, trôi cuốn, hướng về ngoại vật, hướng tới mọi người như con sông luôn hướng về biển cả. Người đọc tìm thấy nhà thơ trong các bài thơ, và cũng tìm thấy chính mình, tâm trạng mình, cuộc đời mình trong đó. Đây chính là sức truyền cảm và đồng cảm của thơ Xuân Quỳnh, khiến thơ chị được bạn đọc yêu thích.

Trước Xuân Quỳnh có lẽ chưa có người phụ nữ làm thơ nào đã nói về tình yêu bằng những lời cháy bỏng, tha thiết và nồng nàn đến như thế:

*Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức.*

...
*Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.*

(Sóng)

Tình yêu trong thơ chị đẹp và trong sáng quá. Dù có những gian truân cách trở, nhưng bao giờ cũng trọn vẹn, cũng đến được tận cùng hạnh phúc như con sóng nhỏ đến với bờ xa. *Sóng và Thuyền và biển* là hai bài thơ tình vào loại hay nhất của

Xuân Quỳnh nói riêng và của thơ hiện đại Việt Nam nói chung. Nó có mặt trong hầu hết gia tài thơ của những đôi lứa yêu nhau. Ở Xuân Quỳnh, tình yêu không bao giờ đơn thuần chỉ là tình yêu, nó còn tượng trưng cho cái đẹp, cái tốt, cái cao quý của con người, tượng trưng cho niềm khao khát được tự hoàn thiện mình.

Giai đoạn sau này, kể từ tập *Gió Lào cát trắng* trở đi, tình yêu trong thơ Xuân Quỳnh có thêm một giọng điệu mới, nhiều xao động và trăn trở. Chúng ta bắt gặp trong thơ chị tâm trạng của một con người nhiều yêu thương, luôn khát khao và lo âu trăn trở. Cái tôi của nhà thơ hạnh phúc nhưng không hề bình yên thỏa mãn. Cái tôi đó luôn luôn ở trong trạng thái xao động, đang chờ đợi, đang băn khoăn... Trải qua những gian truân thử thách của đời sống, tình yêu vẫn say đắm, nhưng bớt dần cái vẻ rạo rực, sôi nổi mà trầm tĩnh, sâu lắng hơn. Từ một cô gái nhìn cuộc đời, nhìn tình yêu dưới lăng kính màu hồng chị đã trở thành một người đàn bà từng trải. Đã tìm kiếm, yêu thương, bất hạnh rồi lại hy vọng và tìm thấy tình yêu mới. Những bài thơ tình của Xuân Quỳnh thường có một vẻ đẹp giản dị, chân xác. Đôi khi chỉ bằng một câu hỏi tưởng như băng quơ cũng đã mở ra một thế giới tình yêu đầy biến động và rất giàu nữ tính:

Cửa kính mờ trong mưa đêm ướt

Em chờ anh, anh có về không?

(Ngày mai trời còn mưa)

Người phụ nữ đang yêu trong thơ Xuân Quỳnh rất trân trọng và khao khát tình yêu. Cũng chính vì lẽ đó mà thơ chị đầy ắp những lo âu, e ngại. Trong cuộc đời thường đầy biến động này, tình yêu quả là một cái gì đó thật mong manh, dễ đổ vỡ. Bao giờ nó cũng kèm theo nỗi khắc khoải không yên:

- Em lo âu trước xa tắp đường mình
Trái tim đập những điều không thể nói.

(Tự hát)

- Em đâu dám nghĩ là vĩnh viễn
Hôm nay yêu, mai có thể xa rồi.

(Nói cùng anh)

- Những cánh chuồn mỏng manh như tình yêu.
(Chuồn chuồn báo bão)

- Đốt lòng em câu hỏi
Yêu em nhiều không anh?

(Mùa hoa roi)

- Lời yêu mỏng manh như màu khói
Ai biết lòng anh có đổi thay?

(Hoa cỏ may)...

Nhưng không phải vì thế mà tình yêu trở nên hư vô, huyền bí. Trái tim nồng nhiệt của một người phụ nữ suốt đời khao khát tình yêu rất biết nâng niu quý trọng niềm hạnh phúc đã có thật trong đời:

Chỉ riêng điều được sống cùng nhau
Niềm sung sướng với em là lớn nhất

*Trái tim nhỏ nằm trong lồng ngực
Giây phút nào tim chẳng đập vì anh.*

(Chỉ có sóng và em)

Thơ Xuân Quỳnh có nhiều cung bậc tình cảm khác nhau, khi đắm say hạnh phúc, lúc day dứt suy tư. Nhưng xuyên suốt các tập thơ của chị là một tình yêu sâu nặng không nhạt phai. Trong cái hữu hạn ngắn ngủi của cuộc đời, tình yêu trở thành vĩnh cửu. Với bản chất trong sáng và tinh diệp của nó, tình yêu không thể bị thời gian tàn phá, bị không gian chia xẻ và ngăn cách. Tình yêu bất tận và bền vững, vượt ra ngoài cái giới hạn thường tình của lẽ tử sinh:

*Em trở về đúng nghĩa trái tim em
Là máu thịt, đời thường ai chẳng có
Cũng ngừng đập khi cuộc đời không còn nữa
Nhưng biết yêu anh cả khi chết đi rồi.*

(Tự hát)

Trong tâm hồn nhạy cảm của Xuân Quỳnh không có một thứ tình cảm nào buông trôi nửa vơi. Bao giờ chị cũng đẩy cảm xúc lên ở mức độ cao nhất. Chị luôn luôn nói đến tận cùng những tình cảm của mình. Đặc điểm này đem sức nặng đến cho nhiều bài thơ của chị và cũng đem đến cho cuộc đời chị nhiều cay đắng. Xuân Quỳnh đã đem chính cuộc đời mình ra để đối lấy những câu thơ. Với chị, cây bút như là một cái "nghệp" đã cầm lên là phải viết, như là số phận không thể khác được.

Hình như Xuân Quỳnh ít phải bận tâm về việc đi tìm hình thức biểu hiện. Chị cũng không mất công nhiều lắm trong việc lựa chọn hình ảnh, chải chuốt ngôn ngữ: "Đừng lo đi tìm ngôn ngữ. Cảm xúc sẽ tự chọn được ngôn ngữ của mình". Xuân Quỳnh đã có lần phát biểu như vậy. Trong khi các thể loại văn học đang có xu thế tìm tòi sự đổi mới, Xuân Quỳnh có một quan điểm rất giản đơn *cái hay bao giờ cũng mới*. Xuân Quỳnh không có ý định trau chuốt nghệ thuật thơ mình. Chị đến với những bài thơ một cách hồn nhiên. Nhưng khi tìm hiểu thơ Xuân Quỳnh, sẽ nhận thấy chị là nhà thơ có nghệ thuật và kỹ thuật biểu hiện tương đối vững vàng, có bản lĩnh.

Trước tiên, đó là nghệ thuật trong cấu tứ. Cấu tứ trong thơ Xuân Quỳnh thường rất tự nhiên nhưng lại chắc chắn gọn ghẽ, sắc sảo. Trong quá nhiều bài thơ của chị (*Gió Lào cát trắng, Làng, Bàn tay em, Mẹ của anh, Thơ vui về phái yếu...*). Cả bài thơ với những hình ảnh và cảm xúc tự nhiên đến dễ dàng, người đọc không hề nhận thấy một sự gò bó nào trong cấu tứ; cho đến đoạn cuối với cái kết thúc bất ngờ, nhiều khi táo bạo, chủ đề của bài thơ mới vụt sáng lên, đạt hiệu quả mạnh. Chúng ta không dễ dàng nhận thấy bài thơ đã được dẫn dắt đi như thế nào bởi những mạch trong cấu tứ thơ uyển chuyển và tinh tế.

Điểm đặc sắc hơn trong nghệ thuật thơ Xuân Quỳnh có lẽ là giọng điệu thơ. Thơ chị có một giọng điệu riêng rất dễ nhận ra. *Giọng điệu* ở đây không phải là cách nói mà *cảm xúc*, là giọng điệu của tâm hồn. Một giọng điệu không kiểu cách, khiên cưỡng, mà luôn tự nhiên, phóng khoáng. Chị thường hay chọn lời ru hoặc lấy cảm hứng từ lời ru làm giọng điệu cho bài thơ của mình (*Ru, Lời ru, Hát ru, Lời ru trên mặt đất, Lời ru của mẹ, Hát ru chống những đêm khó ngủ v.v...*). Với những lời ru, Xuân Quỳnh đã chọn được một giọng điệu thích hợp cho tiếng Hát của tâm hồn chị; Tâm hồn một người mẹ nhân hậu, một người yêu đậm thắm và giàu đức tính hy sinh. Sử dụng biện pháp nghệ thuật này, có lẽ chị muốn thơ mình là những lời ru ngọt ngào, sâu nặng, chân thành. Những điều chị muốn nói với cuộc đời, những suy nghĩ về con người, về đất nước, về hạnh phúc, tình yêu và nhiều quan niệm nhân thế khác đã được Xuân Quỳnh diễn tả nhuần nhuyễn bằng những lời ru bình dị ấy. Tiếng ru của Xuân Quỳnh là tiếng hát của một tâm hồn. ở đây câu thơ đi về rộng dài theo những liên tưởng nhiều khi đột xuất mà vẫn tự nhiên hợp lý, câu thơ chao liệng giữa hy vọng, mơ ước với những trần trở xót xa, giữa những niềm vui nỗi buồn. Tiếng ru là một hình thức và phương tiện thơ ca thích hợp để biểu hiện phần sâu lắng và đậm thắm của hồn thơ Xuân Quỳnh. Lắng nghe trong tiếng ru của chị về giấc ngủ người yêu chúng ta thấy cả tạo vật

cùng cảm hòa và đi dần vào giấc ngủ êm đềm. Bình hoa, ngọn đèn, bức tranh trên tường, con tàu trên bến đều tan dần vào giấc ngủ. Và trong sâu xa của miền yên tĩnh ấy một tình yêu thiết tha đang thức dậy:

*Ngủ đi, người của em yêu,
Này, con tàu lạ vùi neo bến chờ,
Trời đêm nghiêng xuống mái nhà
Biển xanh kia cũng đang mơ đất liền
Anh mơ anh có thấy em
Thấy bông cúc nhỏ rơi trên đất quê.*

(Hát ru)

Xuân Quỳnh thường ít thành công ở những bài thơ khi mà cái lý lẫn át cái *tình*, hoặc cái tình còn mỏng nhẹ, chưa đủ độ chín. Lỗi viết tự nhiên, thoải mái của chị đôi khi lại trở thành có hại khi cảm xúc chưa đến "độ". Câu thơ vẫn trôi chảy nhưng chỉ còn lại những lời, những chữ, thiếu cái phần sâu lắng bên trong. Là một người viết thông minh, chị nhận ra khó rõ nhược điểm này của mình, nhưng muốn khắc phục cũng không phải là dễ. Xuân Quỳnh viết nhanh, viết khỏe. Những bài thơ đã sống lâu bên chị, chỉ đến khi trở thành nỗi ám ảnh thường xuyên mới thôi thúc nội tâm, "không viết ra được, chị mới cầm bút, và những câu thơ hiện lên trang giấy một cách dễ dàng".

*

* *

Đôi nét về thơ Xuân Quỳnh như vậy chắc chắn là còn chưa đủ. Bởi vì bên cạnh mảng thơ tình yêu, chị còn viết về nhiều chủ đề khác nhau, mà ở mỗi chủ đề, thơ chị lại có những phát hiện, đóng góp mới. Xuân Quỳnh là nhà thơ đã sống và hòa nhập hết mình với thời đại. Ở phần thơ *Hoa dọc chiến hào* và *Gió Lào và cát trắng* cũng còn lại những bài thơ, câu thơ gây được sự chú ý. Ngay ở mảng thơ riêng, Xuân Quỳnh cũng có những bài thơ về các mối quan hệ khác được ghi nhận và yêu thích (*Mẹ của anh, Tháng ba viết cho chị, Phố Huyện...*). Đặc biệt là loạt bài chị viết cho con, rất xúc động và thấm thía. Bài viết này chỉ đề cập đến một vài ấn tượng đậm nét khi đọc thơ Xuân Quỳnh. Xuân Quỳnh thường kể lại rằng chị đã có dịp đi trên đường hai mươi, đã từng sống trong đường hầm Vĩnh Linh, đã lên chốt Lạng Sơn vào những ngày chiến sự. ở các nơi đó những người lính trẻ đã yêu cầu chị đọc cho họ nghe những bài thơ tình yêu của chị. Họ thích hơn là những bài viết về chiến tranh, bom đạn...

*

* *

Tháng 6 năm 1988, Xuân Quỳnh bị đau tim. Chị nằm điều trị tại bệnh viện. Một buổi chiều oi bức tôi vào thăm. Trông chị thật khác lạ với bộ quần áo bệnh nhân rộng thùng thình. Gương mặt xinh đẹp tái xanh với nhịp thở nặng nề. Nụ cười tươi tắn thường che hết mọi lo buồn giờ đây cũng trở nên

nhọt nhọt. Sau vài câu chuyện, chị đọc cho tôi nghe bài thơ Lưu Quang Vũ viết tặng chị trong những ngày công tác xa Hà Nội. "... *Trái tim hãy vì anh mà khỏe mạnh. Trái tim của mùa hè, tổ ấm chỗ che anh...*". Xuân Quỳnh đọc những câu thơ với một niềm hạnh phúc rạng ngời không che giấu. Đôi mắt đen, sâu thẳm của chị sáng lấp lánh. Thoảng chốc Xuân Quỳnh đã biến thành nhân vật trong một bài thơ của chị:

Sẽ còn mãi cô bé mười sáu tuổi

Dấu tóc em năm tháng đổi thay màu.

Thơ Xuân Quỳnh nhiều lần nhắc đến cái chết như một điều không tránh khỏi. Nhưng ai có thể ngờ chị lại ra đi một cách nhanh chóng và oan nghiệt đến như vậy. Có cái gì như là định mệnh khi chị kết thúc cuộc đời cùng chồng con vào một ngày tháng tám đau xót. Chị vĩnh biệt chúng ta vào mùa thu. Những bông cúc vàng mà chị đã từng yêu, từng nói đến trong các bài thơ phủ kín khu mộ. Những bông hoa phúng điệu, tưởng niệm rồi sẽ tàn. Nhưng chị hãy tin rằng trên đời này thật sự có những "điều không thể mất". Trong hành trang thơ của chị chắc chắn có những bài sẽ đi vào vĩnh cửu.

Tháng 9/1989

L.K.T

II. VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ

Xuân Quỳnh tên thật là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, sinh ngày 6 tháng 10 năm 1942 tại xã La Khê, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây, trong một gia đình công chức. Thuở nhỏ, mồ côi mẹ từ sớm, ở với bà nội. Tháng 2 năm 1955 được tuyển vào đoàn Văn công nhân dân Trung ương, lúc đó trụ sở ở 66 phố Quán Sứ. Được đào tạo thành diễn viên múa. Đã đi biểu diễn ở nước ngoài và dự Đại hội Thanh niên Sinh viên thế giới năm 1959 tại Viên (áo). Năm 1962, 1963 học ở trường bồi dưỡng những nhà viết văn trẻ (khóa I) của Hội Nhà văn. Từ 1964 trở đi, là biên tập viên báo *Văn Nghệ*, nhà xuất bản *Tác phẩm mới*.

Tại Đại hội các nhà văn Việt Nam lần thứ ba, được bầu vào ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam. Một số thơ đã được dịch ra và in tại Liên Xô (cũ). CHDC Đức, Pháp...

Qua đời ngày 29 tháng 8 năm 1988 trong một tai nạn giao thông tại đầu cầu Phú Lương, thị xã Hải Dương, tỉnh Hải Hưng cùng chồng là Lưu Quang Vũ và con trai út Lưu Quỳnh Thơ (13 tuổi).

III. TÁC PHẨM CHÍNH

THƠ

- *Tơ tằm - chồi biếc* (In chung)
- *Hoa dọc chiến hào*
- *Gió Lào cát trắng*
- *Lời ru trên mặt đất*
- *Sân ga chiều em đi*
- *Tự hát*
- *Hoa cỏ may* (Giải thưởng văn học năm 1990 của Hội nhà văn).

SÁNG TÁC CHO THIẾU NHI:

- *Cây trong phố - Chờ trăng* (tập thơ - In chung)
- *Bầu trời trong quả trứng* (tập thơ - giải thưởng văn học năm 1982 - 1983 của Hội nhà văn)
- *Truyện Lưu Nguyễn* (Truyện thơ)
- *Bao giờ con lớn* (tập truyện)
- *Chú gấu trong vòng đu quay* (tập truyện)
- *Mùa xuân trên cánh đồng* (tập truyện)
- *Bến tàu trong thành phố* (tập truyện)
- *Vẫn có ông trăng khác* (tập truyện)

PHẦN III

THƠ TUỞNG NIỆM

Tưởng nhớ Xuân Quỳnh

Còn mưa ta chờ đợi
 Còn mãi tận cuối trời
 Đường dài, ngày nắng xối
 Bước chân trần, Quỳnh ơi!

Nào thấy đâu bến bờ
 Sau gió Lào cát trắng
 Thấy đâu mảnh vườn êm
 Thấy đâu miền biển lặng.

Ánh mắt nhìn thăm thẳm
 Lệ trôi qua môi cười
 Suốt đời ta vội quá
 Suốt đời chưa tới nơi.

Kìa mây mùa thu bay
 Cúc đã vàng thắm lại
 Thơ buồn trên mặt giấy
 Bóng người về đơn côi...

1992

Tưởng niệm

*Cái chết làm sống dậy
Một góc khuất ngày xưa...*

*Tôi còn giữ ảnh Quỳnh như biểu tượng
Tà áo bay vũ điệu giữa quảng trường.*

*Rời sàn tập Quỳnh vào sân khấu lớn
Vào gió Lào cát trắng của đời
Sau câu đùa dí dỏm
Là nỗi buồn thăm thẳm khôn nguôi.*

*Chân trời đâu có lỗi
Khi cánh chim bay chẳng tới bao giờ!*

*Thiếu tuổi thơ Quỳnh viết cho trẻ thơ
Khát hạnh phúc - đi tìm hạnh phúc
Tìm thấy chưa Quỳnh mà lo đánh mất?
Cái chết này có hết mọi lo âu?*

*Thắp hương lên tôi đọc thơ Quỳnh
Dáng múa ngày xưa mềm ngọn khói...*

Chẳng còn nữa anh và em

Nhớ anh Lưu Quang Vũ và chị Xuân Quỳnh

*Ngủ đi, xin hãy ngủ yên
Chẳng còn lo lắng, ưu phiền cũng không
Nhấp nhô đường rợp bóng thông
Nơi đây hiu quạnh với lòng quạnh hiu
Thôi đừng trách móc gì nhau
Đừng nói lời đắng làm đau lòng người
Mới sáng ra - đã chiều rồi
Cuộc đời thoát bỗng xa vời là xa
Ngủ đi chớ ngủ la đà
Đêm - chim không hót và hoa thôi cười
Ngủ đi anh, chị - ru hời
Người tan thành đất hình hài còn đâu
Chỉ còn thơ tặng cho nhau
Chỉ còn trang viết nhuộm màu thời gian
Chẳng còn nữa Anh và Em
Đắng cay, hờn giận ưu phiền cũng không.*

*Nhấp nhô đường rợp bóng thông
Rơi bao nước mắt người mong không về...*

Nghĩa trang Văn Điển 10- 1988

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

Kính cầu trong mưa

Nhớ Xuân Quỳnh và Lưu Quang Vũ

*Mưa một trời hư không
Buồn đau sao muôn trùng
Mưa bay ngoài muôn trùng
Lòng sao như rỗng không*

*Hai hàng cây âm thầm
Nhớ một làn môi đỏ
Một cung mưa rất trầm
Nhớ hai người qua phố*

*Trôi êm hai năm mộ
Một nghìn năm mộng lung
Một nỗi khát vô cùng
Khô trên hai phiến đá*

Gõ hai đầu âm dương
Một kinh cầu vô vọng
Gửi hai cành hoa trắng
Về một màu khói hương

Hai cánh chim bay về
Một tình cầu đã tắt
Hai ánh sao sa mạc
Tan thành một cơn mưa

Trên tài hoa nhàu nát
Trên trần gian khói sương
Trên mặt người biến sắc
Mưa in dấu vô thường.

Về một nhà thơ chết trẻ

*Những năm đáng sống nhất
Chỉ đã trải qua rồi
Sống hết mình để sống
Yêu hết mình để yêu
Còn lại gì nuôi tiếc.*

*Hoa cúc vàng thu chiều
Sóng đã nằm trong sóng
Mây trắng bay còn bay
Ngẩn ngơ trời cao rộng
Ai biết mùa thu này*

*Căn phòng nhỏ còn đây
Câu thơ đang dở chữ
Nước mắt dấu đông đầy
Cũng chỉ là nỗi nhớ*

*Đã lẫn vào cỏ cây
Đã về cùng cát bụi
Để lại dương gian này
Mọi buồn vui trần thế*

Sóng đã ra tận bể
Trái tim yêu còn yêu
Trái tim yêu còn khổ
Trái tim yêu còn đau
Cùng tình yêu muôn thuở

Nước mắt rơi lặng lẽ
Thâm thương người tài hoa
Thôi cũng đừng tiếc nữa
Biết đâu...
hơn sống già.

Nhớ một nhà thơ

Tưởng nhớ chị Xuân Quỳnh

*Hàng cây đã qua mùa bão gió
Dòng sông đã yên ngày thác lũ
Nhà thơ ơi, chị đi đâu lúc chiều buông?*

*Căn phòng nhỏ tối đèn, bài thơ viết dở dang
Trái tim bao điều chưa kịp nói
Không thể tin mùa thu theo con tàu xa khuất
Bông cúc nhỏ vẫn còn lóe nắng góc vườn con.*

*Tình yêu như dòng sông về xa
Niềm tin như cánh buồm trôi theo
Không gian cát trắng
Không gian nắng
Một mình tim đập với phù du.*

*Gió thổi trống không thêm đêm vắng
Ký ức như vì tinh tú xa
Thơ ơi, lắm lỗi rồi khao khát
Trăng khuya như lửa trước hiên nhà*

*Như chiếc lá bay, như dòng sông chảy
Chị về đâu...? Tháng tám mưa dầm...
Câu thơ để lại từ thu cũ
Nhói lòng tôi đọc trước mùa đông.*

MỤC LỤC

PHẦN I THƠ CHỌN LỌC

Chồi biếc	7
Tiếng gà trưa	9
Sóng	11
Tháng năm	13
Nếu ngày mai em không làm thơ nữa	15
Thơ vui về phái yếu	17
Gió Lào cát trắng	20
Tuổi thơ của con	22
Cổ đại	24
Thơ tình cuối mùa thu	26
Thuyền và biển	28
Mùa hoa doi	30
Thơ viết cho mình và những người con gái khác	32
Cơn mưa không phải của mình	37
Rm có đem gì theo đâu	40
Anh	43
Hát ru chống những đêm khó ngủ	45
Chuyện cổ tích về loài người	47
Bàn tay em	51
Chuẩn chuẩn báo bão	53
Hoa dại núi hoàng liên	55
Mái phố	57
Tự hát	59
Trời trở rét	61
Lời ru trên mặt đất	63

<i>Chùm thơ xuân cho ba con nhỏ</i>	65
1. Mùa xuân mừng con thêm một tuổi	65
2. Cất nghĩa	67
3. Con chả biết được đâu	68
Sân ga chiều em đi	70
Tháng ba viết cho chị	72
Hoa cúc	75
Thơ tình tôi viết	76
Tình ca trong lòng vịnh	78
Màu hoa còn lại	80
Ngọn lửa tuổi thơ	81
Có một thời như thế	83
Cố đô	85
Hoa cúc xanh	87
Dẫu em biết chắc rằng anh trở lại	89
Thơ tình cho bạn trẻ	90
Hoa cỏ may	92
Hoa tường vi	93
Mùa hạ	95
Lại bắt đầu	97
Không để	99
Thời gian trắng	100
Nói cùng anh	102
Mẹ của anh	104
Con yêu mẹ	106

PHẦN II

VÀ ĐỜI

I. VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ	108
- Xuân Quỳnh - một nửa cuộc đời tôi Đông Mai	111

- Con người và thơ	Lại Nguyên Ân	148
- Xuân Quỳnh qua thời gian	Vân Long	160
- Nhớ về một tài năng	Ngô Văn Phú	160
- Với Xuân Quỳnh	Xuân Tùng	169
- Nhớ chị	Lê Minh Khuê	174
- Xuân Quỳnh - người mẹ - người vợ	Bà Vũ Thị Khánh	182
- Phong cảnh mười bảy	Nguyễn Quân	193
- Cuộc đời để lại	Vương Trí Nhàn	202
- Ngày cuối cùng của Xuân Quỳnh		
Lưu Quang Vũ và cháu Quỳnh Thơ	Doãn Châu	213
- Thương nhớ Xuân Quỳnh	Nguyễn Thị Ngọc Tú	218
- Thương tiếc bạn gái Xuân Quỳnh	Phan Thị Thanh Nhàn	221
- Quỳnh ơi!	Nguyễn Thị Như Trang	225
- Vài kỷ niệm	Thạch Quý	229
- Người đàn bà yêu và làm thơ	Đoàn Thị Đặng Hương	234
- Cảm nhận về thơ Xuân Quỳnh	Lưu Khánh Thơ	246
II. VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ		257
III. TÁC PHẨM CHÍNH		258

PHẦN III

THƠ TƯỢNG NIỆM

- Tưởng nhớ Xuân Quỳnh	Ý Nhi	262
- Tưởng niệm	Vân Long	263
- Chẳng còn nữa anh và em	Nguyễn Thị Hồng Ngát	264
- Kinh cầu trong mưa	Hoàng Phủ Ngọc Tường	265
- Về một nhà thơ chết trẻ	Hà Phương	667
- Nhớ một nhà thơ	Tuyết Nga	268

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

XUÂN QUỲNH - THƠ VÀ ĐỜI

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập: HOÀNG THI THIỀU

Bìa: TIẾN THÀNH

Sửa bản in: THÙY DƯƠNG

Vì tính: SƯƠNG MAI

In 700 cuốn, khổ 13 x 19cm. Tại Xí nghiệp In ACS - Hải Phòng.

Giấy phép xuất bản số : 1477-XB-QLXB/164-VH TT.

Cấp ngày 13/10/2004. In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2005.

105 8.

Giá : 27.000đ